

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này ra công chúng chỉ có nghĩa là việc đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ

BẢN CÁO BẠCH

QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50

Tên Quỹ : Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50
Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng : 131/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 09.. tháng 10. năm 2024
Loại hình Quỹ : Quỹ hoán đổi danh mục
Ngày đăng ký Bản cáo bạch với UBCKNN : Ngày 09.. tháng 10. năm 2024
Thời gian hiệu lực của Bản cáo bạch kể từ ngày : Ngày 09.. tháng 10. năm 2024
Tiêu đề của Bản cáo bạch : Bản cáo bạch quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50

Thông cáo nội dung sau:

Quỹ đầu tư Chứng khoán được mô tả trong Bản cáo bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày /..... /2024

Người phụ trách công bố thông tin:

- Ông: Phí Tuấn Thành
- Chức danh: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương, người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương
- Địa chỉ liên hệ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương
Trụ sở chính: Tầng 28, Tòa C5, số 119 đường Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Nơi cung cấp các tài liệu quỹ:

Bản cáo bạch, báo cáo hoạt động định kỳ, báo cáo tài chính của Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 sẽ được cung cấp tại Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, đại lý phân phối của Quỹ và tại trang thông tin điện tử <https://www.techcomcapital.com.vn/>

THÔNG TIN QUAN TRỌNG

Trước khi quyết định đầu tư vào Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50, Nhà đầu tư cần đọc và nghiên cứu kỹ các thông tin về Quỹ như sau:

1. Chứng chỉ quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 được phép phát hành ra công chúng dựa trên những thông tin và cam kết được công bố tại Bản cáo bạch này. Bất kỳ thông tin hoặc cam kết nào khác do người môi giới, đại lý phân phối hay những người khác đưa ra sẽ không được xem là đưa ra theo sự ủy quyền của Quỹ, Công ty quản lý quỹ hay người đại diện của Quỹ hoặc Công ty quản lý quỹ. Không người nào có quyền đưa ra bất kỳ thông tin hay cam kết nào khác với những nội dung trong Bản cáo bạch này và những văn bản đính kèm.
2. Việc lưu hành Bản cáo bạch cũng như phân phối hay phát hành Chứng chỉ quỹ trong bất kỳ trường hợp nào cũng không tạo ra bất kỳ sự ám chỉ nào về việc không có bất kỳ thay đổi nào về tình hình hoạt động của Quỹ kể từ ngày ban hành Bản cáo bạch này.
3. Bản cáo bạch này không tạo ra việc chào bán hoặc thuyết phục bởi bất kỳ người nào tại bất kỳ quốc gia nào mà việc chào bán hoặc thuyết phục đó không được phê chuẩn hoặc chào bán hoặc thuyết phục cho bất kỳ người nào không được phép theo quy định pháp luật của nước đó.
4. Việc lưu hành Bản cáo bạch và phân phối chứng chỉ quỹ ở một quốc gia có thể bị giới hạn bởi luật pháp nước đó. Nhà đầu tư có nhu cầu đăng ký mua chứng chỉ quỹ có trách nhiệm cập nhật, hiểu và tuân thủ bất kỳ hạn chế nào nói trên cùng với các quy định luật pháp về quản lý ngoại hối, thuế quan hiện hành nơi nước họ cư trú, thường trú hoặc tạm trú.
5. Nhà đầu tư (Kể cả Nhà đầu tư nước ngoài) cần tham khảo ý kiến chuyên môn để biết thêm vấn đề thuế, các quy định pháp luật và các giao dịch ngoại tệ và biện pháp kiểm soát hối đoái liên quan đến việc mua bán và nắm giữ chứng chỉ quỹ sẽ bị điều chỉnh bởi pháp luật của nước mình như thế nào.
6. Nhà đầu tư hiểu và đồng ý rằng giá trị chứng chỉ quỹ và thu nhập (nếu có) từ việc đầu tư vào Quỹ có thể tăng lên hay giảm xuống. Theo đó, tại thời điểm giải thể Quỹ, giá trị thu hồi của các chứng chỉ quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ có thể thấp hơn giá trị ban đầu.
7. Nhà đầu tư cần lưu ý rằng, kết quả hoạt động trong quá khứ của Công ty quản lý quỹ không nhất thiết hàm ý rằng hiệu quả hoạt động trong tương lai của Công ty cũng sẽ như vậy.
8. Nhà đầu tư cần đọc kỹ Bản cáo bạch này, Điều lệ quỹ và các tài liệu khác có liên quan đến Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 do Công ty quản lý quỹ và các Thành viên lập quỹ, đại lý phân phối được Công ty quản lý quỹ chỉ định, được nêu trong Bản cáo bạch này trước khi đầu tư vào Quỹ. Đặc biệt, giá trị chứng chỉ quỹ, khả năng sinh lời và mức rủi ro được xác định trong tài liệu này chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
9. Việc đầu tư vào Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 không hàm ý bảo đảm khả năng sinh lời cho Nhà đầu tư, Nhà đầu tư cũng cần xem xét kỹ các yếu tố rủi ro trong việc đầu tư vào Chứng chỉ quỹ được nêu trong Bản cáo bạch này.

MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	8
1.	Công ty quản lý quỹ	8
2.	Ngân hàng giám sát	8
II.	CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA	9
III.	CƠ HỘI ĐẦU TƯ	12
1.	Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam	12
2.	Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư	15
3.	Triển vọng kinh tế 2024	17
4.	Giới thiệu về chỉ số VNX50	19
5.	Lợi ích của việc đầu tư vào Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50	20
IV.	THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	21
1.	Các thông tin chung về Công ty quản lý quỹ	21
2.	Các thông tin về Tình hình hoạt động của Công ty quản lý quỹ	22
V.	NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	23
VI.	CÔNG TY KIỂM TOÁN	23
VII.	THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI	24
1.	Thành viên lập quỹ	24
1.1.	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	24
1.2.	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	24
1.3.	Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương	24
2.	Danh sách Đại lý phân phối	24
VIII.	TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN	24
1.	Dịch vụ quản trị quỹ	24
2.	Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	25
IX.	CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ	25
1.	Thông tin chung về Quỹ	25
1.1.	Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ	25
1.2.	Giấy chứng nhận đăng ký chào bán	25
1.3.	Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ	25
1.4.	Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ	25
1.5.	Người điều hành quỹ	25
1.6.	Ban đại diện quỹ	26
2.	Điều lệ quỹ trong đợt phát hành lần đầu	26
2.1.	Các điều khoản chung	27

2.2. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế	27
2.3. Đặc trưng của chứng chỉ quỹ đầu tư	29
2.4. Cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ ETF.....	34
2.5. Nguyên tắc xác định giá giao dịch đơn vị quỹ	36
2.5.1. Tần suất định giá và công bố thông tin.....	36
2.5.2. Thông tin về các mức Giá dịch vụ	36
2.6. Thông tin về các mức Giá dịch vụ mà quỹ phải trả.....	36
2.7. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế	36
2.7.1. Phân chia lợi nhuận của quỹ.....	36
2.7.2. Chính sách thuế	37
2.8. Đại hội Nhà đầu tư	37
2.8.1. Đại hội Nhà đầu tư thường niên, bất thường.....	37
2.8.2. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội Nhà đầu tư.....	37
2.8.3. Thể thức tiến hành Đại hội Nhà đầu tư.....	38
2.8.4. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.....	38
2.9. Ban đại diện quỹ.....	39
2.9.1. Tổ chức Ban đại diện quỹ.....	39
2.9.2. Tiêu chuẩn lựa chọn Thành viên Ban đại diện quỹ	39
2.9.3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban đại diện quỹ	40
2.9.4. Chủ tịch Ban đại diện quỹ.....	40
2.9.5. Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ.....	40
2.9.6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung Thành viên Ban đại diện quỹ.....	40
2.9.7. Biên bản họp Ban đại diện quỹ.....	41
2.10. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ.....	41
2.10.1. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ	41
2.10.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Công ty quản lý quỹ	41
2.10.3. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Công ty quản lý quỹ.....	42
2.10.4. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ.....	43
2.11. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của ngân hàng giám sát.....	43
2.11.1. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát	43
2.11.2. Trách nhiệm và quyền hạn của ngân hàng giám sát.....	44
2.11.3. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Ngân hàng giám sát.....	45
2.12. Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo	45
2.12.1. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán	45
2.12.2. Năm tài chính.....	45
2.12.3. Chế độ kế toán và báo cáo.....	45

3.	Các rủi ro khi đầu tư vào quỹ.....	46
3.1.	Rủi ro thị trường.....	46
3.2.	Rủi ro lãi suất.....	46
3.3.	Rủi ro lạm phát.....	46
3.4.	Rủi ro pháp lý.....	46
3.5.	Rủi ro tín dụng.....	46
3.6.	Rủi ro xung đột lợi ích.....	46
3.7.	Rủi ro chênh lệch giá Chứng chỉ quỹ ETF với Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ (giao dịch thứ cấp).....	47
3.8.	Rủi ro đầu tư thụ động.....	47
3.9.	Rủi ro sai lệch so với Chỉ số tham chiếu (Index Tracking risk).....	47
3.10.	Rủi ro thanh khoản của thị trường.....	47
X.	PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF.....	47
1.	Căn cứ pháp lý.....	47
2.	Phương án phát hành lần đầu (IPO).....	48
3.	Đăng ký và góp vốn thành lập Quỹ.....	51
3.1.	Giai đoạn đăng ký góp vốn.....	51
3.1.1.	Thời hạn đăng ký góp vốn.....	51
3.1.2.	Phương thức góp vốn.....	51
3.1.3.	Trình tự thực hiện đăng ký góp vốn.....	52
3.2.	Giai đoạn thực hiện góp vốn thành lập Quỹ.....	52
3.2.1.	Thời hạn thực hiện góp vốn.....	53
3.2.2.	Thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn.....	53
3.2.3.	Tài liệu nộp cho Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối.....	53
3.2.4.	Các trường hợp phát sinh trong quá trình góp vốn.....	53
3.2.5.	Xác định giao dịch góp vốn hợp lệ.....	56
3.2.6.	Phong tỏa Chứng khoán cơ cấu góp vốn.....	56
3.2.7.	Phương thức phân phối chứng chỉ quỹ lần đầu.....	56
3.2.8.	Đăng ký thành lập Quỹ.....	57
3.2.9.	Trường hợp chào bán không thành công.....	57
3.3.	Đăng ký, lưu ký Chứng chỉ quỹ, chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu góp vốn.....	57
3.4.	Giá dịch vụ phát hành cho IPO.....	58
3.5.	Niên yết chứng chỉ quỹ ETF.....	58
4.	Giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ ETF (Giao dịch sơ cấp).....	58
4.1.	Nguyên tắc thực hiện.....	58
4.1.1.	Đối tượng tham gia giao dịch hoán đổi.....	58

4.1.2. Thời gian giao dịch hoán đổi	58
4.1.3. Thời điểm đóng sổ lệnh	58
4.1.4. Thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi	58
4.1.5. Phương thức giao dịch	59
4.1.6. Phương tiện thanh toán	59
4.1.7. Nguồn Chứng khoán hoán đổi	60
4.1.8. Giá giao dịch hoán đổi	61
4.1.9. Thời hạn xác nhận giao dịch	61
4.2. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi	61
4.2.1. Giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VN50	61
4.2.2. Giao dịch hoán đổi Lô chứng chỉ quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VN50 lấy Chứng khoán cơ cấu	64
4.3. Xác nhận kết quả giao dịch, đăng ký, lưu ký Chứng chỉ quỹ	66
4.4. Các trường hợp giao dịch hoán đổi không hợp lệ	66
4.5. Các trường hợp vượt tỷ lệ sở hữu theo quy định của pháp luật	66
4.6. Sửa, hủy giao dịch hoán đổi	68
4.7. Tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi	68
4.8. Thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế...)	68
4.9. Quy định về việc thực hiện thanh toán tiền phát sinh của giao dịch hoán đổi (sơ cấp)	68
5. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng	69
5.1. Tần suất xác định Giá trị tài sản ròng	69
5.2. Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ (iNAV)	69
5.3. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng	69
5.4. Công bố Giá trị tài sản ròng	70
6. Niêm yết, giao dịch Chứng chỉ quỹ ETF trên Sở giao dịch Chứng khoán (Giao dịch thứ cấp) và hủy niêm yết	70
6.1. Niêm yết Chứng chỉ quỹ	70
6.2. Giao dịch Chứng chỉ quỹ	70
6.3. Hủy niêm yết Chứng chỉ quỹ	70
7. Thông tin hướng dẫn tham gia đầu tư vào quỹ	71
XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ	71
1. Báo cáo tài chính	71
2. Tình hình phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	71
3. Giá dịch vụ và thưởng hoạt động	71
3.1. Các loại Giá dịch vụ do Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư trả	71
3.1.1. Giá dịch vụ phát hành	72

3.1.2. Giá dịch vụ mua lại.....	72
3.2. Các loại Giá dịch vụ do Quỹ trả.....	72
3.2.1. Giá dịch vụ Quản lý quỹ.....	72
3.2.2. Giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký.....	72
3.2.3. Giá dịch vụ quản trị quỹ.....	73
3.2.4. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng.....	73
3.2.5. Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu.....	73
3.2.6. Giá dịch vụ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính Giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV), mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu (TE).....	74
3.2.7. Các loại chi phí khác.....	74
4. Các chỉ tiêu hoạt động.....	74
4.1. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ.....	74
4.2. Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ.....	75
5. Phương thức tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của quỹ.....	75
5.1. Các khoản thu nhập của Quỹ.....	76
5.2. Phân chia lợi nhuận của Quỹ.....	76
6. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ.....	76
XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	77
XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO.....	78
XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ.....	79
XV. CAM KẾT.....	79
XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM.....	79
XVII. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	80
PHỤ LỤC 1.....	81
PHỤ LỤC 2.....	82
PHỤ LỤC 3.....	84
PHỤ LỤC 4.....	102

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Công ty quản lý quỹ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG (TECHCOM CAPITAL)

Giấy phép thành lập và hoạt động số: Số 40/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/10/2008 và Giấy phép thành lập và hoạt động số 57/GP-UBCK do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30/01/2019 (do chuyển đổi loại hình từ công ty TNHH sang công ty cổ phần) và các giấy phép sửa đổi theo từng thời điểm.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102995749 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/01/2019 (sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm);

Trụ sở chính: Tầng 28, Tòa C5, số 119 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 39446368 Fax: (+84) 24 39446583

Website: <http://www.techcomcapital.com.vn/>

Ông Nguyễn Xuân Minh Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Phí Tuấn Thành Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bà Phan Thị Thu Hằng Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân hàng giám sát

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh Cường (theo Giấy ủy quyền số 4464/QĐ-BIDV ngày 17/07/2024 của Người đại diện theo pháp luật Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam)

Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh

Địa chỉ trụ sở: 74 Thọ Nhuộm, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/9/2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020.

Quyết định về việc đăng ký hoạt động lưu ký số 510/QĐ-ĐKHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/08/2006.

Điện thoại: (84) 24 – 3941 1840 Fax: (84) 24 – 3941 1847

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty cổ phần Quản lý quỹ Kỹ Thương lập sau khi có xác nhận của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Thành. Chúng tôi, với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 sẽ chịu trách nhiệm theo các quy định trong phạm vi Hợp Đồng Cung Cấp Dịch Vụ Giám Sát Quỹ giữa chúng tôi với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương (“Techcom Capital”), là công ty quản lý quỹ của Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 và theo quy định pháp luật.

II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA

Tại Bản cáo bạch này, các từ, cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

- "Quỹ hoán đổi danh mục"/thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ quỹ. Là Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50, một loại hình quỹ mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ. Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- "Quỹ ETF"/ "Quỹ"
- "Công ty quản lý quỹ"/có nghĩa là Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Kỹ thương, được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động Số 40/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/10/2008 và các giấy phép sửa đổi theo từng thời điểm (nếu có).
- "Techcom Capital"/
- "TCC"
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102995749 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/01/2019;
- đáp ứng các tiêu chuẩn như nêu tại Điều 38 và có các quyền và nghĩa vụ như quy định tại Điều 39 của Điều lệ quỹ.
- "Ngân hàng giám sát" Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần mười hai (12) ngày 16/06/2020 và Quyết định về việc đăng ký hoạt động lưu ký số 510/QĐ-ĐKHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/08/2006, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện.
- "Công ty kiểm toán" Là Công ty kiểm toán độc lập cho Quỹ ETF, nằm trong danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ ETF. Công ty kiểm toán được Đại hội nhà đầu tư (hoặc Ban đại diện quỹ theo ủy quyền của Đại hội nhà đầu tư) quyết định hàng năm theo Điều lệ quỹ và pháp luật có liên quan.
- "Điều lệ quỹ" Là Điều lệ quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi, bổ sung hợp pháp (nếu có).
- "Bản cáo bạch" Là tài liệu này hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và niêm yết chứng chỉ quỹ của Quỹ.
- "Hợp đồng giám sát" Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư của Quỹ.

“Nhà đầu tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ.
“Đại hội nhà đầu tư”	Là Đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
“Ban đại diện quỹ”	Là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
“Vốn điều lệ”	Là Giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF tại thời điểm kết thúc đợt chào bán lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ này.
"Chứng chỉ quỹ"/ "Chứng chỉ quỹ ETF" "Lô chứng chỉ quỹ"/ "Lô ETF"	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ ETF. Mệnh giá 01 chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng. Một lô chứng chỉ quỹ ETF bao gồm một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ quỹ. Lô ETF là đơn vị giao dịch trong giao dịch theo cơ chế hoán đổi danh mục giữa Quỹ ETF và Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư.
“Giá bán/Giá phát hành”	Là mức giá nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ quỹ.
“Giá mua lại” (nếu có)	Là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ đã quy định tại Điều lệ quỹ.
“Giá dịch vụ phát hành”	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ để trang trải những chi phí cho việc phát hành Chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các Lô chứng chỉ quỹ.
“Giá dịch vụ mua lại”	Là giá dịch vụ mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư phải thanh toán cho Công ty quản lý quỹ khi thực hiện hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu.
“Giá dịch vụ quản lý quỹ”	Là giá dịch vụ phải trả cho Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ quỹ.
“Cổ tức quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.
“Năm tài chính”	Được tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ ETF sẽ được tính từ đầu ngày Quỹ ETF được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp thời gian từ đầu ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.
“Giá trị tài sản ròng của quỹ/NAV”	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tính đến ngày trước Ngày định giá.
“Giá trị tài sản ròng	Là Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ ETF được xác định trong

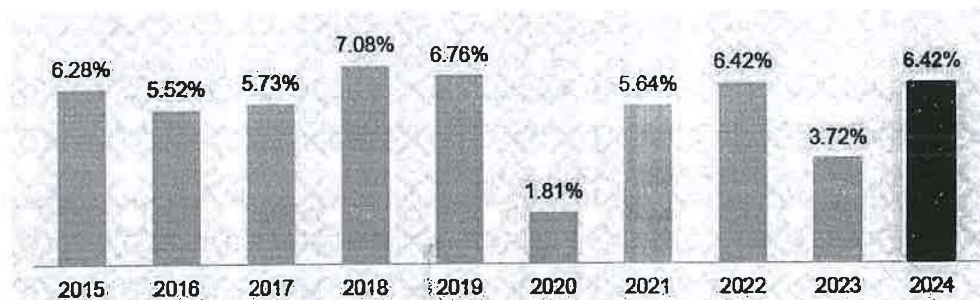
tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ ETF (iNAV)"	phiên giao dịch.
"Ngày định giá"	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ xác định Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF theo quy định pháp luật hiện hành.
"Ngày giao dịch hoán đổi"	Là Ngày định giá mà Quỹ ETF, thông qua Công ty quản lý quỹ phát hành và mua lại các Lô chứng chỉ quỹ ETF từ Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư theo cơ chế hoán đổi danh mục.
"Thời điểm đóng sổ lệnh"	Là thời điểm cuối cùng mà Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ nhận lệnh giao dịch hoán đổi từ Nhà đầu tư để thực hiện trong Ngày giao dịch hoán đổi. Thời điểm đóng sổ lệnh được quy định tại Điều lệ quỹ, công bố công khai tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch Tóm Tắt và không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường trong Ngày giao dịch hoán đổi của Sở giao dịch chứng khoán.
"Thành viên lập quỹ"/ "AP"	Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký đã ký hợp đồng lập Quỹ ETF với Công ty quản lý quỹ.
"Tổ chức tạo lập thị trường"	Là Thành viên lập quỹ được Công ty quản lý quỹ lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho Quỹ ETF.
"Đại lý phân phối"	Là các công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán đã ký hợp đồng phân phối Chứng chỉ quỹ ETF với Công ty quản lý quỹ.
"Đại lý chuyển nhượng"	Là Công ty quản lý quỹ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được Công ty quản lý quỹ ủy quyền để cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng theo quy định tại Điều lệ quỹ.
"Chi số tham chiếu"	Là chi số VNX50, một chỉ số giá do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội (HNX) đồng xây dựng, phối hợp quản lý chỉ số hàng ngày, trong đó HOSE trực tiếp thực hiện việc tính toán và vận hành, bao gồm năm mươi (50) công ty được lựa chọn từ danh sách các công ty niêm yết trên HOSE và HNX theo tiêu chí xây dựng chỉ số. Ngày cơ sở của chỉ số là 21/07/2017 với điểm cơ sở là giá trị chỉ số đóng cửa của VNX Allshare ngày 21/07/2017 Chi số VNX50 đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 250 Nghị Định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
"Chứng khoán cơ cấu"	Là chứng khoán cơ sở cấu thành danh mục chứng khoán của Chi số tham chiếu.
"Danh mục chứng khoán cơ cấu"	Là danh mục bao gồm các Chứng khoán cơ cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của Chi số tham chiếu và được Công ty quản lý quỹ chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ quỹ ETF.
"Lệnh giao dịch hoán đổi"	Bao gồm lệnh mua, trong đó Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận Danh mục chứng khoán cơ cấu và phát hành các Lô chứng chỉ quỹ và lệnh bán, trong đó Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận các Lô chứng chỉ quỹ và hoàn trả Danh mục chứng khoán cơ cấu.

"Bỏ phiếu điện tử (e-voting)"	Là hình thức giúp các Nhà đầu tư có thể thực hiện quyền bỏ phiếu của mình qua mạng internet, thông qua máy tính và các thiết bị di động.
"UBCKNN"	Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
"Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam"/"VSDC"	Là Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
"Sở giao dịch chứng khoán"	Là Sở giao dịch chứng khoán mà Chứng chỉ quỹ được niêm yết.
"HOSE"/ "HSX"	Là Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
"HNX"	Là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
Các định nghĩa khác	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

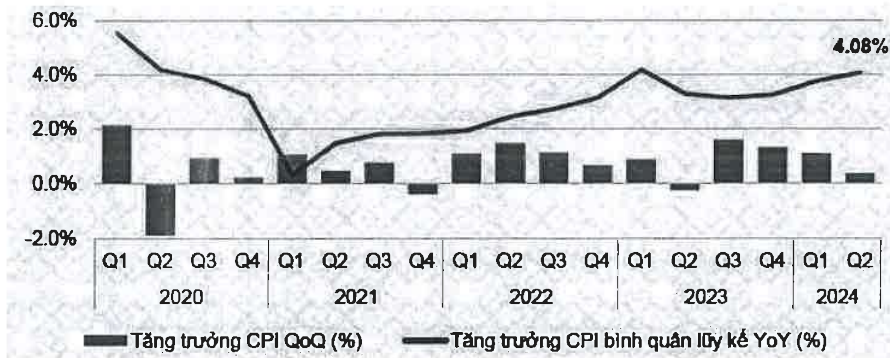
Theo Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm 2024 tăng 6.4% so với cùng kỳ, với đóng góp chính đến từ khu vực công nghiệp và xây dựng. Trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,4%, đóng góp 5,9 %; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,5%, đóng góp 44,3%; khu vực dịch vụ tăng 6,6%, đóng góp 49,8%.



Tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm trong các năm 2015 - 2024

Nguồn: Tổng cục Thống kê

CPI 6 tháng đầu năm 2024 tăng 4,08% so với cùng kỳ. Nguyên nhân tăng chủ yếu do giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (tăng 4%), nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (tăng 5,51%), giáo dục (tăng 8,58%).



Tăng trưởng CPI Việt Nam từ năm 2020 đến tháng quý 2/2024

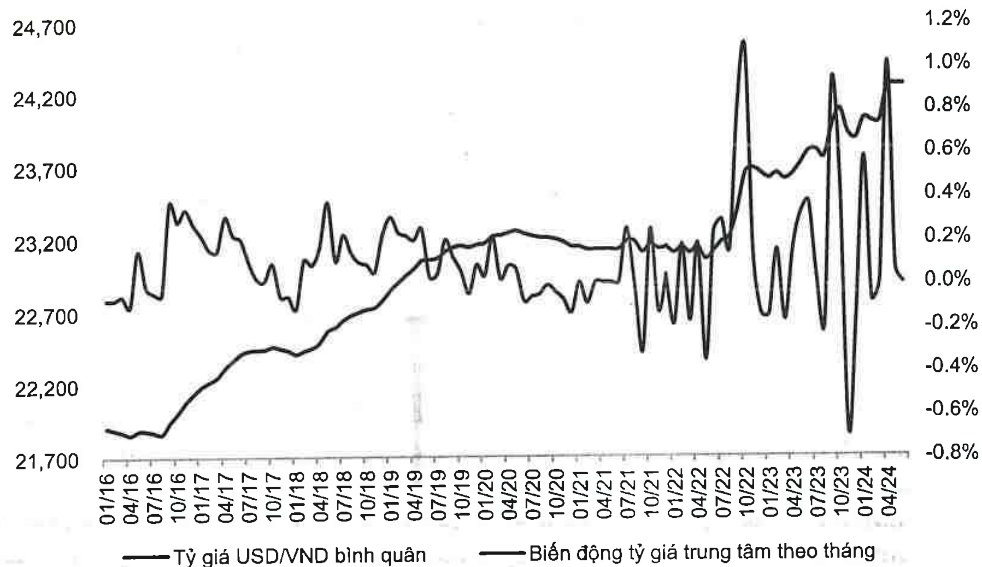
Nguồn: Tổng cục Thống kê

Mặt bằng lãi suất huy động và lãi suất cho vay nửa đầu năm 2024 duy trì xu hướng giảm; hoạt động kinh doanh bảo hiểm ổn định, thị trường chứng khoán duy trì xu hướng tăng trưởng theo đà phục hồi của nền kinh tế.

Tính đến 24/6/2024, huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 1,5% so với cuối năm 2023 (cùng thời điểm năm trước tăng 3,68%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 4,45% (cùng thời điểm năm trước tăng 3,83%).

Trong tháng 6/2024, tỷ giá USD/VND biến động quanh 25.450 - mức giá bán giao ngay của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN). Ước tính NHNN đã bán hơn 6 tỷ USD từ đầu năm, nhằm đáp ứng nhu cầu ngoại tệ từ hệ thống ngân hàng, với nguyên nhân chính đến từ việc các doanh nghiệp đẩy mạnh nhập khẩu nguyên vật liệu và chênh lệch âm giữa lãi suất liên ngân hàng VND và USD. Tính từ đầu năm đến quý 2/2024, đồng VND mất giá 4,6%. Tương tự, các đồng tiền khác trong khu vực như THB, PHD, IDR, KRW,... đều mất giá trong khoảng 5 đến 6,5%.

Tỷ giá được dự báo sẽ tiếp tục chịu áp lực cho đến quý 3 năm 2024. Thứ nhất, theo Bloomberg, chỉ số Dollar Index (DXY) được kỳ vọng sẽ duy trì quanh 105 điểm trong quý 3, tăng 3,7% từ thời điểm đầu năm. Thứ hai, tháng 7 thường là tháng các doanh nghiệp FDI chuyển lợi nhuận về nước và nhập khẩu nguyên vật liệu nhiều. Do vậy, SBV khả năng cũng sẽ linh hoạt để tỷ giá vận hành theo cung-cầu thị trường, đồng thời tiếp tục các biện pháp điều tiết thanh khoản VND và sẵn sàng bán ngoại tệ khi cần, nhằm đảm bảo các giao dịch thị trường bằng VND và USD được vận hành thông suốt. Tuy nhiên, trong những tháng cuối năm 2024, tỷ giá USD/VND được kỳ vọng sẽ bớt căng thẳng hơn do 2 yếu tố: Thứ nhất, có dòng ngoại tệ từ kiều hối và FDI vào Việt Nam. Thứ hai, chỉ số DXY dự kiến giảm khi Fed bắt đầu hạ lãi suất.



Diễn biến tỷ giá USD/VND và tỷ giá trung tâm theo tháng

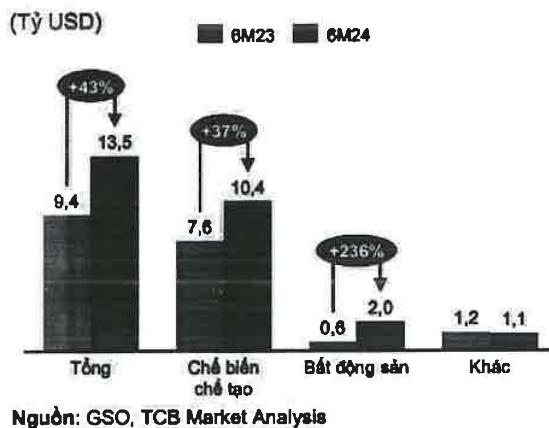
Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Ước tính 6 tháng đầu năm 2024, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành ước đạt 1.451,3 nghìn tỷ đồng, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/6/2024 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 15,19 tỷ USD, tăng 13,1% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 10,84 tỷ USD, tăng 8,2% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của sáu tháng đầu năm trong 5 năm qua. Các nhà đầu tư nước ngoài lạc quan hơn với triển vọng kinh tế Việt Nam giúp cho lượng vốn FDI đăng ký mới sẽ tiếp tục gia tăng trong thời gian tới.

Đăng ký mới và bổ sung vốn FDI vào Việt Nam 6 tháng đầu năm 2024 tăng mạnh 43,2% so với cùng kỳ, cho thấy các doanh nghiệp lớn tiếp tục lạc quan với triển vọng đầu tư vào Việt Nam. Cụ thể, đầu tư vào lĩnh vực chế biến, chế tạo tăng 36,6%. Trong tháng 6, Amkor đầu tư thêm 1 tỷ USD cho nhà máy sản xuất thiết bị bán dẫn, và Foxconn đầu tư thêm vào 3 nhà máy sản xuất linh kiện điện tử với vốn đầu tư 950 triệu USD tại Bắc Ninh và Quảng Ninh... Trong thời gian tới, nhiều doanh nghiệp lớn như LG, Samsung, Nvidia... đều chia sẻ sẽ có kế hoạch mở rộng nhà máy tại Việt Nam. Bên cạnh đó, Chính phủ đang nỗ lực đảm bảo cung ứng điện cho khu vực sản xuất theo Quy hoạch Phát triển Điện lực Quốc gia 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch Điện VIII) và tạo thêm cơ hội cho các nhà đầu tư ngoại tham gia thị trường bất động sản theo Luật đất đai 2024.



FDI đăng ký mới và bổ sung theo nhóm ngành 6 tháng đầu năm 2023 và 2024

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu ước đạt 368,5 tỷ USD, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 190,1 tỷ USD, tăng 14,5%; kim ngạch nhập khẩu đạt 178,45 tỷ USD, tăng 17%. Trong 6 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu đều đạt cao so với 6 tháng đầu năm các năm (2020 - 2024). Kim ngạch nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2024 tăng phản ánh tín hiệu tốt hoạt động sản xuất trong nước phục hồi so với năm trước (6 tháng đầu năm 2023 giảm 18%). Xét theo loại hình kinh tế, khu vực kinh tế nước ngoài duy trì vai trò dẫn dắt với trọng xuất khẩu và nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2024 lần lượt đạt 71,9% và 63,2%.

Lĩnh vực sản xuất phục hồi đáng kể với chỉ số PMI tháng 06/2024 lên 54,7 điểm, là chỉ báo lạc quan cho triển vọng hoạt động sản xuất công nghiệp trong năm 2024.

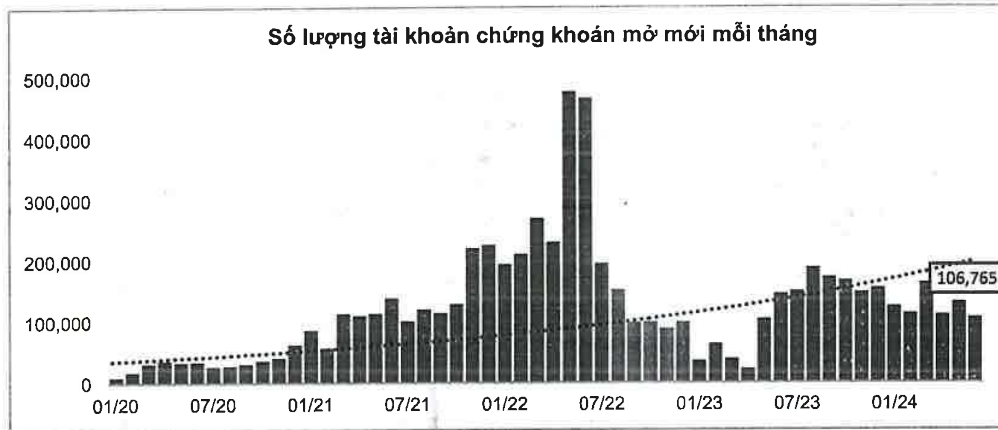


Biểu đồ tăng trưởng chỉ số PMI 2023 – 2024

Nguồn: S&P Global

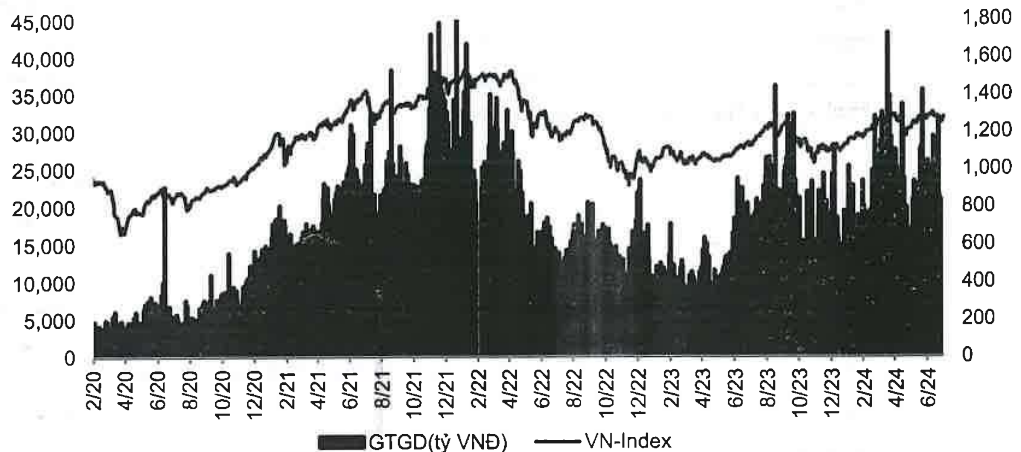
2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

Luỹ kế 6 tháng đầu năm 2024, số lượng tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư trong nước đã tăng hơn 750.000 tài khoản. Tổng số lượng tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư trong nước tính đến cuối tháng 6/2024 đạt xấp xỉ 8 triệu tài khoản, cao nhất từ trước đến nay. Trong đó, nhà đầu tư cá nhân có hơn 7,98 triệu tài khoản, tương đương 8% dân số.



Nguồn: VSDC

Trên thị trường cổ phiếu, VN-Index tăng 10,04% trong 6 tháng đầu năm 2024, đạt đỉnh 1.300 điểm vào ngày 12/6, là một trong những chỉ số tăng tốt nhất Đông Nam Á. Mức tăng giá của chỉ số VN-Index được dẫn dắt bởi những nhóm ngành như Ngân hàng, Dịch vụ tài chính, Công nghệ thông tin,... Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, giá trị giao dịch bình quân đạt 24.598 tỷ đồng/phiên, tăng 40% so với bình quân cùng kỳ năm 2023. Tổng vốn hóa thị trường tại ngày 28/6/2024 đạt khoảng 7.066 nghìn tỷ đồng (tăng 19% so với cuối năm 2023).



Biến động tổng giá trị giao dịch và chỉ số VN-Index

Trên thị trường chứng khoán phái sinh, tính chung nửa đầu năm 2024, khối lượng giao dịch bình quân đạt 221.112 hợp đồng/phiên, giá trị giao dịch bình quân đạt 27.674 tỷ đồng/phiên, lần lượt giảm 7% và tăng 9,64% so với mức bình quân cùng kỳ năm 2023.

Các chính sách thúc đẩy hoạt động kinh tế đem lại tiềm năng lớn cho thị trường

Trong dài hạn, tiềm năng tăng trưởng của kinh tế Việt Nam được đánh giá khả quan nhờ nền tảng vĩ mô ổn định, chính sách linh hoạt của Chính phủ giúp kiểm soát lạm phát, thúc đẩy phát triển kinh tế,... Đây cũng là yếu tố chính hỗ trợ xu hướng tăng trưởng dài hạn của thị trường chứng khoán.

- Năm 2024, Quốc hội đã trình kế hoạch dự chi cho ngân sách chi đầu tư phát triển là 677.300 tỷ đồng (tăng 108.000 tỷ đồng so với dự toán 2023). Ước tính tỷ lệ giải ngân

vốn đầu tư công trong 6 tháng đầu năm 2024 đạt 28% kế hoạch năm. Năm 2024, Việt Nam đặt mục tiêu giải ngân 95% vốn đầu tư công - đây được coi là động lực để nguồn ngân sách được đẩy mạnh trong giai đoạn nửa cuối năm. Các ngành được hưởng lợi có thể kể đến như Xây dựng, Vật liệu xây dựng,...

- Dòng vốn FDI tiếp tục chảy vào Việt Nam trong giai đoạn đón làn sóng dịch chuyển đầu tư và tái cơ cấu chuỗi giá trị toàn cầu của các tập đoàn đa quốc gia. Bên cạnh đó, các chính sách của Chính phủ trong việc thu hút FDI, hợp tác chiến lược với Hoa Kỳ và Nhật Bản, Hàn Quốc,... cùng với cơ sở hạ tầng được hoàn thiện là động lực thúc đẩy đối với ngành Bất động sản Khu công nghiệp.
- Thương mại hàng hóa kỳ vọng được cải thiện trong năm 2024 nhờ kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tăng trưởng mạnh, số lượng đơn đặt hàng gia tăng, hỗ trợ tích cực cho các doanh nghiệp xuất khẩu.
- Nhu cầu về hàng hóa phục hồi, tình trạng tắc nghẽn tại cảng Singapore – cảng container lớn thứ hai trên thế giới đã dẫn đến giá cước vận tải tăng cao, giá dịch vụ xếp dỡ cảng biển tại Việt Nam tăng 10% giúp các doanh nghiệp ngành cảng và vận tải được hưởng lợi.
- Luật Đất đai (sửa đổi) được thông qua sẽ giúp giải quyết các vướng mắc về mặt pháp lý và phát triển thị trường bất động sản minh bạch hơn, hỗ trợ tâm lý của nhà đầu tư với ngành bất động sản.
- Môi trường lãi suất thấp, các chính sách của chính phủ nhằm thúc đẩy kinh tế phát triển, nhu cầu hồi phục ở các thị trường lớn trên thế giới kỳ vọng sẽ thúc đẩy nhu cầu vay vốn cho hoạt động kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực Bất động sản, thương mại và sản xuất,... Điều này sẽ thúc đẩy tăng trưởng tín dụng tại các Ngân hàng trong nửa cuối năm 2024.
- Tăng trưởng bán lẻ hàng hóa và du lịch tiếp tục duy trì mức tăng cao với các chương trình xúc tiến, quảng bá được đẩy mạnh. Ngành du lịch và hàng không Việt Nam được đánh giá còn nhiều dư địa phát triển.

Hệ thống KRX dự kiến sẽ được đưa vào sử dụng sẽ thúc đẩy giao dịch trên thị trường chứng khoán. Qua đó, tạo tiền đề giúp nâng hạng thị trường, cũng như thu hút các dòng vốn ngoại tham gia. Mục tiêu nâng hạng thị trường cũng là một động lực lớn cho sự tăng trưởng của thị trường Chứng khoán cho giai đoạn sắp tới.

3. Triển vọng kinh tế 2024

Trong năm 2024, các Ngân hàng Trung ương lớn trên thế giới dự kiến vẫn duy trì mặt bằng lãi suất cao nhằm mục tiêu kiểm soát lạm phát. Bên cạnh đó, cuộc xung đột tại Trung Đông tiếp tục leo thang, giá nhiên liệu tăng cao, rủi ro suy thoái vẫn còn hiện hữu có thể khiến lộ trình đi đến cắt giảm lãi suất diễn ra chậm hơn. Trong bối cảnh đó, nền kinh tế Việt Nam sẽ chịu những tác động nhất định trong ngắn – trung hạn. Việc này đòi hỏi các chính sách linh hoạt, kịp thời của Chính phủ để duy trì các mục tiêu tăng trưởng kinh tế và kiểm soát lạm phát.

Tiêu dùng dự kiến vẫn còn dư địa tăng trưởng trong nửa sau năm 2024. Thứ nhất, thị trường việc làm đang có dấu hiệu phục hồi, các doanh nghiệp sản xuất gia tăng nhân công. Thứ hai, chính sách cải cách tiền lương bắt đầu từ 1/7/2024 sẽ giúp thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng. Thứ ba, Chính phủ đã đề xuất Quốc hội xem xét gia hạn tiếp tục giảm 2% thuế giá trị gia tăng (VAT). Cuối cùng, kỳ vọng lượng khách du lịch quốc tế tới Việt Nam tiếp tục hồi phục, chủ yếu đến từ các chính sách kích cầu du lịch và thu hút khách quốc tế của Chính phủ như việc (1) xây dựng kế hoạch và đàm phán với 113 quốc gia về miễn thị thực song phương và đơn phương; (2) Thủ tướng Chính Phủ ra chỉ thị 08/CT-TTg về phát

triển du lịch toàn diện.

Trong dài hạn, tiềm năng tăng trưởng của kinh tế Việt Nam được đánh giá khả quan nhờ nền tảng vĩ mô ổn định, chính sách linh hoạt của Chính phủ giúp kiểm soát lạm phát, thúc đẩy phát triển kinh tế,... Đây cũng là yếu tố chính hỗ trợ xu hướng tăng trưởng dài hạn của kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng.

- Ngành sản xuất của Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội phát triển từ việc chuyển dịch chuỗi cung ứng toàn cầu. Bên cạnh đó, Việt Nam có lợi thế rất lớn để nắm bắt hoạt động sản xuất đang được chuyển dịch ra khỏi Trung Quốc do giá lao động tăng và căng thẳng thương mại Mỹ - Trung, đặc biệt khi nước này mở rộng sang các lĩnh vực sản xuất phức tạp hơn như điện tử. Theo Bộ Công thương, tính đến tháng 8/2023, Việt Nam đã ký kết và thực thi 19 hiệp định thương mại tự do (FTA). Phần lớn các FTA đã phát huy tác dụng, nâng cao vị thế thương hiệu hàng hóa Việt Nam trên trường quốc tế, qua đó, cho phép Việt Nam tận dụng các luồng thương mại gia tăng. Ngoài ra, Việt Nam cũng có lợi thế với dân số khoảng 100 triệu người và lực lượng lao động lên tới 56 triệu người, cao thứ hai trong ASEAN sau Indonesia; chi phí lao động tương đối thấp và có vị trí địa lý thuận lợi.
- Nền kinh tế sẽ được cộng hưởng những tác động tích cực của các thể chế, đặc biệt là việc thông qua hàng loạt các luật quan trọng và cơ bản như: Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Nhà ở và đặc biệt là Luật Đất đai (sửa đổi)... cùng những nỗ lực khác liên quan đến cải cách thể chế, hoàn thiện thể chế của Việt Nam.
- Tín hiệu tích cực từ việc phục hồi thị trường bất động sản với những điểm nhấn từ sự phục hồi về thị trường bất động sản gắn với phân khúc nhà ở xã hội. Phân khúc bất động sản khu công nghiệp cũng có tiềm năng tốt với việc thành lập nhiều khu công nghiệp, kết hợp với dòng vốn FDI và xu hướng thành lập mới doanh nghiệp sẽ tạo nên nhu cầu lớn.
- Sự phục hồi của các thị trường xuất khẩu chính và dòng khách du lịch quốc tế vào Việt Nam.

Về khía cạnh thách thức, nền kinh tế Việt Nam cũng đang phải đối mặt với những khó khăn cả trong nước và quốc tế như sau:

- Áp lực quốc tế liên quan tới những căng thẳng địa chính trị kéo dài, gây ra xung đột và cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn.
- Áp lực lạm phát và nợ xấu, tăng chi phí nguyên liệu nhập khẩu, dịch vụ công.
- Thiên tai, sức mua của các thị trường lớn trên thế giới tăng trưởng chưa cao.
- Còn nhiều nút thắt về thể chế, quy định với hoạt động của doanh nghiệp.

Trái ngược với xu hướng tăng trưởng thấp của năm trước, các tổ chức quốc tế đều dự báo tăng trưởng của Việt Nam năm 2024 tăng so với năm 2023.

Dưới góc nhìn của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), GDP của Việt Nam trong năm 2024 cũng khá tích cực với mức tăng 5,8% và nằm trong nhóm 20 nền kinh tế tăng trưởng cao nhất thế giới. Một trong những lý do khiến IMF tin tưởng về triển vọng tăng trưởng của Việt Nam là nhờ nền tảng hỗ trợ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam có được từ trước thời kỳ đại dịch Covid-19 vẫn được duy trì trong năm 2024 cho dù nền kinh tế định hướng xuất khẩu đã chịu nhiều tác động của nhu cầu sụt giảm từ bên ngoài trong năm 2023. Theo đó, IMF cho rằng tăng trưởng GDP năm 2025 của Việt Nam có thể leo lên mức 6,9%.

Theo báo cáo Triển vọng phát triển Châu Á của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2024 là 6,0% trong năm 2024 và 6,2% trong năm 2025 nhờ chính sách tiền tệ thận trọng và chủ động, đầu tư công cao thúc đẩy kinh tế.

Liên Hợp Quốc (UN) đánh giá tiêu dùng cá nhân tại Việt Nam dự kiến sẽ duy trì ở mức ổn định tại hầu hết các nền kinh tế trong khu vực nhờ áp lực lạm phát giảm dần và thị trường lao động ổn định. Việc mở cửa trở lại và lượng khách quốc tế phục hồi giúp tăng cường doanh thu từ du lịch của nhiều nền kinh tế trong khu vực Đông Á, góp phần vào tăng trưởng xuất khẩu dịch vụ. Ngoài ra, một số nền kinh tế đang nỗ lực thực hiện các chính sách đổi mới sáng tạo mang tính chiến lược, thúc đẩy đa dạng hóa xuất khẩu và tăng cường tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

4. Giới thiệu về chỉ số VNX50

Chỉ số VNX50 là chỉ số giá thể hiện biến động giá cổ phiếu của các Công ty niêm yết trên HOSE và HNX. Chỉ số VNX50 bao gồm 50 Công ty có giá trị vốn hóa và thanh khoản hàng đầu trong rổ cổ phiếu VNX Allshare đáp ứng các điều kiện sàng lọc theo quy định về tư cách cổ phiếu, tỷ lệ free float (khối lượng cổ phiếu tự do chuyên nhượng so với khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trên thị trường), thanh khoản, và thuộc Top 50 giá trị vốn hóa của VNX Allshare. Ngày cơ sở của của chỉ số VNX50 là 21/07/2017 với điểm cơ sở là giá trị chỉ số đóng cửa của VNX Allshare ngày 21/07/2017. Tỷ lệ vốn hóa tối đa áp dụng cho Chỉ Số VNX50 là 10%.

4.1. Phương pháp lựa chọn cổ phiếu vào rổ chỉ số

a) Xác định rổ VNX Allshare

Các cổ phiếu được lựa chọn là cổ phiếu của các doanh nghiệp đang niêm yết tại HOSE và HNX và không thuộc một trong các diện sau đây:

- Cổ phiếu thuộc diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, bị tạm ngừng giao dịch (ngoại trừ các trường hợp thực hiện sự kiện doanh nghiệp như tách/gộp cổ phiếu, chuyển sàn...) trong vòng ba (03) tháng tính đến ngày chốt dữ liệu;
- Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE hoặc HNX dưới sáu (06) tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét. Đối với cổ phiếu mới niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường thuộc Top-5 tính tại ngày chốt dữ liệu thì thời gian niêm yết dưới 3 tháng.
- Tỷ lệ khối lượng cổ phiếu tự do chuyên nhượng so với khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trên thị trường chưa làm tròn (tỷ lệ free-float) $\leq 5\%$, ngoại trừ cổ phiếu có giá trị vốn hóa điều chỉnh tỷ lệ cổ phiếu tự do chuyên nhượng ($GTVH_f$) lớn hơn trung vị của tập hợp 85% $GTVH_f$ của rổ cổ phiếu.

b) Xác định rổ VNX50

Các cổ phiếu thuộc chỉ số VNX Allshare sẽ được lựa chọn vào rổ chỉ số VNX 50 như sau:

Bước 1: Các cổ phiếu thuộc tập hợp 85% giá trị giao dịch (GTGD) tích lũy trong danh mục cổ phiếu xem xét sẽ được sắp xếp theo thứ tự giảm dần về giá trị vốn hóa (GTVH). Trường hợp có 2 cổ phiếu trở lên có GTVH bằng nhau, vị trí của các cổ phiếu này được xếp theo thứ tự giảm dần về GTGD. Trường hợp tập hợp cổ phiếu chưa đủ số lượng tối thiểu là 70, tiếp tục nâng tỷ lệ tích lũy theo bước một điểm phần trăm cho đến khi đạt đủ số lượng tối thiểu.

Bước 2: Các cổ phiếu được chọn vào rổ VNX 50 theo thứ tự ưu tiên như sau:

Loại trừ các cổ phiếu thuộc diện cảnh báo trong vòng 3 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu hoặc từ ngày chốt dữ liệu đến ngày chính thức áp dụng rổ chỉ số mới.

Cổ phiếu đứng ở vị trí 1 đến 30: luôn được chọn vào rổ VNX 50.

Cổ phiếu đứng ở vị trí từ 31 đến 60: ưu tiên cổ phiếu đã có trong danh mục cổ phiếu

thành phần của rổ VNX 50 kỳ trước, sau đó mới xét đến cổ phiếu mới sao cho số lượng cổ phiếu trong rổ bằng 50 cổ phiếu.

Bước 3: Danh mục cổ phiếu dự phòng:

10 cổ phiếu có GTVH lớn nhất sau khi xác định rổ VNX 50 tại bước 2 sẽ được chọn vào danh mục cổ phiếu dự phòng theo thứ tự giảm dần về GTVH, sử dụng để thay thế trong trường hợp một hay nhiều cổ phiếu thành phần của VNX 50 bị loại bỏ khỏi rổ chỉ số trong kỳ.

Cổ phiếu sẽ bị loại khỏi danh mục dự phòng nếu trong kỳ rơi vào diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng giao dịch.

4.2. Phương pháp tính chỉ số giá

Công thức:

$$\text{Chỉ số} = \frac{\text{CMV}}{\text{Hệ số chia}}$$

Trong đó:

CMV (Giá trị vốn hóa thị trường hiện tại):

$$\text{CMV} = \sum_{i=1}^n (p_i \times s_i \times f_i \times c_i)$$

- $i = 1, 2, 3 \dots n$
- n : số cổ phiếu trong rổ chỉ số.
- p_i : giá của cổ phiếu i trong rổ chỉ số tại thời điểm tính toán.
- s_i : khối lượng đang lưu hành của cổ phiếu i trong rổ chỉ số tại thời điểm tính toán.
- f_i : tỷ lệ free-float làm tròn của cổ phiếu i trong rổ chỉ số tại thời điểm tính toán
- c_i : hệ số giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu i trong rổ chỉ số tại thời điểm tính toán.

Hệ số chia: Tại ngày cơ sở, hệ số chia bằng Giá trị vốn hóa thị trường vào thời điểm đóng cửa chia cho giá trị cơ sở của chỉ số. Trong trường hợp tăng/giảm CMV do những nguyên nhân khác với biến động giá trên thị trường, hệ số chia sẽ được điều chỉnh nhằm đảm bảo tính liên tục của chỉ số.

5. Lợi ích của việc đầu tư vào Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50

Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 sở hữu các ưu điểm như đa dạng hóa danh mục đầu tư, thanh khoản cao, và quản lý chuyên nghiệp bởi một Công ty quản lý quỹ. Ngoài ra, các lợi ích đặc thù khi đầu tư vào Quỹ ETF bao gồm chi phí thấp và tính minh bạch cao:

Chi phí hoạt động thấp: Do Quỹ ETF đầu tư theo một Chỉ số tham chiếu, nên chi phí hoạt động hàng năm của Quỹ ETF thường thấp hơn các quỹ đầu tư khác mà trong đó, các nhà điều hành quỹ chủ động lựa chọn Chứng khoán đầu tư theo một chiến lược đầu tư đã đề ra. Chi phí hoạt động của Quỹ thấp dẫn tới lợi nhuận mang lại cho Nhà đầu tư cao hơn.

Đa dạng hóa danh mục đầu tư: Thay vì tự đầu tư vào nhiều Chứng khoán khác nhau với chi phí lớn hơn, Nhà đầu tư có thể sở hữu ngay một danh mục của Chỉ số tham chiếu với chi phí hợp lý. Danh mục đầu tư của quỹ ETF mô phỏng chỉ số tham chiếu của thị trường, do đó biến động giá trị tài sản ròng của Quỹ không quá chênh lệch so với thị trường

Minh bạch: Danh mục đầu tư của Quỹ ETF và Giá trị tài sản ròng được công bố cho Nhà

đầu tư một cách minh bạch và thường xuyên. Nhà đầu tư biết rõ Danh mục đầu tư của Quỹ trước khi đưa ra các quyết định đầu tư. Dựa vào Giá trị tài sản ròng tham chiếu được cập nhật thường xuyên, nhà đầu tư có thể xác định kết quả các khoản đầu tư của mình để đưa ra các quyết định mua bán hợp lý.

Quản lý chuyên nghiệp: Thay vì tự đầu tư, Quỹ ETF cho phép Nhà đầu tư tiếp cận với những người điều hành quỹ chuyên nghiệp, những người có chuyên môn, kinh nghiệm đầu tư, và nguồn lực để quản lý tài sản hiệu quả qua những giai đoạn biến động của thị trường.

Thanh khoản cao: Khi có nhu cầu, Nhà đầu tư có thể bán lại Chứng chỉ quỹ ETF cho Công ty quản lý quỹ đối lấy danh mục chứng khoán cơ cấu (giao dịch sơ cấp) hoặc bán trực tiếp trên sàn giao dịch (giao dịch thứ cấp) với mức giá được đảm bảo gần với Giá trị tài sản ròng của quỹ (nhờ có hoạt động Tạo lập thị trường của Thành viên lập quỹ).

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Các thông tin chung về Công ty quản lý quỹ

Tên bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG

Tên bằng tiếng Anh: TECHCOM CAPITAL JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: TECHCOM CAPITAL (TCC)

Giấy phép thành lập: Số 57/GP-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 30/01/2019 và các giấy phép sửa đổi theo từng thời điểm (nếu có)

Vốn điều lệ: 669.662.910.000 VND (*Bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi chín tỷ, sáu trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm mười nghìn đồng chẵn*)

Địa chỉ đăng ký: Tầng 28, Tòa C5, số 119 đường Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Các cổ đông của công ty Quản lý Quỹ sở hữu từ 5% trở lên vốn điều lệ:

<i>Tên cổ đông</i>	<i>Giá trị vốn chủ sở hữu (VNĐ)</i>	<i>Tỷ lệ vốn chủ sở hữu (%)</i>
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	595.997.020.000	88,99956%
Ông Nguyễn Xuân Minh	36.831.310.000	5,49998%
Cổ đông - Khác	36.834.580.000	5,50047%
	669.662.910.000	100%

Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Techcombank”) có mã số doanh nghiệp số 0100230800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/09/1993 (sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 6 phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Hội đồng quản trị: gồm 04 thành viên

▪ **Ông Nguyễn Xuân Minh – Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Xuân Minh có bằng Thạc sỹ Tài chính ứng dụng và Đầu tư tại Úc và Thạc sỹ Kỹ thuật dầu khí tại Liên bang Nga.

Ông Nguyễn Xuân Minh có hơn 25 năm kinh nghiệm trong đầu tư và quản lý quỹ.

Ông từng là CEO của Vietnam Asset Management Ltd. (VAM) và Phó chủ tịch cao cấp của Franklin Templeton Investment tại Singapore. Ông cũng là thành viên HĐQT một số doanh nghiệp tại Việt Nam.

▪ **Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Thành viên Hội đồng quản trị**

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền có bằng Thạc sỹ tài chính Ngân hàng tại Úc. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng.

Bà từng giữ vị trí như Giám đốc trung tâm thị trường vốn – Khối nguồn vốn và thị trường Tài chính, Techcombank. Trợ lý phó chủ tịch, chuyên gia mảng thị trường nợ và các sản phẩm nguồn vốn tại Citibank Việt Nam, là thành viên chương trình TIGER cho các quốc gia châu Á của Citibank Singapore.

▪ **Ông Phí Tuấn Thành – Thành viên Hội đồng quản trị**

Ông Phí Tuấn Thành tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân và Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – ĐH Tổng hợp bang Washington, Hoa Kỳ. Ông được cấp Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Bộ Tài Chính số 00135/QLQ ngày 15/04/2009.

Ông Phí Tuấn Thành có gần 20 năm kinh nghiệm và chuyên môn sâu trong lĩnh vực ngân hàng, phân tích tài chính và đầu tư. Ông đã đảm nhận các chức danh chủ chốt tại Techcom Capital như: Phó Tổng giám đốc Phụ trách điều hành, Giám đốc, Giám đốc Phân tích đầu tư, Giám đốc Cao cấp Phân tích đầu tư... và từng đảm nhận nhiều vị trí khác nhau tại các ngân hàng và tổ chức tài chính khác như VID Public bank, CTCP Chứng khoán Sài Gòn (nay là Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI).

Ông hiện đảm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương.

▪ **Ông Lê Huy Hoàng – Thành viên Hội đồng quản trị**

Ông Lê Huy Hoàng tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị kinh doanh và Thạc sỹ Khoa học tại Đại học Wales và Đại học Glamorgan, Vương quốc Anh.

Ông Lê Huy Hoàng có gần 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng thương mại, ngân hàng đầu tư và chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị rủi ro ở thị trường Đức, Anh và Việt Nam. Ông đã làm việc tại các tổ chức tài chính lớn như Vietinbank – Chi nhánh CHLB Đức với vai trò Phó Giám đốc Quản trị rủi ro, Giám đốc Quản trị rủi ro tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương và nhiều vị trí quản lý cao cấp tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam như Giám đốc cao cấp Quản trị và Giám sát Chính sách Quản trị rủi ro toàn hàng, Giám đốc cao cấp Quản trị ru thị trường và thanh khoản.

Ban điều hành Công ty

- **Ông Phí Tuấn Thành – Tổng Giám đốc: như thông tin tại phần Hội đồng quản trị**
- **Bà Bùi Thị Thu Hà – Phó Tổng Giám đốc phụ trách Hợp tác đối tác**

Bà Bùi Thị Thu Hà tốt nghiệp Thạc sỹ Tài chính và đầu tư, Đại học Luân Đôn, Anh. Bà có chứng chỉ Quản trị rủi ro trong tài chính và ngân hàng tại Anh và có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính và Ngân hàng, Bà cũng đã trải qua các vị trí công tác tại Tập đoàn Vinacomin, Khối nguồn vốn và Thị trường Tài chính của Techcombank và từng là Trợ lý cao cấp cho Tổng Giám đốc Techcombank.

2. Các thông tin về Tình hình hoạt động của Công ty quản lý quỹ

2.1. Tình hình hoạt động của Công ty quản lý quỹ

Kết quả hoạt động của TCC trong 5 năm vừa qua như sau:

(Đơn vị: VNĐ)

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng Doanh thu	220.350.412.011	329.663.558.048	481.804.193.478	377.461.822.995	187.255.939.577
Lợi nhuận	148.174.512.560	187.609.116.909	220.676.263.123	141.830.361.714	96.601.090.107

Các thông tin về hoạt động trong quá khứ của Công ty quản lý quỹ không hàm ý đảm bảo cho

khả năng hoạt động của công ty quản lý quỹ trong tương lai.

2.2. Các quỹ do Công ty cổ phần quản lý quỹ Kỹ Thương hiện đang quản lý

Tên quỹ	Loại hình quỹ	Giá trị tài sản ròng của Quỹ 31/12/2023 (VNĐ)
Quỹ Đầu tư Trái Phiếu Techcom (TCBF)	Quỹ mở	2.519.677.012.834
Quỹ Đầu tư Cổ Phiếu Techcom (TCEF)	Quỹ mở	317.824.741.151
Quỹ Đầu tư Bất động sản Techcom Việt Nam (TCREIT)	Quỹ đóng (niêm yết)	46.679.569.335
Quỹ Đầu tư Trái Phiếu linh hoạt Techcom (TCFF)	Quỹ mở	84.324.335.182
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Ngân hàng và Tài chính Techcom (TCFIN)	Quỹ mở	79.035.385.746
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Doanh nghiệp vừa và nhỏ Techcom (TCSME)	Quỹ mở	75.817.744.995
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Bất động sản Techcom (TCRES)	Quỹ mở	65.257.390.753

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Tên ngân hàng giám sát:	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Thành
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số:	0100150619-073 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020
Quyết định về việc đăng ký hoạt động lưu ký số:	510/QĐ-ĐKHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/08/2006
Địa chỉ:	Số 74 Thợ Nhuộm, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại:	(84) 24 – 3941 1840
Fax:	(84) 24 – 3941 1847
Lĩnh vực hoạt động:	Cung cấp những dịch vụ như sau cho những quỹ đầu tư Chứng khoán thành lập tại Việt Nam: dịch vụ lưu ký, dịch vụ kế toán danh mục, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ Ngân hàng giám sát và những dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký.

VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN

Hàng năm, Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất công ty kiểm toán để trình Đại hội Nhà Đầu tư lựa chọn. Trường hợp, Đại hội Nhà Đầu tư ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ, Ban Đại diện Quỹ sẽ thực hiện lựa chọn Công ty kiểm toán để tiến hành kiểm toán cho Quỹ. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài chính cấp;

- b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán;
- c) Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép kiểm toán Quỹ Đầu tư;
- d) Không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và/hoặc Ngân hàng giám sát.

VII. THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

1. Thành viên lập quỹ

Các Thành viên lập quỹ của Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 là những Công ty Chứng khoán hàng đầu Việt Nam, bao gồm các Công ty Chứng khoán sau:

1.1. Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở chính: Tầng 2, 5, 6, 7, 11 và 12, Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, TPHCM

Điện thoại: (028) 38233299

Fax: (028) 38233301

Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: 11/GPHĐKD do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 29/4/2003 (sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm).

Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: Tầng 2, 5, 6, 7, 11 và 12, Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

1.2. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap

Trụ sở chính: Tầng 15 Tháp tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (+84) 28 3914 3588

Fax: (+84) 28 3914 3209

Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: 68/UBCK-GP do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày: 06/11/2007 (sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm).

Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: Tầng 15 Tháp tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.

1.3. Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương

Trụ sở chính: Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, tòa C5 D'Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 3944 6368

Fax: (+84) 24 3944 6583

Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: 125/GP-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 30/05/2018 (sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm)

Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, tòa C5 D'Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

2. Danh sách Đại lý phân phối

Danh sách các Đại lý phân phối được chỉ định được nêu và sẽ được cập nhật định kỳ tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch và trên trang thông tin điện tử <https://www.techcomcapital.com.vn/>

VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

1. Dịch vụ quản trị quỹ

Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Thành

Địa chỉ: Số 74 Thợ Nhuộm, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Phạm vi dịch vụ được ủy quyền: dịch vụ quản trị quỹ đầu tư.

Chi phí phải thanh toán, hình thức thanh toán được quy định chi tiết tại Mục 2.6 của Phần IX của Bản cáo bạch này.

2. Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng

Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC)

Địa chỉ trụ sở chính: 112 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Quyết định số 26/2022/QĐ-TTg ngày 16/12/2022 về thành lập, tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Phạm vi dịch vụ được ủy quyền: dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

Chi phí phải thanh toán, hình thức thanh toán được quy định chi tiết tại Mục 2.6 của Phần IX của Bản cáo bạch này.

IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ

1. Thông tin chung về Quỹ

1.1. Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ

Tên quỹ:	QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50
Tên tiếng Anh:	TECHCOM CAPITAL VNX50 ETF
Tên viết tắt:	TCC VNX50
Loại hình quỹ:	Quỹ hoán đổi danh mục
Địa chỉ liên hệ:	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương Tầng 28, Tòa C5, số 119 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Website:	https://www.techcomcapital.com.vn/

1.2. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư Chứng khoán ra công chúng số...../GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày/...../.....

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ

Giấy Chứng nhận đăng ký lập quỹ số/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày/...../.....

1.4. Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ

- Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 là quỹ hoán đổi danh mục, một loại hình Quỹ đại chúng dạng mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật Việt Nam, Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian hoạt động của Quỹ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Thành Lập Quỹ và không giới hạn về thời hạn hoạt động.

1.5. Người điều hành quỹ

Ban điều hành quỹ bao gồm 02 Thành viên:

▪ Ông Đặng Hoàng Tùng

Ông Đặng Hoàng Tùng tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Hà Nội chuyên ngành Kinh tế Năng lượng và Đại học Quốc gia Hà Nội chuyên ngành Luật. Ông Đặng Hoàng Tùng có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại viện Kinh tế và Quản lý – Đại học Bách khoa Hà

Nội và được cấp chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Bộ Tài chính số 000811/QLQ vào tháng 08/2011.

Ông Đặng Hoàng Tùng đã có hơn 15 năm trong các lĩnh vực tái cấu trúc doanh nghiệp, ngân hàng, đầu tư, quản lý quỹ,... và hiện đang công tác tại bộ phận Đầu tư và Quản lý danh mục tại Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Kỹ Thương

▪ **Ông Vương Duy Anh**

Ông Vương Duy Anh tốt nghiệp Đại học Ngoại thương chuyên ngành Tài chính quốc tế. Ông Vương Duy Anh được cấp Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Bộ Tài Chính số 001958/QLQ tháng 11/2020.

Ông Vương Duy Anh đã có hơn 7 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, quản lý quỹ và hiện đang công tác tại bộ phận Đầu tư và Quản lý danh mục tại Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Kỹ Thương.

1.6. Ban đại diện quỹ

Ban đại diện quỹ gồm 03 Thành viên như sau:

Bà Nguyễn Phương Lan - Thành viên độc lập, Chủ tịch Ban đại diện quỹ

Bà Nguyễn Phương Lan đã có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, đảm nhiệm những vị trí quản lý cấp cao tại các tổ chức lớn như Phó giám đốc tư vấn tài chính tại PwC Việt Nam, Phó giám đốc đầu tư tại Techcom Capital, Trưởng phòng tài chính của Công ty CP Vinpearl.... Bà cũng đã có thời gian công tác tại nhiều nước trên thế giới như tại PwC Hungary, PwC Panama ở vai trò phụ trách kiểm toán, chuyên gia cao cấp tư vấn tài chính doanh nghiệp.

Với nhiều năm kinh nghiệm ở nhiều lĩnh vực khác nhau, Bà có những hiểu biết sâu rộng về hệ thống quản trị tài chính quốc tế, hệ thống kiểm soát nội bộ,... và đã thành công áp dụng những hệ thống này vào các tổ chức mà bà đã và đang lãnh đạo.

Bà Nguyễn Phương Lan hiện đang đảm nhiệm vai trò Giám đốc Tài chính của CTCP Thương mại Dịch Vụ Cổng Vàng (Golden Gate) và là hội viên của các hiệp hội ACCA, the IIA, CPA Việt Nam.

Ông Đào Kiên Trung – Thành viên độc lập, Ban đại diện quỹ

Ông Đào Kiên Trung tốt nghiệp Đại học Luật chuyên ngành Pháp luật Quốc tế, Đại học ngoại ngữ Hà Nội chuyên ngành Tiếng Anh.

Từ 1999 đến nay, ông Đào Kiên Trung đã từng trải qua nhiều vị trí khác nhau tại các đơn vị như Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam, Công ty Cổ phần FPT, Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư FPT, Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam, Công ty Cổ phần quản lý Quỹ Kỹ Thương.

Ông Trần Việt Thòa, ACCA – Thành viên độc lập, Ban đại diện quỹ

Ông Trần Việt Thòa Thòa có 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính và đầu tư. Ông cũng có 9 năm kinh nghiệm với vai trò giám đốc kiểm toán tại Công ty TNHH KPMG Việt Nam. Ông Trần Việt Thòa hiện là Giám đốc tài chính (CFO) tại Công ty CP Đầu tư Thương Mại Quốc Tế Mặt Trời Đỏ.

Các quy định về tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ, quyền hạn và nhiệm vụ của Ban đại diện Quỹ, chủ tịch Ban đại diện Quỹ, đình chỉ hoặc bãi miễn thành viên Ban đại diện Quỹ, cuộc họp của Ban đại diện Quỹ tuân theo quy định tại Điều lệ quỹ.

2. Điều lệ quỹ trong đợt phát hành lần đầu

2.1. Các điều khoản chung

Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 là Quỹ đại chúng dạng mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật Việt Nam, Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng vốn của Quỹ do vốn đóng góp của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư tạo thành. Vốn điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VNĐ (*Bằng chữ: Năm mươi tỉ đồng*). Số vốn này được chia thành năm mươi (50) Lô chứng chỉ quỹ. Mệnh giá của mỗi Chứng chỉ quỹ là 10.000 VNĐ (*Mười nghìn đồng*).

Thời gian hoạt động của Quỹ được tính từ ngày Quỹ được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ và không giới hạn về thời hạn hoạt động

Đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ quỹ ra công chúng.

2.2. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế

2.2.1. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 là mô phỏng gần nhất có thể biến động của Chỉ số tham chiếu.

2.2.2. Chiến lược đầu tư

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát tỉ lệ lợi nhuận của Chỉ số tham chiếu. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với Chỉ số tham chiếu, không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm và không hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá cao

Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn Chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động

2.2.3. Tài sản được phép đầu tư

- a) Tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
- e) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán. Việc đầu tư vào Chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho Chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu;
- f) Quyền phát sinh gắn liền với Chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ của các tổ chức tín dụng đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt.

2.2.4. Hạn chế đầu tư

Cơ cấu Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư đã được quy định tại Điều 9 Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và phải đảm bảo:

- a) Không đầu tư vào Chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị Chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- b) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào Chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại Mục (i) và (ii) Điểm b Khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Trừ trường hợp là Chứng khoán cơ cấu nằm trong Danh Mục Chi số tham chiếu, không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Mục (i), (ii), (iv), (v) Điểm b Khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ được phát hành bởi các Công ty trong cùng một nhóm Công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: Công ty mẹ, Công ty con; các Công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm Công ty con có cùng một Công ty mẹ.
- d) Không đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó.
- e) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, cổ phiếu Công ty đầu tư Chứng khoán khác do Công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một Công ty đầu tư Chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một Công ty đầu tư Chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu Công ty đầu tư Chứng khoán đại chúng,
- f) Không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của Công ty đại chúng, phần vốn góp tại Công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
- g) Không được đầu tư vào Chứng khoán phát hành bởi Công ty quản lý quỹ, Người Có Liên Quan của Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ trừ trường hợp đó là Chứng khoán cơ cấu nằm trong Danh Mục Chi số tham chiếu;
- h) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng Chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá trị tài sản ròng của quỹ.

2.2.5. Hạn chế vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

Công ty quản lý quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.

Công ty quản lý quỹ không được phép vay để tài trợ cho các hoạt động đầu tư của Quỹ ETF, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với Nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá 5% giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa 30 ngày.

Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký Quỹ (vay mua Chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác, không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay Chứng khoán.

2.2.6. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Công ty quản lý quỹ sẽ lựa chọn cổ phiếu đầu tư của Quỹ căn cứ trên các nguyên tắc sau đây:

- a) Các cổ phiếu đầu tư nằm trong rổ chứng khoán cơ cấu của chỉ số tham chiếu VNX50.

- b) Giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị của danh mục Chứng khoán tương ứng của Chỉ số tham chiếu. Tuy nhiên, trong một số trường hợp khi Chỉ số tham chiếu có sự thay đổi tại các kỳ xem xét định kỳ hoặc bất thường hoặc do sự biến động của thị trường dẫn tới tỷ lệ tài sản đầu tư của Quỹ vào danh mục chứng khoán có thể dưới 95%. Khi có những biến động trên xảy ra, Quỹ sẽ nỗ lực tối đa điều chỉnh lại tỷ lệ tài sản đầu tư của quỹ vào danh mục chứng khoán cơ cấu về mức tối thiểu 95% giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu của Chỉ số tham chiếu.

2.2.7. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

Được quy định cụ thể tại Điều 62 của Điều lệ quỹ và Mục 5 Phần X của Bản cáo bạch.

2.3. Đặc trưng của chứng chỉ quỹ đầu tư

2.3.1. Nhà đầu tư

- a) Nhà đầu tư của Quỹ có thể là tổ chức hay cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất một (01) Chứng chỉ quỹ. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bốn phạm gi khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ quỹ mà họ sở hữu.
- b) Nhà đầu tư là tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội trong và ngoài nước được thành lập và hoạt động hợp pháp. Nhà đầu tư là tổ chức cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của Nhà đầu tư là tổ chức ký.
- c) Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được tham gia góp vốn lập Quỹ, mua chứng chỉ quỹ. Việc tham gia góp vốn lập Quỹ, mua chứng chỉ quỹ của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh doanh Chứng khoán, Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một Thành viên thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.
- d) Nhà đầu tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu tại Quỹ.
- e) Công ty quản lý quỹ và người có liên quan của Công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn lập Quỹ, mua chứng chỉ quỹ, giao dịch Chứng chỉ quỹ mà Công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà đầu tư khác.

2.3.2. Điều kiện góp vốn, điều kiện thanh toán áp dụng đối với Nhà đầu tư góp vốn vào quỹ

Nhà đầu tư khi tham gia giao dịch hoán đổi phải đảm bảo các điều kiện sau:

- a) Có đủ Chứng khoán cơ cấu và tiền mặt đáp ứng các yêu cầu về tỷ trọng, số lượng theo thông báo của Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ;
- b) Sở hữu tối thiểu một (01) Lô chứng chỉ quỹ ETF, tương ứng với một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ quỹ ETF khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ ETF lấy Chứng khoán cơ cấu;
- c) Nhà đầu tư chỉ được thực hiện giao dịch hoán đổi thông qua Thành viên lập quỹ, nơi Nhà đầu tư đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi;
- d) Việc thực hiện giao dịch hoán đổi phải phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.

2.3.3. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

2.3.3.1. Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 101 Luật Chứng khoán;
- b) Quyền được đối xử công bằng, mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa

- vụ, lợi ích ngang nhau;
- c) Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;
 - d) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;
 - e) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
 - f) Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ trong thời hạn quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ;
 - g) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về Chứng khoán và tại Điều lệ quỹ.

2.3.3.2. Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:

- a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của Quỹ;
- b) Yêu cầu Công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát vi phạm quyền của Nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội Nhà đầu tư, gây tổn thất cho Quỹ;
 - Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ;
- c) Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát phải trả lời Nhà đầu tư;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội Nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty quản lý quỹ chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày khai mạc;
- e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.

2.3.3.3. Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.

2.3.4. Sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ quỹ

Công ty quản lý quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyên nhượng lập và quản lý sổ đăng ký Nhà đầu tư chính (sổ chính) hoặc ủy quyền đại lý ký danh lập, quản lý đăng ký Nhà đầu tư phụ (sổ phụ) và xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư.

2.3.5. Quyền biểu quyết của Nhà đầu tư

Mỗi chứng chỉ quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán, Công ty luật cung cấp dịch vụ cho quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.

2.3.6. Các trường hợp tái cơ cấu, giải thể quỹ và quyền của Nhà đầu tư trong trường hợp thanh lý, giải thể quỹ

Hợp nhất, sáp nhập Quỹ

- a) Tối thiểu 30 ngày trước ngày họp Đại hội Nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải cung cấp cho Nhà đầu tư các tài liệu liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập bao gồm:
- Phương án hợp nhất, sáp nhập;
 - Dự thảo hợp đồng hợp nhất, sáp nhập;
 - Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, các báo cáo tài chính quý của tất cả các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập tới quý gần nhất;
 - Dự thảo Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch (nếu có), Bản cáo bạch tóm tắt (nếu có) của Quỹ hợp nhất, Quỹ nhận sáp nhập.
- b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội Nhà đầu tư thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập, Công ty quản lý quỹ phải thông báo về quyết định hợp nhất, sáp nhập Quỹ cho các chủ nợ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, chủ nợ có quyền yêu cầu Quỹ thanh toán các khoản phải trả. Quá thời hạn nêu trên, Công ty quản lý quỹ không nhận được yêu cầu từ các chủ nợ, nghĩa vụ thanh toán sẽ do Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập thực hiện.
- c) Trường hợp các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập được quản lý bởi cùng một Công ty quản lý quỹ, mọi chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, chi phí hành chính và các dịch vụ khác liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ không được hạch toán vào chi phí của Quỹ, trừ trường hợp Đại hội Nhà đầu tư có quyết định khác.
- d) Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm:
- Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác, trung thực thông tin về quá trình hợp nhất, sáp nhập cho Nhà đầu tư;
 - Quyền lợi, nghĩa vụ được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên có liên quan theo nguyên tắc tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Thanh toán các khoản nợ của Quỹ cho chủ nợ theo yêu cầu của chủ nợ. Việc thanh toán phải hoàn tất chậm nhất tại ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ của Quỹ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực đối với các chủ nợ yêu cầu Quỹ thanh toán theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 68 Điều lệ quỹ.
- e) Ngày hợp nhất, ngày sáp nhập là ngày các Đại hội Nhà đầu tư thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập. Kể từ ngày UBCKNN ra Quyết định hợp nhất, sáp nhập, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm:
- Tiếp nhận bàn giao toàn bộ sổ sách, chứng từ, danh mục Chứng khoán và các tài sản khác kèm các tài liệu khác có liên quan tới Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - Bảo đảm Quỹ hợp nhất, sáp nhập tiếp nhận, kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính, các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; tiếp tục thực hiện các hợp đồng kinh tế của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - Hoàn tất thủ tục đăng ký sở hữu cho Quỹ hợp nhất, sáp nhập các tài sản tiếp nhận từ

- các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập theo quy định pháp luật có liên quan;
- Đại diện cho Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập thực hiện các nghĩa vụ của Quỹ theo quy định của pháp luật có liên quan.
- f) Tùy thuộc vào điều khoản hợp đồng hợp nhất, sáp nhập, phương án hợp nhất, sáp nhập, Quỹ có thể chuyển đổi chứng chỉ quỹ kết hợp thanh toán bằng tiền. Giá trị khoản thanh toán bằng tiền cho một chứng chỉ quỹ không vượt quá 10% giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tính tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập.
- g) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày hợp nhất, sáp nhập, Công ty quản lý quỹ công bố thông tin về việc hợp nhất, sáp nhập. Nội dung công bố thông tin bao gồm:
- Ngày hợp nhất, ngày sáp nhập;
 - Nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập; tỷ lệ chuyển đổi chứng chỉ quỹ; tỷ lệ thanh toán bằng tiền trên một chứng chỉ quỹ (nếu có).
- h) Kể từ thời điểm Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ của Quỹ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực:
- Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập chấm dứt tồn tại, đồng thời Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập kế thừa toàn bộ tài sản, nợ, quyền, lợi ích hợp pháp và các nghĩa vụ khác của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - Nhà đầu tư của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập được nhận tài sản dưới dạng chứng chỉ của Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập theo tỷ lệ chuyển đổi xác định tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập;
 - Chứng chỉ quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập bị hủy.

Giải thể Quỹ

- a) Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
- Công ty quản lý quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban đại diện quỹ không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong thời hạn hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - Ngân hàng giám sát bị giải thể, phá sản hoặc Ngân hàng giám sát đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận, hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký Chứng khoán bị thu hồi mà Công ty quản lý quỹ không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong thời hạn hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới mức mười (10) tỷ đồng liên tục trong sáu (06) tháng;
 - Quỹ hủy niêm yết;
 - Đại hội Nhà đầu tư quyết định giải thể Quỹ; f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
- b) Đại hội Nhà đầu tư thống nhất ngày giải thể Quỹ. Kể từ ngày giải thể Quỹ, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát không được:
- Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch mua các tài sản cho Quỹ;
 - Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Quỹ;
 - Tặng, cho tài sản của Quỹ cho tổ chức, cá nhân khác;

- Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của Quỹ lớn hơn giá trị phần nghĩa vụ của bên kia hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của Quỹ mà không thực hiện bù trừ;
 - Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của Quỹ.
- c) Tài sản của Quỹ đang giải thể bao gồm:
- Tài sản và quyền về tài sản mà Quỹ có tại thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;
 - Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà Quỹ sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;
 - Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Quỹ. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho các chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khó bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản của Quỹ.
- d) Đại hội Nhà đầu tư chỉ định một Công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng hoặc duy trì Ban đại diện quỹ đương nhiệm để thực hiện kiểm tra, đánh giá, giám sát quá trình thanh lý và phân phối tài sản Quỹ.
- e) Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm thực hiện việc thanh lý, phân chia tài sản cho Nhà đầu tư theo phương án đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Thời hạn thanh lý tài sản, phân chia tài sản cho Nhà đầu tư thực hiện theo phương án giải thể nhưng không quá 02 năm kể từ ngày giải thể Quỹ. Quá hạn nêu trên, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát thực hiện hoàn trả danh mục cho Nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 6 Điều 68 Điều lệ quỹ. Trong thời gian Quỹ đang thanh lý tài sản để giải thể, Giá dịch vụ quản lý, Giá dịch vụ giám sát và các chi phí khác được thu theo biểu Giá dịch vụ đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.
- f) Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát khi thực hiện thanh lý tài sản của Quỹ phải bảo đảm:
- Đối với Chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch Chứng khoán;
 - Đối với tài sản không phải là Chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải được sự chấp thuận của tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Ban đại diện quỹ theo quy định tại Khoản 3 Điều này.
- g) Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoàn trả danh mục của Quỹ cho Nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư. Việc hoàn trả danh mục cho Nhà đầu tư phải đảm bảo nguyên tắc:
- Quỹ đảm bảo thanh toán các nghĩa vụ theo quy định và thứ tự tại Điểm a, b Khoản 4 Điều 104 Luật Chứng khoán;
 - Danh mục hoàn trả cho Nhà đầu tư phải đầy đủ các loại tài sản, cơ cấu theo danh mục của Quỹ;
 - Trong trường hợp là Chứng khoán đăng ký, lưu ký tập trung, việc chuyển giao tài sản cho Nhà đầu tư được Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát thực hiện theo hướng dẫn của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam.
 - Trường hợp là các tài sản phải đăng ký sở hữu khác, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm yêu cầu tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức phát hành, tổ chức quản lý sở hữu công đồng đăng ký sở hữu tài sản cho Nhà đầu tư. Việc hoàn trả hoàn tất khi Nhà đầu tư đã được đăng ký sở hữu tài sản.
- h) Kết quả thanh lý tài sản của Quỹ phải được xác nhận bởi Ngân hàng giám sát, Công ty

quản lý quỹ và thông qua bởi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Ban đại diện quỹ (nếu có) thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản.

- i) Kể từ ngày giải thể cho đến khi hoàn tất giải thể Quỹ, định kỳ hàng tháng, Công ty quản lý quỹ phải báo cáo UBCKNN và cung cấp cho Nhà đầu tư về giá trị tài sản ròng, báo cáo về tài sản và danh mục đầu tư của Quỹ theo mẫu quy định tại Phụ lục IX, Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC.
- j) Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và các tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ báo cáo kết quả giải thể. Trường hợp hồ sơ báo cáo kết quả giải thể không chính xác hoặc có tài liệu giả mạo, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, các tổ chức, cá nhân có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm kể từ ngày báo cáo kết quả giải thể đến UBCKNN.

2.4. Cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ ETF

2.4.1. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi

- a) Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước Ngày giao dịch hoán đổi, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho Thành viên lập quỹ và công bố trên trang thông tin điện tử của mình và của Sở giao dịch Chứng khoán, Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam về Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi lấy một (01) Lô chứng chỉ quỹ và số tiền phải nộp tương đương với chênh lệch giữa giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu và Giá Phát Hành Lô chứng chỉ quỹ ETF (nếu có). Thông tin bao gồm Danh mục chứng khoán cơ cấu, tỷ trọng và số lượng từng Mã chứng khoán cơ cấu trong danh mục này. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước Ngày giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ;
- b) Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư được chuyển tới Thành viên lập quỹ (trực tiếp hoặc thông qua các Đại lý phân phối) theo quy định tại Điều lệ quỹ và các hướng dẫn tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt. Trường hợp Thành viên lập quỹ không thể tiếp nhận được lệnh từ Nhà đầu tư do Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ bị giải thể, phá sản, bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, đình chỉ, tạm ngừng hoạt động hoặc do các lỗi kỹ thuật của hệ thống công nghệ thông tin hoặc các nguyên nhân bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai,... thì lệnh giao dịch của Nhà đầu tư được chuyển thẳng tới Công ty quản lý quỹ.
Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư và Thành viên lập quỹ được Thành viên lập quỹ chuyển tới Công ty quản lý quỹ hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam trước thời điểm đóng cửa thị trường theo quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng lập quỹ và hướng dẫn của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam;
- c) Trong vòng tối đa ba (03) ngày làm việc, kể từ Ngày giao dịch hoán đổi, nhưng không quá ngày giao dịch chứng chỉ quỹ tiếp theo, Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam, Ngân hàng giám sát phải hoàn tất việc chuyển Danh mục chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF hoặc ngược lại, đồng thời đăng ký, lưu ký Chứng chỉ quỹ vào tài khoản của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ; tiếp nhận hoặc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền; Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư;
- d) Trong hạn tối đa hai (02) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi (nhưng không quá thời điểm phân bổ kết quả giao dịch), nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá

trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ phải thông báo cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam. Quá thời hạn nêu trên, đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ chịu trách nhiệm trước Nhà đầu tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện;

- e) Sau khi tiếp nhận lệnh của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm kiểm tra thông qua Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam khả năng thực hiện được lệnh của Nhà đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định, xác nhận và thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ theo các quy định tại khoản này và hướng dẫn của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

2.4.2. Các trường hợp tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ, thực hiện một phần lệnh giao dịch

- a) Công ty quản lý quỹ có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi lấy các Lô chứng chỉ quỹ ETF từ Nhà đầu tư một trong các trường hợp sau:
- Sở giao dịch Chứng khoán thay đổi cơ cấu danh mục của Chỉ số tham chiếu;
 - Tổ chức phát hành Chứng khoán có trong danh mục đầu tư của Quỹ ETF bị phá sản, giải thể, tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết; hoặc Danh mục chứng khoán cơ cấu, Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF không thể xác định được tại ngày giao dịch liên trước Ngày giao dịch hoán đổi do Sở giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch Chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - Cơ cấu lại Danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu;
 - Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam không thể thực hiện được việc hoán đổi danh mục do nguyên nhân bất khả kháng;
 - Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật hoặc UBCKNN xét thấy là cần thiết.
- b) Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Khoản 1 Điều 17 Điều lệ quỹ, Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch Chứng khoán. Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, đại lý phân phối phải nối lại việc tiếp nhận và thực hiện lệnh hoán đổi danh mục cho Nhà đầu tư ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
- c) Thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ: không được kéo dài quá ba mươi (30) ngày, kể từ Ngày tạm ngừng giao dịch. Trường hợp việc tạm ngừng giao dịch hoán đổi do nguyên nhân quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều 17 Điều lệ quỹ, thời hạn tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi không quá ba (03) ngày làm việc trước và sau khi kết thúc các sự kiện đó.
- d) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ theo quy định tại Điều 17 Điều lệ quỹ mà các nguyên nhân dẫn tới tình trạng tạm ngừng hoạt động chưa được khắc phục, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức Đại hội Nhà đầu tư bất thường hoặc lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư bằng văn bản về việc giải thể Quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm ngừng giao dịch

Chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư.

2.5. Nguyên tắc xác định giá giao dịch đơn vị quỹ

2.5.1. Tần suất định giá và công bố thông tin

Tần suất xác định giá giao dịch hoán đổi: hàng ngày (ngày làm việc). Cụ thể, giá giao dịch hoán đổi sẽ được xác định tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi và công bố đến Nhà đầu tư vào ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch Chứng khoán, Đại lý phân phối và Thành viên lập quỹ theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

2.5.2. Thông tin về các mức Giá dịch vụ

Giá dịch vụ phát hành:

Giá dịch vụ phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ:

- a) Là Giá dịch vụ mà Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ phải trả khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu hoặc sau khi quỹ được thành lập. Giá dịch vụ này được thu khi thực hiện giao dịch hoán đổi, và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch Chứng chỉ quỹ.
- b) Giá dịch vụ phát hành: 0% trên giá trị giao dịch của Lô Chứng chỉ quỹ.

Giá dịch vụ mua lại:

- a) Là Giá dịch vụ mà Nhà đầu tư/Thành viên lập quỹ phải trả khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ lấy Chứng khoán cơ cấu, sau khi Quỹ được thành lập. Giá dịch vụ này được thu khi thực hiện giao dịch hoán đổi và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch Chứng chỉ quỹ.
- b) Giá dịch vụ mua lại sẽ được trừ vào số tiền chênh lệch giữa giá trị của Lô chứng chỉ quỹ và giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu, trong trường hợp Giá dịch vụ mua lại lớn hơn phần tiền chênh lệch, Nhà đầu tư phải chuyển khoản phần tiền còn thiếu này vào tài khoản của Quỹ ETF tại Ngân hàng giám sát chậm nhất vào 11h00 ngày (T+1) (một ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch hoán đổi).
- c) Giá dịch vụ mua lại: tối đa 0,15% trên giá trị giao dịch của lô Chứng chỉ quỹ.

2.6. Thông tin về các mức Giá dịch vụ mà quỹ phải trả

Được quy định tại chương XIII Điều lệ quỹ và mục XI Bản cáo bạch.

2.7. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế

2.7.1. Phân chia lợi nhuận của quỹ

- a) Nhà đầu tư được nhận lợi tức từ Quỹ theo chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ và theo phương án phân chia đã được Đại hội Nhà đầu tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho Nhà đầu tư được trích từ lợi nhuận trong kỳ, hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi trích lập đầy đủ các Quỹ (nếu có) theo quy định tại Điều lệ quỹ và hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật.
- b) Quỹ thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc chứng chỉ quỹ. Tối thiểu 15 ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty quản lý quỹ phải thông báo đến Nhà đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC.
- c) Việc chi trả lợi tức Quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi tức phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
- Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng Quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không thấp hơn 50 tỷ đồng;
- Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

2.7.2. Chính sách thuế

Trong quá trình giao dịch chứng chỉ quỹ có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế mà Nhà đầu tư phải trả theo quy định của pháp luật. Các nghĩa vụ thuế liên quan trực tiếp đến Nhà đầu tư không được phản ánh trong kết quả hoạt động của quỹ.

2.8. Đại hội Nhà đầu tư

2.8.1. Đại hội Nhà đầu tư thường niên, bất thường

- a) Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà đầu tư có tên trong sổ đăng ký Nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.
- b) Đại hội Nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo UBCKNN.
- c) Việc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bỏ phiếu điện tử (evoting).
- d) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư trong các trường hợp sau:
 - Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát hoặc Ban đại diện quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
 - Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 14 Điều lệ quỹ;
 - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
- e) Việc tổ chức họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư.

2.8.2. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội Nhà đầu tư

- a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ;
- b) Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ; thay đổi mức Giá dịch vụ trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;
- c) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất quỹ; giải thể quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của quỹ;
- d) Phương án phân phối lợi tức;
- e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và Thành viên Ban đại diện quỹ; quyết định mức thù

lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của Quỹ;

- f) Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho Quỹ;
- g) Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà đầu tư;
- h) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ quỹ.

2.8.3. Điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội Nhà đầu tư

- a) Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số Nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) theo hướng dẫn của Công ty quản lý quỹ phù hợp với quy định pháp luật về Chứng khoán.
- b) Thời gian, chương trình và nội dung của Đại hội Nhà đầu tư phải được thông báo công khai và các tài liệu phải được gửi cho Nhà đầu tư và báo cáo UBCKNN tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi tiến hành Đại Hội. Đại hội Nhà đầu tư không thảo luận các vấn đề nằm ngoài nội dung đã được thông báo.
- c) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà đầu tư tham dự.
- d) Đại hội Nhà đầu tư thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc biểu quyết bằng hình thức trực tuyến (e-voting). Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản được quy định tại Điều 27 của Điều lệ quỹ, phù hợp với quy định pháp luật về doanh nghiệp. Trong trường hợp này, Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho Nhà đầu tư như trường hợp mời họp Đại hội Nhà đầu tư.

2.8.4. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

2.8.4.1. Thông qua quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

- a) Mỗi Chứng chỉ quỹ tương ứng với một phiếu biểu quyết. Ngân hàng giám sát, Công ty quản lý quỹ tổ chức kiểm toán, bên thứ ba tư vấn pháp luật và các Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ cho Quỹ được quyền tham gia cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư nhưng không được quyền biểu quyết.
- b) Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành.
- c) Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư về các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 24 Điều lệ quỹ phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số nhà đầu tư đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các nhà đầu tư dự họp tán thành.
- d) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định được thông qua khi được số Nhà đầu tư đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành.
- e) Trong thời hạn 24 giờ sau khi kết thúc Đại hội nhà đầu tư hoặc sau ngày kết thúc việc kiểm phiếu lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản, Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có

trách nhiệm lập biên bản và nghị quyết Đại hội và gửi cho Ngân hàng giám sát, cung cấp cho Nhà đầu tư và công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ.

- f) Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ. Trường hợp quyết định của Đại hội nhà đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ thì phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.

2.8.4.2. Phân đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

- a) Nhà đầu tư phân đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư về một số các nội dung quy định tại Điểm b, c Khoản 2 Điều 24 Điều lệ quỹ có quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ mua lại chứng chỉ quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang Quỹ khác cùng loại hình của Công ty quản lý quỹ.
- b) Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội Nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư phân đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 29 Điều lệ quỹ.

Các quy định khác Đại Hội Nhà Đầu Tư được quy định tại Chương IV của Điều lệ quỹ.

2.9. Ban đại diện quỹ

2.9.1. Tổ chức Ban đại diện quỹ

- a) Ban đại diện quỹ có ba (03) thành viên, được bầu tại cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư hoặc được Nhà đầu tư cho ý kiến bằng văn bản.
- b) Tối thiểu 2/3 số thành viên của Ban đại diện quỹ là các Thành viên độc lập, không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.
- c) Trong Ban đại diện quỹ phải có:
- Tối thiểu một (01) Thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - Tối thiểu một (01) Thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư Chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - Tối thiểu một (01) Thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.

2.9.2. Tiêu chuẩn lựa chọn Thành viên Ban đại diện quỹ

- a) Tiêu chuẩn lựa chọn Thành viên Ban đại diện quỹ:
- Có đủ năng lực hành vi dân sự;
 - Không thuộc đối tượng không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - Có trình độ chuyên môn về kế toán, kiểm toán hoặc phân tích đầu tư Chứng khoán, hoặc quản lý tài sản hoặc pháp luật.
- b) Những người sau đây không được là Thành viên Ban đại diện quỹ:
- Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Chứng khoán áp dụng đối với Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty niêm yết và Điều lệ quỹ;
 - Là Thành viên của trên 05 Ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị Công ty

đầu tư Chứng khoán đại chúng.

2.9.3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban đại diện quỹ

- a) Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Nhà đầu tư.
- b) Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng mà Quỹ sẽ gửi tiền, đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ.
- c) Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ hoặc đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận.
- d) Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
- e) Trường hợp Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền, Ban đại diện quỹ được quyết định các vấn đề quy định tại Điểm b, c, d, e, đ, e, g Khoản 2 Điều 24 Điều lệ quỹ.
- f) Có quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
- g) Thành viên Ban đại diện quỹ phải thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của Quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ.
- h) Thành viên Ban đại diện quỹ có nghĩa vụ tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban đại diện quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
- i) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.

2.9.4. Chủ tịch Ban đại diện quỹ

- a) Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban đại diện quỹ trong số Thành viên Ban đại diện quỹ. Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là Thành viên độc lập.
- b) Chủ tịch Ban đại diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện quỹ;
 - Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện quỹ;
 - Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện quỹ;
 - Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ quỹ.

2.9.5. Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ

- a) Trường hợp chủ tịch Ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì Thành viên Ban đại diện quỹ được chủ tịch Ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của chủ tịch Ban đại diện quỹ.
- b) Trường hợp không có người được ủy quyền, các Thành viên Ban đại diện quỹ còn lại chọn một trong số các Thành viên độc lập tạm thời giữ chức chủ tịch Ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại chủ tịch Ban đại diện quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư gần nhất.

2.9.6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung Thành viên Ban đại diện quỹ

- a) Thành viên Ban đại diện quỹ không còn tư cách Thành viên Ban đại diện quỹ trong các trường hợp sau:
 - Thành viên đó chết, không đủ tư cách làm Thành viên Ban đại diện quỹ theo quy định của

Điều lệ quỹ, quy định của pháp luật liên quan hoặc bị luật pháp cấm không được làm Thành viên Ban đại diện quỹ;

- Thành viên đó bị khởi tố, truy tố;
 - Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ;
 - Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Ban đại diện quỹ liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
 - Có văn bản thông báo Thành viên Ban đại diện quỹ chấm dứt tư cách đại diện theo ủy quyền của Nhà đầu tư tổ chức, Thành viên lập quỹ.
- b) Ban đại diện quỹ và Công ty quản lý quỹ có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm Thành viên Ban đại diện quỹ để thay thế chỗ trống phát sinh và Thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội Nhà đầu tư ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận, việc bổ nhiệm Thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban đại diện quỹ bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban đại diện quỹ mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban đại diện quỹ. Trong trường hợp Thành viên mới không được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận, mọi quyết định của Ban đại diện quỹ cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội Nhà đầu tư có sự tham gia biểu quyết của Thành viên Ban đại diện quỹ thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

2.9.7. Biên bản họp Ban đại diện quỹ

Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả Thành viên khác của Ban đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại Công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ quỹ.

2.10. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

2.10.1. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a) Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý quỹ; có đủ vốn theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ.
- b) Hoàn toàn độc lập với Ngân hàng giám sát.
- c) Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý quỹ.
- d) Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ quỹ.

2.10.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Công ty quản lý quỹ

2.10.2.1. Công ty quản lý quỹ có quyền sau:

- a) Lựa chọn Ngân hàng giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 42 Điều lệ quỹ;
- b) Được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị Quỹ. Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền và bảo đảm quan hệ ủy quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị Quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà đầu tư vào Quỹ;
- c) Có quyền từ chối phát hành Chứng chỉ quỹ cho những tổ chức, cá nhân không được phép

- đầu tư vào Quỹ theo quy định của Điều lệ quỹ hoặc pháp luật;
- d) Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật;
 - e) Ký hợp đồng phân phối Chứng chỉ quỹ với Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ;
 - f) Được hưởng các khoản Giá dịch vụ được quy định trong Điều lệ quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;
 - g) Quản lý các Quỹ khác trong và/hoặc ngoài Việt Nam, tiến hành các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với quy định của pháp luật;
 - h) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện quỹ;
 - i) Được quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

2.10.2.2. Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ sau:

- a) Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty quản lý quỹ. Thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ này. Công ty quản lý quỹ tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện và luôn hoạt động một cách công bằng, trung thực cho Quỹ và vì lợi ích của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ, tránh xung đột về lợi ích và hành động ngay tình trong trường hợp không thể tránh được xung đột về lợi ích;
- b) Công ty quản lý quỹ phải đảm bảo rằng tổ chức và nhân sự có năng lực và được cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà đầu tư, tuân thủ Điều lệ này, pháp luật và thông lệ quốc tế tốt nhất;
- c) Công ty quản lý quỹ sẽ bảo đảm việc ủy quyền cho bên thứ ba tuân thủ pháp luật và không ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ và Nhà đầu tư;
- d) Công ty quản lý quỹ sẽ tách biệt tài sản của từng Quỹ, tài sản của Công ty quản lý quỹ với các tài sản của Quỹ, và các tài sản khác do Công ty quản lý quỹ quản lý;
- e) Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm cho những tổn thất đối với Quỹ do mình quản lý trong trường hợp Công ty quản lý quỹ không tuân thủ pháp luật và Điều lệ này;
- f) Công ty quản lý quỹ đảm bảo tuân thủ các quy định về hạn chế đối với hoạt động của Công ty quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn về hoạt động của Công ty quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán.
- g) Thực hiện các cam kết của Công ty quản lý quỹ được nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ quỹ.

2.10.3. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Công ty quản lý quỹ

- a) Công ty quản lý quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - Theo đề nghị Ban đại diện quỹ sau khi đã được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
 - Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, bị giải thể;
 - Hợp nhất, sáp nhập với một Công ty quản lý quỹ khác;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- b) Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 40 Điều lệ quỹ, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ được chuyển giao cho một Công ty quản lý quỹ khác phải theo quy định của pháp luật hiện hành.

- c) Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi Công ty quản lý quỹ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 40 Điều lệ quỹ, Quỹ sẽ phải trả cho Công ty quản lý quỹ một khoản tiền bồi thường (ngoài các khoản Giá dịch vụ đã được quy định tại Điều lệ này) theo quy định tại khoản 4 Điều 40 Điều lệ quỹ.

2.10.4. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ

- a) Công ty quản lý quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký của Quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán mà Công ty đang quản lý. Thành viên Hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị Quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.
- b) Công ty quản lý quỹ, nhân viên làm việc tại Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ hoặc nhân viên làm việc tại các bên có liên quan của Công ty quản lý quỹ sẽ chỉ được phép tham gia góp vốn thành lập, đầu tư, mua hoặc bán chứng chỉ quỹ theo các phương thức quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch trừ những hoạt động không được phép thực hiện quy định tại điểm b, Khoản 5 Điều lệ Quỹ.
- c) Tất cả các giao dịch Chứng khoán của Thành viên Ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch.
- d) Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa Công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoại trừ các loại Giá dịch vụ và mức Giá dịch vụ đã được quy định rõ tại Điều lệ quỹ.
- e) Trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, Công ty quản lý quỹ bảo đảm:
- Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ đó;
 - Không được sử dụng tài sản ủy thác của khách hàng ủy thác quản lý danh mục, quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý để đầu tư vào Quỹ, ngoại trừ khách hàng ủy thác quản lý danh mục chỉ định đầu tư, khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện và các khách hàng này đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên;
 - Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ trừ trường hợp sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu của chỉ số tham chiếu; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, nhân viên của Công ty là cổ đông hoặc Thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) Vốn điều lệ;
 - Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, tổ chức, cá nhân khác
- f) Công ty quản lý quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác.
- g) Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ.

2.11. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của ngân hàng giám sát

2.11.1. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát do Công ty quản lý quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán;
- b) Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám Đốc, nhân viên trực tiếp của Ngân hàng giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản Quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công ty quản lý quỹ và ngược lại;
- c) Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Người Điều Hành và nhân viên của Ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của Quỹ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ;
- d) Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký;
- e) Thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 02, Phụ lục 03 của Điều lệ quỹ.

2.11.2. Trách nhiệm và quyền hạn của ngân hàng giám sát

2.11.2.1. Ngân hàng giám sát có nghĩa vụ sau:

- a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà đầu tư quỹ;
- b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;
- c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ;
- d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ quỹ;
- e) Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty quản lý quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của ngân hàng giám sát và tài sản của chính ngân hàng giám sát;
- f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- g) Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của quỹ là chính xác;
- h) Xử lý các giao dịch về Chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty quản lý quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty quản lý quỹ;
- j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ;
- k) Thanh toán tiền cho Nhà đầu tư của Quỹ khi Công ty quản lý quỹ thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư, hoặc khi quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ;
- l) Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số chứng chỉ quỹ sở hữu bởi từng Nhà đầu tư, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, địa chỉ và cập nhật tất cả những thay đổi nếu có.

2.11.2.2. Ngân hàng giám sát có quyền:

- a) Ngân hàng giám sát được hưởng các loại Giá dịch vụ cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản Quỹ theo Điều lệ quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật;
- b) Ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ này. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty quản lý quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;
- c) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện quỹ;
- d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật, Hợp đồng giám sát được ký giữa các bên.

2.11.3. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Ngân hàng giám sát

- a) Ngân hàng giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - Ngân hàng giám sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi từ cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký Chứng khoán theo quy định tại Khoản 2 Điều 60 Luật Chứng khoán;
 - Ngân hàng giám sát đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và đã được Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ chấp thuận;
 - Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - Theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- b) Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 45 Điều lệ quỹ, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát được chuyển giao cho một Ngân hàng giám sát khác phải theo quy định của pháp luật.

2.12. Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

2.12.1. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán

Hàng năm, Công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất Công ty kiểm toán để trình Đại hội Nhà đầu tư lựa chọn. Trường hợp Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban đại diện quỹ theo quy định tại Khoản 5 Điều 32 Điều lệ quỹ, Ban đại diện quỹ thực hiện chọn Công ty kiểm toán để tiến hành soát xét, kiểm toán cho Quỹ. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a) Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài Chính cấp;
- b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán;
- c) Được UBCKNN cho phép kiểm toán Quỹ đầu tư;
- d) Không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát.

2.12.2. Năm tài chính

Năm tài chính là mười hai (12) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ đầu ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy Chứng Nhận Lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm đó.

Trường hợp thời gian từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

2.12.3. Chế độ kế toán và báo cáo

2.12.3.1. Chế độ kế toán

Quý sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến công tác kế toán cho Quý do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

2.12.3.2. Báo cáo tài chính

Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quý và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quý.

Báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên kiểm toán độc lập hàng năm bởi Công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quý phải được gửi đến từng Thành viên Ban đại diện quỹ và công bố công khai trên website của Công ty quản lý quỹ để Nhà đầu tư có thể tham khảo.

2.12.3.3. Báo cáo khác

Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quý.

3. Các rủi ro khi đầu tư vào quỹ

3.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro này phát sinh khi thị trường Chứng khoán có sự suy giảm từng phần hay toàn bộ trong một khoảng thời gian. Loại rủi ro này dẫn tới sự suy giảm giá trị của toàn bộ thị trường, dẫn đến sự sụt giảm mạnh giá trị của Chỉ số tham chiếu. Giá trị tài sản ròng của quỹ cũng sẽ sụt giảm theo tỷ lệ tương đương. Rủi ro này trên diện rộng mang tính hệ thống và nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công ty quản lý quỹ.

3.2. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính mà Quý đầu tư sẽ biến động theo do những thay đổi của lãi suất thị trường, do sự thay đổi về cung/cầu tiền tệ và các yếu tố kinh tế vĩ mô khác. Để hạn chế những rủi ro về lãi suất có thể làm ảnh hưởng tới giá trị đầu tư, Công ty quản lý quỹ thường xuyên phân tích, đánh giá các điều kiện kinh tế vĩ mô, xu hướng vận động của thị trường và kỳ vọng lãi suất trong từng giai đoạn để có các quyết định phân bổ tài sản phù hợp

3.3. Rủi ro lạm phát

Rủi ro lạm phát là rủi ro phát sinh khi tỷ suất lợi nhuận của Nhà đầu tư không theo kịp tốc độ lạm phát của nền kinh tế, dẫn tới tỷ suất lợi nhuận thực âm.

3.4. Rủi ro pháp lý

Thị trường Chứng khoán cũng như hệ thống khung pháp lý liên quan của Việt Nam vẫn còn tương đối non trẻ, tồn tại những rủi ro về pháp lý khi Chính Phủ vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và điều chỉnh khung pháp lý cho các hoạt động Chứng khoán và thị trường Chứng khoán, gây ảnh hưởng đến hoạt động của Quý hoặc giá trị tài sản của Quý trong tương lai.

3.5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng hay rủi ro mất khả năng thanh toán là rủi ro mà tổ chức phát hành không thể đáp ứng các nghĩa vụ của mình đối với phần vốn gốc và lãi khi đến hạn thanh toán.

3.6. Rủi ro xung đột lợi ích

Công ty quản lý quỹ có thể sẽ gặp phải những xung đột nhất định về lợi ích giữa các quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác do Công ty quản lý quỹ điều hành. Công ty quản lý

quỹ có thể kiểm soát rủi ro này bằng cách thiết lập bộ phận quản lý đầu tư riêng biệt cho từng quỹ, cũng như thiết lập các lớp bảo vệ thông tin nội bộ nhằm hạn chế đến mức thấp rủi ro xung đột lợi ích này.

3.7. Rủi ro chênh lệch giá Chứng chỉ quỹ ETF với Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ (giao dịch thứ cấp)

Khi niêm yết, cũng giống như cổ phiếu, Chứng chỉ quỹ ETF chịu ảnh hưởng cung và cầu giao dịch trên thị trường. Khi khối lượng đặt mua Chứng chỉ quỹ ETF tăng lên nhanh chóng trong thời gian ngắn, hoặc giảm xuống một cách đáng kể sẽ tạo ra chênh lệch giữa Giá Giao Dịch và Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ. Mặc dù hoạt động hoán đổi trên thị trường sơ cấp của các Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư với Quỹ sẽ giúp giảm thiểu chênh lệch này, đây vẫn là rủi ro có thể gây bất lợi cho Nhà đầu tư.

3.8. Rủi ro đầu tư thụ động

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là bám sát lợi nhuận của Chỉ số tham chiếu. Công ty quản lý quỹ không chủ động lựa chọn cổ phiếu mà sẽ đầu tư tất cả hoặc phần lớn tài sản của quỹ vào các cổ phiếu trong Chỉ số tham chiếu. Công ty quản lý quỹ sẽ không đưa ra các biện pháp phòng thủ khi thị trường giảm. Chính vì vậy, sự sụt giảm của Chỉ số tham chiếu sẽ kéo theo sự giảm giá trị của Quỹ bất chấp thị trường chung tốt hay xấu. Biến động chung của thị trường không chắc chắn sẽ tác động đến biến động của Chỉ số tham chiếu hay Giá trị tài sản ròng của quỹ. Do đó, ngay cả khi thị trường trong giai đoạn tăng trưởng mạnh thì ETF cũng có thể không thu được mức lợi nhuận vượt trội chỉ số mà nó mô phỏng.

3.9. Rủi ro sai lệch so với Chỉ số tham chiếu (Index Tracking risk)

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là bám sát biến động của Chỉ số tham chiếu và Công ty quản lý quỹ sẽ đảm bảo duy trì mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu càng thấp càng tốt. Khi Chỉ số tham chiếu được xem xét định kỳ, Công ty quản lý quỹ sẽ tiến hành mua/bán cổ phiếu tương ứng để đảm bảo bám sát biến động của chỉ số. Trong thực tế, các yếu tố như các hoạt động chia, tách, sáp nhập doanh nghiệp hay chia cổ tức/phát hành cổ phiếu thưởng và biến động tính thanh khoản của thị trường, có thể ảnh hưởng đến mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu này. Ngoài ra, các chi phí hoạt động của Quỹ hoặc các chi phí liên quan đến việc mua bán Chứng khoán trong các đợt thay đổi danh mục định kỳ cũng có thể ảnh hưởng đến mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu.

3.10. Rủi ro thanh khoản của thị trường

Mặc dù Chứng chỉ quỹ ETF sẽ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán, Nhà đầu tư nên lưu ý không có gì đảm bảo một thị trường giao dịch Chứng chỉ quỹ ETF sôi động và thanh khoản cao. Ngoài ra, Chứng chỉ quỹ ETF chỉ được phát hành hoặc mua lại theo lô. Nhà đầu tư không nắm giữ đủ Lô chứng chỉ quỹ chỉ có thể giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán với rủi ro chênh lệch giá Chứng chỉ quỹ ETF với Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ như dưới đây.

X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (sau đây gọi tắt là "Luật Chứng khoán");
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Nghị định số 158/2000/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của Công ty quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán;
- Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/9/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ;
- Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở;
- Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường Chứng khoán Việt Nam;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán;
- Thông tư số 101/2021/TT-BTC ngày 17/11/2021 của Bộ Tài chính quy định Giá dịch vụ trong lĩnh vực Chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch Chứng khoán và Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam;
- Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17/11/2021 của Bộ Tài chính quy định Giá dịch vụ trong lĩnh vực Chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh Chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường Chứng khoán Việt Nam;
- Thông tư 25/2022/TT-BTC ngày 28/04/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Chứng khoán;
- Thông tư 43/2024/TT-BTC ngày 28/06/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ hoán đổi danh mục;
- Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.

2. Phương án phát hành lần đầu (IPO)

- | | |
|-------------------------------------|---|
| Tên Quỹ | : Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 |
| Tên tiếng Anh | : TECHCOM CAPITAL VNX50 ETF |
| Loại hình quỹ | : Quỹ hoán đổi danh mục |
| Thời hạn hoạt động của quỹ | : Không giới hạn |
| Mục tiêu đầu tư của quỹ | : Mục tiêu của quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số VNX50. |
| Lĩnh vực, ngành nghề dự kiến đầu tư | : Những lĩnh vực, ngành nghề pháp luật không cấm đầu tư |
| Các sản phẩm dự kiến đầu tư | : Được quy định theo Mục 2.2.3 Phần IX của Bản cáo bạch này |
| Quy trình kiểm soát rủi ro đầu tư | : - Trong đợt phát hành lần đầu, Nhà đầu tư và các Thành viên lập quỹ tham gia góp vốn bằng Chứng khoán cơ cấu. Trong thời gian này do Quỹ chưa được thành lập và tài sản đầu tư của Quỹ được |

phong tỏa an toàn tại VSDC nên không áp dụng quy trình kiểm soát rủi ro đầu tư.

- Sau khi Quỹ được UBCKNN cấp phép hoạt động, Quỹ sẽ thực hiện quy trình kiểm soát rủi ro đầu tư được xây dựng trong Quy trình quản trị rủi ro của Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 sau khi được Ban đại diện quỹ phê duyệt

- Cơ cấu đầu tư : Được quy định theo Mục 2.2.4 Phần IX của Bản cáo bạch này
- Số lượng lô chứng chỉ quỹ đăng ký tối thiểu chào bán : 50 (năm mươi) lô
- Thời hạn phát hành lần đầu : Bảo đảm thời hạn đăng ký mua chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư tối thiểu 20 ngày và tối đa 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ ra công chúng có hiệu lực
- Thời gian gia hạn phát hành : Sẽ được UBCKNN xem xét gia hạn nhưng không quá 30 ngày sau khi kết thúc thời gian phân phối chứng chỉ quỹ
- Mệnh giá chứng chỉ quỹ ETF : 10.000 (mười nghìn) đồng/chứng chỉ quỹ
- Giá phát hành : 10.000 (mười nghìn) đồng/chứng chỉ quỹ
- Giá dịch vụ phát hành : 0% trên giá trị phát hành
- Đơn vị tiền tệ : Việt Nam Đồng
- Số lượng đăng ký tối thiểu : Tối thiểu 1 (một) lô ETF tương ứng với 100.000 (một trăm ngàn) chứng chỉ quỹ ETF
- Phương thức phân bổ lần đầu : Chứng chỉ quỹ ETF sẽ được phân phối công bằng, công khai, trong thời hạn phát hành chứng chỉ quỹ ETF và tuân thủ theo pháp luật hiện hành về giới hạn quyền sở hữu theo quy định pháp luật tại từng thời điểm.

Chứng chỉ quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 phát hành lần đầu được phát hành dưới hình thức Chứng khoán ghi sổ và Công ty quản lý quỹ không phát hành cho Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ Sổ/Giấy chứng nhận sở hữu chứng chỉ quỹ ETF mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư được nhận sẽ được VSDC phân bổ vào tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư ngay sau khi Công ty quản lý quỹ hoàn tất việc đăng ký chứng chỉ quỹ ETF này với VSDC.

Trường hợp không thể hoàn thành việc phân phối chứng chỉ quỹ trong thời hạn này, Công ty quản lý quỹ được gia hạn thời gian phân phối chứng chỉ quỹ theo quy định tại Khoản 4 Điều 26 Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán

- Thời hạn xác nhận giao dịch của Nhà đầu tư : Vào ngày làm việc liền sau ngày giao dịch hoán đổi (T+1)
- Phương thức và hình thức thanh toán : Phương thức giao dịch: Nhà đầu tư đăng ký đặt lệnh giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 bằng cách điền đầy đủ thông tin vào Phiếu lệnh giao dịch hoán đổi (theo mẫu) và chuyển đến Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối trước thời điểm đóng sổ lệnh. Danh sách địa điểm nhận lệnh của Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối được liệt kê tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này hoặc theo thông báo cập nhật (nếu có) của Công ty quản lý quỹ.
 Phương tiện thanh toán: Danh mục chứng khoán cơ cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ và Thành viên lập quỹ
- Ngày giao dịch gần nhất dự kiến sau khi kết thúc phát hành lần đầu : Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quỹ được niêm yết
- Địa điểm phát hành và các đại lý phân phối : Công ty cổ phần Quản lý quỹ Kỹ thương
 Tầng 28, Tòa C5, số 119 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
 Danh sách các Đại lý phân phối được liệt kê tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này.

Các đối tác liên quan đến đợt phát hành:

- Tổ chức phát hành : Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50
- Đại diện phát hành : Công ty cổ phần Quản lý quỹ Kỹ Thương
- Ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Thành
- Công ty kiểm toán dự kiến : Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y)
- Thành viên lập quỹ : Danh sách các Thành viên lập quỹ được nêu chi tiết tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này
- Tiêu chí, điều kiện đối với Nhà đầu tư góp vốn thành lập quỹ : - Nhà đầu tư có sở hữu Chứng khoán cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về tỷ trọng, số lượng Chứng khoán trong danh mục chứng khoán cơ cấu theo thông báo của Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50, ngoại trừ trường hợp Nhà đầu tư thực hiện giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 bổ sung bằng tiền và/hoặc Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối thực hiện mua danh mục chứng khoán cơ cấu cho Nhà đầu tư.
 - Nhà đầu tư có sở hữu tối thiểu 01 (một) lô chứng chỉ quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 khi thực

hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ lấy Chứng khoán cơ cấu.

- Nhà đầu tư chỉ được thực hiện giao dịch hoán đổi thông qua Thành viên lập quỹ, nơi Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch Chứng khoán và đã ký hợp đồng về giao dịch hoán đổi

3. Đăng ký và góp vốn thành lập Quỹ

3.1. Giai đoạn đăng ký góp vốn

3.1.1. Thời hạn đăng ký góp vốn

- a) Thời hạn đăng ký góp vốn: Là khoảng thời gian theo Thông báo phát hành chứng chỉ quỹ của Công ty quản lý quỹ mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư gửi cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng của Quỹ các đề nghị đăng ký góp vốn thành lập quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50, trong đó nêu rõ số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF phát hành lần đầu đặt mua.
- b) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ ra công chúng có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ công bố bản thông báo chào bán chứng chỉ quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và các phương tiện truyền thông theo quy định, trong đó có nêu rõ Thời hạn đăng ký góp vốn và danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi dự kiến cho một (01) Lô chứng chỉ quỹ cho đợt chào bán lần đầu ra công chúng.
- c) Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi dự kiến này sẽ được Công ty quản lý quỹ cập nhật trong thời hạn đăng ký góp vốn nếu có thay đổi.

3.1.2. Phương thức góp vốn

- a) Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đăng ký góp vốn thành lập Quỹ bằng danh mục chứng khoán cơ cấu, bao gồm:

Đối với Thành viên lập quỹ:

- Chứng khoán đang sẵn có trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ;
- Chứng khoán đi vay qua hệ thống vay và cho vay của VSDC với mục đích thực hiện giao dịch hoán đổi đang nằm trên tài khoản phong tỏa tạm giữ chứng khoán của Thành viên lập quỹ.

Đối với Nhà đầu tư:

Chứng khoán đang sẵn có trên tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư.

- b) Trong một số trường hợp cụ thể dưới đây, Thành viên lập quỹ /Nhà đầu tư có thể thực hiện thanh toán bổ sung bằng tiền:
 - Phát sinh chênh lệch giữa giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành của lô chứng chỉ quỹ ETF;
 - Những Mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật và Bản cáo bạch này hoặc Mã chứng khoán đó là cổ phiếu quỹ mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật;
 - Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư nước ngoài, không thể mua Chứng khoán cơ cấu do các Chứng khoán này đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa để góp vốn; Chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm và các quyền phát

sinh khác (nếu có)) phát sinh;

Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý quỹ các Mã chứng khoán thuộc diện trên. Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo số tiền nộp thay thế cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.

- c) Trường hợp phát sinh sự kiện doanh nghiệp trong giai đoạn từ ngày kết thúc thực hiện việc góp vốn đến ngày liền trước ngày Chứng khoán cơ cấu góp vốn được chuyển từ tài khoản Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sang ghi nhận vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50: Trong trường hợp Chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua) phát sinh mà Quỹ không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cho Quỹ, Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sẽ thực hiện thanh toán bổ sung bằng tiền cho Quỹ và giá trị được tính như sau:

- Đối với cổ tức bằng tiền: số tiền cần thanh toán bổ sung bằng số lượng Chứng khoán cơ cấu phát sinh cổ tức bằng tiền nhân với tỉ lệ trả cổ tức.
- Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số tiền cần thanh toán bổ sung bằng số lượng cổ phiếu được trả cổ tức hoặc được thưởng tương ứng với số lượng cổ phiếu hoán đổi nhân với giá đóng cửa các mã cổ phiếu này tại ngày có giao dịch liền trước ngày Chứng khoán cơ cấu được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ.
- Đối với quyền mua (khi giá đóng cửa tại ngày có giao dịch liền trước ngày Chứng khoán cơ cấu được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ lớn hơn giá phát hành của quyền mua cổ phiếu); số tiền cần thanh toán bổ sung trên mỗi cổ phiếu bằng số lượng cổ phiếu mua được từ quyền mua phát sinh của cổ phiếu hoán đổi nhân với hiệu số giữa giá đóng cửa tại ngày có giao dịch liền trước ngày Chứng khoán cơ cấu được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ và giá phát hành của quyền mua đó.
- Đối với các quyền phát sinh khác: số tiền cần thanh toán bổ sung sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo sau (nếu có).

Công ty quản lý quỹ sẽ gửi thông báo đến Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư về số tiền cần thanh toán bổ sung (nếu có). Thành viên lập quỹ và Nhà đầu tư có trách nhiệm hoàn trả cho Quỹ số tiền cần thanh toán bổ sung nêu trên trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ có thông báo.

3.1.3. Trình tự thực hiện đăng ký góp vốn

- a) Nhà đầu tư gửi Giấy đề nghị đăng ký góp vốn lập quỹ cho Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối nơi mở tài khoản giao dịch, trong đó ghi rõ số lượng Lô chứng chỉ quỹ phát hành lần đầu đặt mua. Mỗi Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối đăng ký mua tối thiểu một (01) lô chứng chỉ quỹ (tương đương với 100.000 chứng chỉ quỹ).
- b) Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối nhận Giấy đăng ký góp vốn lập quỹ từ 8h00 đến 17h00 các ngày làm việc trong thời hạn đăng ký góp vốn. Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối kiểm tra tính chính xác của Giấy đề nghị đăng ký góp vốn.
- c) Thời điểm cuối cùng Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối nhận đăng ký góp vốn của Nhà đầu tư là 15h00 ngày làm việc kết thúc thời hạn đăng ký góp vốn.
- d) Sửa/hủy Giấy đăng ký góp vốn lập quỹ: Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư có thể sửa/hủy Giấy đề nghị đăng ký góp vốn bằng cách điền vào mẫu Giấy đăng ký sửa/hủy và chuyển về Thành viên lập quỹ nơi Nhà đầu tư đăng ký góp vốn trước thời điểm kết thúc Thời hạn đăng ký góp vốn.

3.2. Giai đoạn thực hiện góp vốn thành lập Quỹ

3.2.1. Thời hạn thực hiện góp vốn

- a) Thời hạn thực hiện góp vốn là khoảng thời gian Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phải gửi hồ sơ đề nghị phong tỏa Chứng khoán cơ cấu góp vốn lập quỹ cho Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và nộp tiền (nếu có) vào tài khoản phong tỏa của Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 tại Ngân hàng giám sát theo thông báo phát hành chứng chỉ quỹ của Công ty quản lý quỹ.
- b) Thời hạn thực hiện góp vốn sẽ được ghi rõ trong Thông báo phát hành chứng chỉ quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 của Công ty quản lý quỹ.

3.2.2. Thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn

Trước 09h00 ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày giao dịch cuối cùng của Thời hạn đăng ký góp vốn, Công ty quản lý quỹ thông báo cho VSD, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư về Danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn chính thức được xác định trên cơ sở Chỉ số tham chiếu của Ngày giao dịch cuối cùng trong Thời hạn đăng ký góp vốn; và số tiền phải thanh toán bổ sung tương đương với chênh lệch giữa giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành lô chứng chỉ quỹ ETF (nếu có).

3.2.3. Tài liệu nộp cho Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối

Trong thời hạn thực hiện góp vốn, Nhà đầu tư nộp cho Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối các tài liệu sau:

- a) Giấy đăng ký góp vốn thành lập Quỹ;
- b) Giấy đề nghị phong tỏa và chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu góp vốn;
- c) Bảng kê Chứng khoán cơ cấu góp vốn;
- d) Văn bản xác nhận số dư của Công ty Chứng khoán nơi Nhà đầu tư mở tài khoản để góp vốn;
- e) Tư liệu xác nhận đã chuyển tiền thanh toán bổ sung vào tài khoản phong tỏa của Quỹ ETF (nếu có). Các trường hợp thanh toán bổ sung bằng tiền, Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phải đảm bảo tiền được ghi nhận vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát muộn nhất vào 17h00 ngày giao dịch cuối cùng của Thời hạn thực hiện góp vốn.

3.2.4. Các trường hợp phát sinh trong quá trình góp vốn

Trường hợp Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phải thanh toán bổ sung bằng tiền do những Mã chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Mã chứng khoán đó là cổ phiếu quỹ và Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật hoặc Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư nước ngoài, không thể mua Chứng khoán cơ cấu do các Chứng khoán này đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa để góp vốn:

- a) Số tiền tạm góp nộp thay thế tương ứng cho một Chứng khoán được tính bằng 110% nhân với giá đóng cửa của Mã chứng khoán đó trên thị trường thứ cấp vào ngày giao dịch cuối cùng trong Thời hạn đăng ký góp vốn.
- b) Tổng số tiền tạm nộp thay thế tương ứng của Mã chứng khoán cơ cấu được hoán đổi bằng tiền đối với một (01) lô ETF này bằng số tiền tạm nộp thay thế tương ứng cho một Chứng khoán nhân với số lượng Chứng khoán của Mã chứng khoán đó trong Danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn chính thức.
- c) Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện mua hộ các Mã chứng khoán này và thực hiện quyết toán với Thành viên lập quỹ và Nhà đầu tư như sau:

- Trường hợp Quỹ ETF hoàn tất được việc mua đủ số lượng các Mã chứng khoán mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được góp bằng tiền trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi Quỹ ETF được thành lập:

- Quỹ ETF sẽ quyết toán lại với Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư trên cơ sở số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới trả cho Công ty Chứng khoán, phí giao dịch Chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) để mua trên sàn giao dịch để có được đủ số lượng các Mã chứng khoán này.
- Tại mỗi kỳ định giá, căn cứ vào biến động giá thị trường của các Chứng khoán chưa mua được cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư, Quỹ sẽ ghi nhận phần chênh lệch giữa giá thị trường và giá của Chứng khoán tại ngày giao dịch cuối cùng của Thời hạn đăng ký góp vốn vào doanh thu hoặc chi phí của Quỹ đồng thời tăng giảm các khoản phải trả cho Nhà đầu tư tương ứng với doanh thu, chi phí này.
- Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp phát sinh từ sau ngày cuối cùng thời hạn đăng ký góp vốn đến ngày hoàn tất mua:
 - (i) Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số lượng các Mã chứng khoán cơ cấu cần mua này sẽ được điều chỉnh tăng bằng số lượng cổ phiếu hoán đổi được thưởng cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng
 - (ii) Đối với cổ tức bằng tiền: giá trị cổ tức bằng tiền sẽ được cộng vào giá mua Chứng khoán khi thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư
 - (iii) Đối với quyền mua cổ phiếu: phần chênh lệch (dương nếu có) giữa giá đóng cửa tại ngày chốt quyền mua và giá phát hành nhân với số lượng cổ phiếu được quyền mua sẽ được cộng vào giá mua Chứng khoán khi thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.
 - (iv) Đối với các quyền phát sinh khác: giá trị hoàn trả bằng tiền sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo sau (nếu có).
- Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc mua đủ số lượng các Mã chứng khoán này, Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phần chênh lệch thừa hoặc thiếu giữa số tiền liên quan đến Mã chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đã góp vốn bằng tiền và số tiền thực tế mà Quỹ đã chi ra để mua đủ số lượng các Mã chứng khoán này cộng với số cổ tức bằng tiền và các quyền phát sinh khác mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phải trả lại cho Quỹ.
- Quỹ sẽ phải hoàn trả phần chênh lệch thừa cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ thông báo số tiền chênh lệch thừa này. Ngược lại, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu này cho Quỹ trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ thông báo số tiền chênh lệch thiếu này.

- Trường hợp Quỹ ETF không hoàn tất được việc mua đủ số lượng các Mã chứng khoán mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được góp bằng tiền trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi Quỹ ETF được thành lập:

- Quỹ ETF sẽ quyết toán lại với Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư trên cơ sở số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới trả cho Công ty Chứng khoán, phí giao dịch Chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) tương ứng với số lượng thực tế các Mã chứng khoán này mà Quỹ đã mua được. Số

lượng còn lại các Mã chứng khoán mà Quỹ chưa mua đủ trong thời gian nói trên sẽ được Quỹ quyết toán với Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư dựa trên giá đóng cửa của Mã chứng khoán tương ứng của các Sở giao dịch Chứng khoán vào ngày làm việc thứ 7 (kể từ khi Quỹ được thành lập) cộng với chi phí liên quan (phí môi giới, phí giao dịch Chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) để Quỹ tự mua cho đủ số lượng các Mã chứng khoán còn thiếu này sau đó.

- Tại mỗi kỳ định giá, căn cứ vào biến động giá thị trường của các Chứng khoán chưa mua được cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư, Quỹ sẽ ghi nhận phần chênh lệch giữa giá thị trường và giá của Chứng khoán tại ngày giao dịch cuối cùng của Thời hạn đăng ký góp vốn vào doanh thu hoặc chi phí của Quỹ đồng thời tăng giảm các khoản phải trả cho Nhà đầu tư tương ứng với doanh thu, chi phí này.
- Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp phát sinh từ sau ngày cuối cùng Thời hạn đăng ký góp vốn đến hết ngày làm việc thứ 7 (kể từ khi Quỹ được thành lập):
 - (i) Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số lượng các Mã chứng khoán cơ cấu cần mua này sẽ được điều chỉnh tăng bằng số lượng cổ phiếu hoán đổi được thưởng cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng
 - (ii) Đối với cổ tức bằng tiền: giá trị cổ tức bằng tiền sẽ được cộng vào giá mua Chứng khoán khi thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư
 - (iii) Đối với quyền mua cổ phiếu: phần chênh lệch (dương nếu có) giữa giá đóng cửa tại ngày chốt quyền mua và giá phát hành nhân với số lượng cổ phiếu được quyền mua sẽ được cộng vào giá mua Chứng khoán khi thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.
 - (iv) Đối với các quyền phát sinh khác: giá trị hoàn trả bằng tiền sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo sau (nếu có).
- Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi Quỹ không hoàn tất được việc mua đủ số lượng các Mã chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư được góp bằng tiền, Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phần chênh lệch thừa hoặc thiếu giữa số tiền liên quan đến Mã chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ đã góp vốn bằng tiền và Tổng số tiền (gồm cả phí môi giới Chứng khoán và phí giao dịch Chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) mà Quỹ thực tế đã chi ra (cho số lượng Mã chứng khoán cơ cấu mà Quỹ đã mua được) cộng với số cổ tức bằng tiền và các quyền phát sinh khác mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phải hoàn trả lại cho Quỹ (như đề cập bên trên) cộng với số tiền mà Quỹ sẽ chi ra để Quỹ có thể mua đủ số lượng Mã chứng khoán cơ cấu còn lại.
- Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể ngày Công ty quản lý quỹ thông báo số tiền chênh lệch:
 - (i) Quỹ sẽ hoàn trả phần chênh lệch thừa cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư;
 - (ii) Nhà đầu tư sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu cho Quỹ.
- Trường hợp Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh điều chỉnh danh mục thành phần của chỉ số VNX50 từ ngày cuối cùng thời hạn đăng ký góp vốn đến ngày hoàn tất mua hộ, theo đó có một hoặc một số Mã chứng khoán mua hộ bị loại ra khỏi Danh Mục Cơ Cấu của rổ chỉ số VNX50:

- Công ty quản lý quỹ không thực hiện mua hộ Nhà đầu tư những Mã chứng khoán này mà sẽ thực hiện quyết toán với Nhà đầu tư theo phương thức do Công ty quản lý quỹ quyết định;
- Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo với Nhà đầu tư trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Danh mục chứng khoán cơ cấu mới được công bố.

3.2.5. Xác định giao dịch góp vốn hợp lệ

- Vào 10h00 ngày làm việc thứ 2 kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện góp vốn, VSDC sẽ thực hiện kiểm tra số lượng cổ phiếu Chứng khoán cơ cấu đăng ký góp vốn và số tiền góp vốn (nếu có) phù hợp với số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đăng ký đặt mua hay không.
- Trong trường hợp đầy đủ số lượng Chứng khoán cơ cấu và số tiền góp vốn (nếu có) phù hợp với số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF đăng ký đặt mua, VSDC sẽ phong tỏa Chứng khoán cơ cấu và Ngân hàng giám sát sẽ phong tỏa tiền góp vốn, sau đó sẽ gửi thông báo cho Công ty quản lý quỹ để hoàn tất các thủ tục IPO.
- Trong trường hợp Số lượng Chứng khoán cơ cấu và số tiền góp vốn không đủ so với số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF đăng ký đặt mua:
 - Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư chỉ mua được số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF tương ứng với số lượng Chứng khoán cơ cấu và số tiền vốn thực tế.
 - Số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đặt mua sẽ được VSDC điều chỉnh xuống sao cho tròn lô chứng chỉ quỹ ETF (làm tròn xuống) tương ứng với số lượng Chứng khoán cơ cấu và tiền góp vốn thực tế. VSDC sẽ thực hiện phong tỏa trên số lượng Chứng khoán cơ cấu thực tế tương ứng với số lô chứng chỉ quỹ ETF đã điều chỉnh và thông báo cho Công ty quản lý quỹ để hoàn tất các thủ tục IPO.
- Các giao dịch đăng ký góp vốn không đủ Chứng khoán cơ cấu theo danh mục tương ứng với một Lô chứng chỉ quỹ ETF hoặc không nộp đủ tiền (nếu có) hoặc không có hồ sơ đề nghị phong tỏa sẽ được coi là giao dịch không hợp lệ và không được thực hiện.
- Đối với các giao dịch không hợp lệ, Chứng khoán sẽ duy trì trong tài khoản của Nhà đầu tư và tiền mặt sẽ được chuyển trả vào tài khoản chuyển đến theo thời hạn quy định của pháp luật. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào số tiền chuyển trả này.

3.2.6. Phong tỏa Chứng khoán cơ cấu góp vốn

- Toàn bộ Danh mục chứng khoán cơ cấu của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sẽ được VSDC phong tỏa theo đúng danh mục Chứng khoán, tỷ lệ, số lượng Chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đã đăng ký góp vốn hợp lệ.
- Thời hạn phong tỏa: Từ thời điểm VSDC xác nhận phong tỏa cho đến khi Chứng khoán được chuyển sang tài khoản lưu ký của Quỹ trong trường hợp đợt phát hành thành công hoặc cho đến khi giải tỏa theo thông báo của Công ty quản lý quỹ.
- Hồ sơ, trình tự và cách thức thực hiện phong tỏa, giải tỏa Chứng khoán cơ cấu được thực hiện theo quy định của VSDC.

3.2.7. Phương thức phân phối chứng chỉ quỹ lần đầu

- Chứng chỉ quỹ sẽ được phân phối công bằng, công khai, trong thời hạn phát hành chứng chỉ quỹ và tuân thủ theo pháp luật hiện hành về giới hạn quyền sở hữu theo quy định pháp luật tại từng thời điểm.
- Chứng chỉ quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 phát hành lần đầu dưới hình thức

Chứng khoán ghi sổ và Công ty quản lý quỹ không phát hành cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư Sổ/Giấy chứng nhận sở hữu chứng chỉ quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50. Số lượng chứng chỉ quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được nhận sẽ được VSDC phân bổ vào tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư ngay sau khi Công ty quản lý quỹ hoàn tất việc đăng ký chứng chỉ quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 này với VSDC.

- c) Trường hợp không thể hoàn thành việc phân phối chứng chỉ quỹ trong thời hạn này, Công ty quản lý quỹ được gia hạn thời gian phân phối chứng chỉ quỹ theo quy định tại Khoản 4 Điều 26 Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán.

3.2.8. Đăng ký thành lập Quỹ

Trong thời hạn 10 (mười) ngày sau khi hoàn thành đợt chào bán, Công ty quản lý quỹ sẽ gửi UBCKNN hồ sơ đăng ký thành lập Quỹ.

3.2.9. Trường hợp chào bán không thành công

- a) Trường hợp tổng giá trị vốn huy động thấp hơn 50 tỷ đồng trong đợt phát hành lần đầu thì đợt chào bán được coi là không thành công. Công ty quản lý quỹ sẽ gửi thông báo cho VSDC. Việc giải tỏa Chứng khoán cơ cấu sẽ được VSDC thực hiện ngay sau khi nhận được thông báo của Công ty quản lý quỹ. Thành viên lập quỹ không phải nộp hồ sơ đề nghị giải tỏa Chứng khoán của VSDC.
- b) Trường hợp đợt chào bán không thành công, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Công ty quản lý quỹ báo cáo UBCKNN đồng thời thực hiện công bố thông tin về việc chào bán không thành công theo quy định. Trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Công ty quản lý quỹ phải hoàn trả cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư mọi khoản tiền đã đóng góp, bao gồm cả lãi suất không kỳ hạn (nếu có) tính từ ngày khoản tiền này được chuyển vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát. Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sẽ không phải thanh toán phí chuyển tiền trong trường hợp này. Công ty quản lý quỹ chịu mọi phí tổn, nghĩa vụ tài chính phát sinh từ việc huy động vốn.

3.3. Đăng ký, lưu ký Chứng chỉ quỹ, chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu góp vốn

- a) Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ do UBCKNN cấp có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện việc đăng ký Chứng chỉ quỹ phát hành lần đầu với VSDC. Số lô chứng chỉ quỹ mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đã đăng ký góp vốn hợp lệ sẽ được tự động lưu ký và phân bổ vào tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư. Quyền sở hữu của Thành viên lập quỹ và Nhà đầu tư đối với số Chứng chỉ quỹ ETF nêu trên được xác lập từ thời điểm VSDC lưu ký, phân bổ Chứng chỉ quỹ vào tài khoản lưu ký. Ngày hiệu lực đối với Chứng chỉ quỹ ETF phát hành lần đầu đồng thời là ngày hiệu lực đăng ký Chứng chỉ quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 của VSDC.
- b) Việc đăng ký, lưu ký chứng chỉ quỹ ETF và chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu góp vốn sang tài khoản của Quỹ ETF thực hiện theo quy định tại quy chế hoạt động giao dịch hoán đổi, đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng chỉ quỹ Giao dịch hoán đổi do VSDC ban hành.
- c) Chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu góp vốn: Số lượng Chứng khoán cơ cấu của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư dùng để góp vốn lập quỹ đang bị phong tỏa sẽ được chuyển từ tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sang tài khoản lưu ký của Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 tại Ngân hàng giám sát nơi Công ty quản lý

quỹ mở tài khoản và gửi Thông báo xác nhận chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu cho Công ty quản lý quỹ, Thành viên có liên quan.

- d) Chứng chỉ quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 phát hành lần đầu dưới hình thức Chứng khoán ghi sổ và Công ty quản lý quỹ không phát hành sổ/giấy chứng nhận sở hữu Chứng chỉ quỹ ETF đối với số lượng chứng chỉ phát hành lần đầu này.

3.4. Giá dịch vụ phát hành cho IPO

- a) Là Giá dịch vụ mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư phải trả khi mua Lô chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng. Giá dịch vụ này được thu khi phát hành lần đầu và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của một Lô chứng chỉ quỹ.
- b) Giá dịch vụ phát hành cho đợt phát hành lần đầu ra công chúng được nêu tại Mục 2 Phần X của Bản cáo bạch.

3.5. Niêm yết chứng chỉ quỹ ETF

Trong vòng 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ sẽ hoàn tất các thủ tục niêm yết Chứng chỉ quỹ tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ ETF (Giao dịch sơ cấp)

4.1. Nguyên tắc thực hiện

4.1.1. Đối tượng tham gia giao dịch hoán đổi

Thành viên lập quỹ và các Nhà đầu tư đáp ứng điều kiện sau:

- a) Sở hữu Danh mục chứng khoán cơ cấu đáp ứng đúng các yêu cầu về tỷ trọng, số lượng Chứng khoán trong danh mục theo thông báo của Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ ETF; hoặc
- b) Sở hữu tối thiểu một (01) Lô chứng chỉ quỹ ETF khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ ETF lấy Chứng khoán cơ cấu.
- c) Nhà đầu tư chỉ thực hiện giao dịch hoán đổi thông qua Thành viên lập quỹ, nơi Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch Chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi.

4.1.2. Thời gian giao dịch hoán đổi

- a) Tần suất giao dịch hoán đổi (ngày T): hàng ngày (ngày làm việc).
- b) Thời gian giao dịch hoán đổi định kỳ được quy định như sau:
 - Trong trường hợp ngày chốt Giá trị tài sản ròng (ngày T-1) rơi vào ngày làm việc: thời gian giao dịch là từ 9h30 đến 14h40 Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T).
 - Trong trường hợp ngày chốt Giá trị tài sản ròng (ngày T-1) rơi vào ngày nghỉ, lễ: thời gian giao dịch từ 13h30 đến 14h40 Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T).
- c) Nếu ngày giao dịch hoán đổi rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ.
- d) Công ty quản lý quỹ sẽ có thông báo cụ thể khi có sự thay đổi về tần suất, thời gian giao dịch hoán đổi này và các thời điểm liên quan khác.

4.1.3. Thời điểm đóng sổ lệnh

- a) Là thời điểm cuối cùng mà Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch hoán đổi từ Nhà đầu tư để thực hiện trong Ngày giao dịch hoán đổi.
- b) Thời điểm đóng sổ lệnh là 14h40 ngày giao dịch hoán đổi (ngày T).

4.1.4. Thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi

Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi, Công

ty quản lý quỹ thông báo cho Thành viên lập quỹ và công bố trên trang thông tin điện tử của mình, HOSE, VSDC về Danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn để hoán đổi lấy 01 lô chứng chỉ quỹ và số tiền phải thanh toán bổ sung tương đương với chênh lệch giữa giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành lô chứng chỉ quỹ ETF (nếu có). Thông tin bao gồm: các Mã chứng khoán cơ cấu, tỷ trọng và số lượng từng Mã chứng khoán cơ cấu trong danh mục này. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.

- Trong trường hợp ngày chốt Giá trị tài sản ròng (NAV) rơi vào ngày làm việc: Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi và phần tiền chênh lệch trước 9h00 Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T).
- Trong trường hợp ngày chốt Giá trị tài sản ròng (NAV) rơi vào ngày nghỉ, lễ: Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi và phần tiền chênh lệch trước 13h00 Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T).

4.1.5. Phương thức giao dịch

- a) Nhà đầu tư đăng ký đặt lệnh giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF bằng cách điền đầy đủ thông tin vào Phiếu lệnh giao dịch hoán đổi (theo mẫu) và chuyển đến Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối trước Thời điểm đóng sổ lệnh. Danh sách các địa điểm nhận lệnh của Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối được liệt kê tại Phụ lục 01 của Bản cáo bạch này hoặc theo thông báo cập nhật (nếu có) của Công ty quản lý quỹ.
- b) Trường hợp Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ nhận lệnh giao dịch qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác phải tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử, đồng thời phải bảo đảm:
 - Ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh;
 - Trước khi thực hiện, Công ty quản lý quỹ phải xác nhận lại với Thành viên lập quỹ và Thành viên lập quỹ xác nhận lại với Nhà đầu tư. Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư phải cung cấp cho Công ty quản lý quỹ phiếu lệnh gốc có chữ ký của đại diện có thẩm quyền để lưu trữ. Phiếu lệnh gốc cần được gửi đến Thành viên lập quỹ trong vòng 03 (ba) ngày kể từ thời điểm đóng sổ lệnh.

4.1.6. Phương tiện thanh toán

- a) Danh mục chứng khoán cơ cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ và Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư. Những trường hợp hoán đổi bổ sung một phần bằng tiền bao gồm:
 - Phát sinh chênh lệch giữa giá trị của danh mục chứng khoán cơ cấu thấp hơn giá trị tài sản ròng của các lô chứng chỉ quỹ ETF
 - Những Mã chứng khoán nằm trong Danh mục chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật, hoặc Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật liên quan hoặc Nhà đầu tư nước ngoài không thể mua Chứng khoán cơ cấu do các Chứng khoán này đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.
- b) Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý quỹ các Mã chứng khoán thuộc diện nêu trên trước 12h00 ngày làm việc liền trước ngày giao dịch hoán đổi để Công ty quản lý quỹ tính toán số tiền nộp thay thế (theo mẫu của Công ty

quản lý quỹ). Công ty quản lý quỹ sẽ chủ động công bố Mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại ngày giao dịch thuộc diện nêu trên. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa được xác định tại ngày làm việc liền trước ngày giao dịch hoán đổi.

- c) Trong trường hợp Chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm) phát sinh mà Quỹ ETF không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cho Quỹ ETF trong khoảng thời gian thực hiện giao dịch hoán đổi, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sẽ thực hiện thanh toán bằng tiền cho Quỹ ETF với giá trị được tính như sau:
- Đối với cổ tức bằng tiền: số tiền cần nộp bổ sung bằng số lượng Chứng khoán cơ cấu phát sinh cổ tức bằng tiền nhân với tỷ lệ trả cổ tức;
 - Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số tiền cần nộp bổ sung bằng số lượng cổ phiếu hoán đổi được thưởng cổ tức bằng cổ phiếu nhân với giá đóng cửa của các mã cổ phiếu này tại ngày liền trước ngày Chứng khoán cơ cấu được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ ETF.
 - Đối với sự kiện chốt quyền mua cổ phiếu (khi giá đóng cửa tại ngày liền trước ngày Chứng khoán cơ cấu được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ ETF lớn hơn giá mua): Giá trị nộp bổ sung bằng tiền trên mỗi cổ phiếu bằng số lượng cổ phiếu được mua từ quyền mua phát sinh của cổ phiếu hoán đổi nhân với hiệu số giữa giá đóng cửa tại ngày liền trước ngày Chứng khoán cơ cấu được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ ETF và giá mua.
 - Đối với sự kiện chốt quyền mua khác: Giá trị nộp bổ sung bằng tiền trên mỗi cổ phiếu sẽ được công ty quản lý quỹ thông báo sau (nếu có).
- d) Công ty quản lý quỹ sẽ gửi thông báo đến Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư về số tiền cần thanh toán bổ sung (nếu có). Thành viên lập quỹ và Nhà đầu tư có trách nhiệm hoàn trả cho Quỹ ETF số tiền cần nộp bổ sung nêu trên trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ thông báo.
- e) Trong trường hợp hoán đổi các Lô chứng chỉ quỹ ETF lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị các Lô chứng chỉ quỹ ETF mà Công ty quản lý quỹ tiếp nhận từ Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư nhiều hơn giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu thì phần chênh lệch này được Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoàn trả lại bằng chứng chỉ quỹ ETF hoặc tiền mặt vào các tài khoản của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ vào ngày T+3, ba (03) ngày làm việc kể từ ngày hoán đổi.

4.1.7. Nguồn Chứng khoán hoán đổi

Chứng khoán thực hiện giao dịch hoán đổi là các Chứng khoán tự do chuyển nhượng, đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư/Thành viên lập quỹ và được lấy từ các nguồn sau:

- Đối với Thành viên lập quỹ:
 - Chứng khoán cơ cấu, Chứng chỉ quỹ ETF có sẵn trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ tại Ngày giao dịch hoán đổi;
 - Chứng khoán cơ cấu, Chứng chỉ quỹ ETF chờ thanh toán từ các lệnh mua đã khớp trước Ngày giao dịch hoán đổi;
 - Chứng khoán cơ cấu, Chứng chỉ quỹ ETF đi vay qua hệ thống vay và cho vay của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam với mục đích thực

hiện giao dịch hoán đổi đang nằm trên tài khoản phong tỏa tạm giữ Chứng khoán của Thành viên lập quỹ.

- Đối với Nhà đầu tư:
 - Chứng khoán cơ cấu, Chứng chỉ quỹ ETF có sẵn trên tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư tại Ngày giao dịch hoán đổi.

4.1.8. Giá giao dịch hoán đổi

Giá giao dịch hoán đổi được xác định như sau:

- a) Giá phát hành: là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một Lô chứng chỉ quỹ. Giá phát hành bằng Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch cộng thêm Giá dịch vụ phát hành (nếu có).
- b) Giá mua lại: là mức giá mà Công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho Nhà đầu tư đặt lệnh hoán đổi Lô chứng chỉ quỹ lấy Chứng khoán cơ cấu. Giá Mua Lại bằng Giá trị tài sản ròng trên một (01) Lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch trừ đi Giá dịch vụ mua lại (nếu có).

4.1.9. Thời hạn xác nhận giao dịch

Vào ngày làm việc thứ nhất kể từ Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+1), đại lý chuyên nhượng sẽ xác nhận hoàn tất giao dịch theo đó Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đặt lệnh hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ ETF sẽ nhận được chứng chỉ quỹ; và Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đặt lệnh hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lấy Chứng khoán cơ cấu sẽ nhận được danh mục chứng khoán cơ cấu về tài khoản lưu ký Chứng khoán của mình.

4.2. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi

4.2.1. Giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50

- a) Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước Ngày giao dịch hoán đổi, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho Thành viên lập quỹ và công bố trên trang thông tin điện tử của mình và của Sở giao dịch Chứng khoán, Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam về Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi lấy một (01) Lô chứng chỉ quỹ và số tiền phải nộp tương đương với chênh lệch giữa giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu và Giá phát hành Lô chứng chỉ quỹ ETF (nếu có). Thông tin bao gồm Danh mục chứng khoán cơ cấu, tỷ trọng và số lượng từng Mã chứng khoán cơ cấu trong danh mục này. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước Ngày giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ;
- b) Nhà đầu tư gửi hồ sơ đặt lệnh giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 trước Thời điểm đóng sổ lệnh tại Thành viên lập quỹ bao gồm các tài liệu sau:
 - Phiếu đặt lệnh giao dịch hoán đổi;
 - Bảng kê Chứng khoán cơ cấu thực hiện giao dịch hoán đổi;
 - Văn bản xác nhận số dư và xác nhận phong tỏa của nơi Nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký trong đó xác nhận Nhà đầu tư có đủ số dư Chứng khoán cơ cấu dùng để thực hiện giao dịch hoán đổi và số lượng Chứng khoán cơ cấu dùng để thực hiện giao dịch hoán đổi này đã được Thành viên lưu ký phong tỏa từ Ngày giao dịch hoán đổi đến hết Ngày thanh toán;
 - Thông báo Chứng khoán hoán đổi thay thế bằng tiền (nếu có).

Thành viên lập quỹ kiểm tra các thông tin của Nhà đầu tư trên hồ sơ. Trường hợp chưa đầy đủ, Thành viên lập quỹ yêu cầu Nhà đầu tư bổ sung, chỉnh sửa.

- c) Trường hợp Nhà đầu tư đặt lệnh qua Đại lý phân phối:
- Nhà đầu tư gửi hồ sơ đặt lệnh giao dịch hoán đổi trước Thời điểm đóng sổ lệnh (bao gồm các tài liệu như quy định ở trên) tại Đại lý phân phối.
 - Đại lý phân phối kiểm tra thông tin Nhà đầu tư trên hồ sơ, trường hợp đầy đủ, hợp lệ sẽ chuyển lệnh của Nhà đầu tư và các chứng từ có liên quan đến Thành viên lập quỹ.
- d) Trước 12h ngày làm việc liền trước ngày giao dịch hoán đổi, Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý quỹ các Mã chứng khoán thuộc diện cần hoán đổi bằng tiền (nếu có). Trường hợp Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư không có thông báo cho Công ty quản lý quỹ về việc phát sinh thêm những Mã chứng khoán cần hoán đổi bằng tiền thì Công ty quản lý quỹ sẽ căn cứ trên phiên giao dịch hoán đổi trước đó. Sau đó, Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo tới Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi, những Mã chứng khoán cơ cấu được hoán đổi bằng tiền, đối tượng áp dụng và số tiền tạm nộp thay thế tương ứng của từng Mã chứng khoán cơ cấu được hoán đổi bằng tiền đối với một (01) lô ETF để Quỹ thực hiện mua đủ số lượng các Mã chứng khoán được hoán đổi bằng tiền.
- Số tiền tạm nộp thay thế tương ứng cho một Chứng khoán được tính bằng 110% nhân với giá đóng cửa của Mã chứng khoán đó trên thị trường thứ cấp vào ngày giao dịch cuối cùng trong Thời hạn đăng ký góp vốn.
 - Tổng số tiền tạm nộp thay thế tương ứng của Mã chứng khoán cơ cấu được hoán đổi bằng tiền đối với một (01) lô ETF này bằng số tiền tạm nộp thay thế tương ứng cho một Chứng khoán nhân với số lượng Chứng khoán của Mã chứng khoán đó trong Danh mục chứng khoán cơ cấu.

Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư chuyển khoản phần tiền bổ sung của giao dịch hoán đổi vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát, đảm bảo khoản tiền này được ghi nhận trên tài khoản của Quỹ trước 11h00 ngày làm việc sau ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+1).

Trên cơ sở số tiền tạm nộp thay thế của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư, Quỹ sẽ thực hiện mua đủ số lượng các Mã chứng khoán cơ cấu được hoán đổi bằng tiền tương ứng với tổng số lô ETF mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được phân bổ trong vòng bảy (7) ngày làm việc kể từ khi Quỹ ETF xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi (T+1).

- e) Trường hợp Quỹ ETF hoàn tất được việc mua đủ số lượng các Mã chứng khoán mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được hoán đổi bằng tiền trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư (ngày T+1):
- Quỹ ETF sẽ quyết toán lại với Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư trên cơ sở số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới trả cho Công ty Chứng khoán, phí giao dịch Chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) để mua trên sàn giao dịch để có được đủ số lượng các Mã chứng khoán này.
 - Tại mỗi kỳ định giá, căn cứ vào biến động giá thị trường của các Chứng khoán chưa mua được cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư cho đến ngày làm việc thứ bảy (07) kể từ khi VSDC xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư, Quỹ sẽ ghi nhận phần chênh lệch giữa giá thị

- trường và giá của Chứng khoán tại ngày giao dịch cuối cùng của Thời hạn đăng ký góp vốn vào doanh thu hoặc chi phí của Quỹ đồng thời tăng giảm các khoản phải trả cho Nhà đầu tư tương ứng với doanh thu, chi phí này.
- Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp phát sinh kể từ ngày giao dịch (ngày T) đến ngày hoàn tất mua:
 - Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số lượng các Mã chứng khoán cơ cấu cần mua này sẽ được điều chỉnh tăng bằng số lượng cổ phiếu hoán đổi được thưởng cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng.
 - Đối với cổ tức bằng tiền: giá trị cổ tức bằng tiền sẽ được cộng vào giá mua Chứng khoán khi thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.
 - Đối với quyền mua cổ phiếu: phần chênh lệch (dương nếu có) giữa giá đóng cửa tại ngày chốt quyền mua và giá phát hành nhân với số lượng cổ phiếu được quyền mua sẽ được cộng vào giá mua Chứng khoán khi thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.
 - Đối với các quyền phát sinh khác: giá trị hoàn trả bằng tiền sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo sau (nếu có).
 - Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc mua đủ số lượng các Mã chứng khoán này, Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phần chênh lệch thừa hoặc thiếu giữa số tiền liên quan đến Mã chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đã góp vốn bằng tiền và số tiền thực tế mà Quỹ đã chi ra để mua đủ số lượng các Mã chứng khoán này cộng với số cổ tức bằng tiền và các quyền phát sinh khác (nếu có).
 - Quỹ sẽ phải hoàn trả phần chênh lệch thừa cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ thông báo số tiền chênh lệch thừa này. Ngược lại, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu này cho Quỹ trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ thông báo số tiền chênh lệch thiếu này.
- f) Trường hợp Quỹ ETF không hoàn tất được việc mua đủ số lượng các Mã chứng khoán mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được hoán đổi bằng tiền trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư (ngày T+1):
- Quỹ ETF sẽ quyết toán lại với Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư trên cơ sở số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới trả cho Công ty Chứng khoán, phí giao dịch Chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) tương ứng với số lượng thực tế các Mã chứng khoán này mà Quỹ đã mua được. Số lượng còn lại các Mã chứng khoán mà Quỹ chưa mua đủ trong thời gian nói trên sẽ được Quỹ quyết toán với Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư dựa trên giá đóng cửa của Mã chứng khoán tương ứng của các Sở giao dịch Chứng khoán vào ngày làm việc thứ bảy (07) kể từ ngày Quỹ xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư (ngày T+1) cộng với chi phí liên quan (phí môi giới, phí giao dịch Chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) để Quỹ tự mua cho đủ số lượng các Mã chứng khoán còn thiếu này sau đó.
 - Tại mỗi kỳ định giá, căn cứ vào biến động giá thị trường của các Chứng khoán chưa mua được cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư cho đến ngày làm việc thứ bảy (07) kể từ khi VSDC xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho Thành viên lập quỹ/Nhà

đầu tư, Quỹ sẽ ghi nhận phần chênh lệch giữa giá thị trường và giá của Chứng khoán tại ngày giao dịch cuối cùng của Thời hạn đăng ký góp vốn vào doanh thu hoặc chi phí của Quỹ đồng thời tăng giảm các khoản phải trả cho Nhà đầu tư tương ứng với doanh thu, chi phí này.

g) Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp phát sinh kể từ ngày giao dịch (ngày T) đến ngày làm việc thứ bảy (07) kể từ ngày VSDC xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư:

- Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số lượng các Mã chứng khoán cơ cấu cần mua này sẽ được điều chỉnh tăng bằng số lượng cổ phiếu hoán đổi được thưởng cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng.
- Đối với cổ tức bằng tiền: giá trị cổ tức bằng tiền sẽ được cộng vào giá mua Chứng khoán khi thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.
- Đối với quyền mua cổ phiếu: phần chênh lệch (dương nếu có) giữa giá đóng cửa tại ngày chốt quyền mua và giá phát hành nhân với số lượng cổ phiếu được quyền mua sẽ được cộng vào giá mua Chứng khoán khi thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.
- Đối với các quyền phát sinh khác: giá trị hoàn trả bằng tiền sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo sau (nếu có).

h) Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi Quỹ không hoàn tất được việc mua đủ số lượng các Mã chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư được góp bằng tiền, Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phần chênh lệch thừa hoặc thiếu giữa số tiền liên quan đến Mã chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ đã góp vốn bằng tiền và Tổng số tiền (gồm cả phí môi giới Chứng khoán và phí giao dịch Chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) mà Quỹ thực tế đã chi ra (cho số lượng Mã chứng khoán cơ cấu mà Quỹ đã mua được) cộng với số cổ tức bằng tiền và các quyền phát sinh khác mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phải hoàn trả lại cho Quỹ (như đề cập bên trên) cộng với số tiền mà Quỹ sẽ chi ra để Quỹ có thể mua đủ số lượng Mã chứng khoán cơ cấu còn lại.

i) Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể ngày Công ty quản lý quỹ thông báo số tiền chênh lệch:

- Quỹ sẽ hoàn trả phần chênh lệch thừa cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư;
- Nhà đầu tư sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu cho Quỹ.

j) Việc chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sang tài khoản lưu ký của Quỹ ETF và việc đăng ký và lưu ký chứng chỉ quỹ ETF phát hành thêm được thực hiện theo quy định của VSDC.

k) Ngày hiệu lực đăng ký bổ sung chứng chỉ quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 phát hành thêm tại VSDC đồng thời là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu từ Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sang quỹ ETF.

4.2.2. Giao dịch hoán đổi Lô chứng chỉ quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 lấy Chứng khoán cơ cấu

a) Nhà đầu tư gửi hồ sơ đặt lệnh giao dịch hoán đổi Lô chứng chỉ quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 lấy Chứng khoán cơ cấu trước Thời điểm đóng sổ lệnh tại Thành viên lập quỹ bao gồm các tài liệu sau:

- Phiếu đặt lệnh giao dịch hoán đổi;
- Bảng kê Chứng chỉ quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi;

- Văn bản xác nhận số dư và xác nhận phong tỏa của Thành viên lưu ký nơi Nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký trong đó xác nhận Nhà đầu tư có đủ số dư Chứng chỉ quỹ ETF dùng để thực hiện giao dịch hoán đổi và số lượng Chứng chỉ quỹ ETF dùng để thực hiện giao dịch hoán đổi này đã được Thành viên lưu ký phong tỏa từ Ngày giao dịch hoán đổi đến hết ngày thanh toán;

Thành viên lập quỹ kiểm tra các thông tin của Nhà đầu tư trên hồ sơ. Trường hợp chưa đầy đủ, Thành viên lập quỹ yêu cầu Nhà đầu tư bổ sung, chỉnh sửa.

- b) Trường hợp Nhà đầu tư đặt lệnh qua Đại lý phân phối:
- Nhà đầu tư gửi hồ sơ đặt lệnh giao dịch hoán đổi trước Thời điểm đóng sổ lệnh (bao gồm các tài liệu như quy định ở trên) tại Đại lý phân phối.
 - Đại lý phân phối kiểm tra thông tin Nhà đầu tư trên hồ sơ, trường hợp đầy đủ, hợp lệ sẽ chuyển lệnh của Nhà đầu tư và các chứng từ có liên quan đến Thành viên lập quỹ.
- c) Trong trường hợp giá trị các Lô chứng chỉ quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 tiếp nhận từ Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư thấp hơn giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu, Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư cần đảm bảo phần tiền chênh lệch này phải được chuyển vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát trước 11h00 của ngày làm việc liền sau Ngày giao dịch hoán đổi (T+1).
- d) Trường hợp giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu thấp hơn Giá trị tài sản ròng của các Lô chứng chỉ quỹ ETF, phần tiền chênh lệch sẽ được Quỹ ETF hoàn trả lại cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư bằng tiền mặt vào ngày làm việc thứ ba (03) kể từ Ngày giao dịch hoán đổi.
- e) Trường hợp hoán đổi Chứng chỉ quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50, số lượng Chứng chỉ quỹ ETF còn lại của Thành viên lập quỹ sau khi bán không thấp hơn số lượng Lô chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tư cách là Thành viên lập quỹ theo quy định tại hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.
- f) Trường hợp Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 không đủ số lượng Chứng khoán của một (01) Mã chứng khoán cơ cấu nào đó để hoàn trả cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư thì việc hoàn trả Mã chứng khoán cơ cấu này sẽ được thực hiện như sau:
- Trường hợp tổng số lượng của Mã chứng khoán cơ cấu này mà Quỹ hiện có lớn hơn tổng số lượng phải hoàn trả nhưng số lượng Chứng khoán tự do chuyển nhượng trong tài khoản của Quỹ không đáp ứng đủ thì Quỹ sẽ thực hiện hoàn trả dựa trên số lượng Chứng khoán tự do chuyển nhượng trong tài khoản của Quỹ theo nguyên tắc FIFO đặt lệnh, số lượng còn lại Quỹ sẽ thực hiện hoàn trả cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sau khi có số lượng Chứng khoán bị hạn chế được chuyển thành Chứng khoán tự do chuyển nhượng trên tài khoản của Quỹ.
 - Trường hợp sau khi lấy toàn bộ số lượng hiện có của Mã chứng khoán đó trên tài khoản của Quỹ hoàn trả cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư nhưng vẫn không đáp ứng đủ thì Quỹ sẽ thực hiện hoàn trả bằng tiền dựa trên giá đóng cửa của ngày giao dịch liền trước ngày hoán đổi.
 - Nhà đầu tư tuân thủ thực hiện các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) cho các giao dịch hoán đổi áp dụng theo quy định của pháp luật.
- g) Việc chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 sang tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư và việc hủy đăng ký, rút lưu ký chứng chỉ quỹ ETF mua lại được thực hiện theo quy định

của VSDC.

- h) Ngày hiệu chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu từ quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 sang Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư và ngày hiệu lực rút lưu ký chứng chỉ quỹ ETF mua lại trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sẽ đồng thời với ngày hiệu lực hủy đăng ký số chứng chỉ quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 mua lại tại VSDC.

4.3. Xác nhận kết quả giao dịch, đăng ký, lưu ký Chứng chỉ quỹ

- a) Vào ngày làm việc thứ nhất (01) kể từ Ngày giao dịch hoán đổi (T+1), VSDC sẽ thực hiện kiểm tra các lệnh hoán đổi của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư. Các lệnh không có đủ Chứng khoán cơ cấu/Chứng chỉ quỹ ETF hoặc không nộp đủ tiền chênh lệch (nếu có) tại thời điểm VSDC thực hiện kiểm tra sẽ được xem là giao dịch không hợp lệ và sẽ không được thực hiện. Các lệnh hoán đổi có đủ Chứng chỉ quỹ/Chứng khoán cơ cấu và nộp đủ tiền (nếu có) sẽ được thực hiện.
- b) Trong vòng tối đa ba (03) ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch hoán đổi, Ngân hàng giám sát sẽ tiếp nhận hoặc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền.
- c) Hoạt động hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các Lô chứng chỉ quỹ ETF, và ngược lại, được thực hiện dưới hình thức bút toán ghi sổ trên hệ thống tài khoản lưu ký của các Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư và Quỹ ETF tại VSDC.

4.4. Các trường hợp giao dịch hoán đổi không hợp lệ

Những trường hợp giao dịch hoán đổi không hợp lệ:

- a) Nhà đầu tư gửi lệnh giao dịch hoán đổi cho Đại lý phân phối/Thành viên lập quỹ sau Thời điểm đóng sổ lệnh hoặc lệnh giao dịch hoán đổi được chuyển tới Đại lý chuyển nhượng sau thời điểm đóng sổ lệnh.
- b) Số lượng chứng chỉ quỹ ETF/Chứng khoán cơ cấu dùng để hoán đổi không đủ so với lệnh đặt tại thời điểm VSDC kiểm tra số dư vào ngày T+1.
- c) Nhà đầu tư/Thành viên lập quỹ không thanh toán tiền chênh lệch, các loại phí (nếu có) đúng thời hạn.

Các lệnh giao dịch không hợp lệ nêu trên sẽ không được thực hiện.

4.5. Các trường hợp vượt tỷ lệ sở hữu theo quy định của pháp luật

Trường hợp Quỹ ETF tiếp nhận các Lô chứng chỉ quỹ ETF của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư và hoàn trả Danh mục chứng khoán cơ cấu cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư dẫn tới các trường hợp sau:

- Tỷ lệ sở hữu đối với Chứng khoán cơ cấu của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư vượt quá tỷ lệ tối đa được phép nắm giữ của Nhà đầu tư nước ngoài;
- Tỷ lệ sở hữu đối với Chứng khoán cơ cấu của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư vượt quá 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức phát hành bao gồm cả cổ phiếu trước đó đã có trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định của pháp luật liên quan;
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sở hữu chính cổ phiếu mà mình phát hành (cổ phiếu quỹ) mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan.

Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý quỹ và yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư

thực hiện:

- a) Trường hợp là Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư Nước Ngoài, Công ty quản lý quỹ phải bán số Chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư này;
- b) Đối với các Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư thuộc trường hợp (b) và (c) ở trên, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bán phần Chứng khoán vượt trội so với tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai hoặc bán toàn bộ phần Chứng khoán phát hành bởi chính Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đó và thanh toán bằng tiền cho các Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư này.
- c) Ngay khi phát sinh các trường hợp (a), (b) và (c) nêu trên, số lượng chứng khoán này sẽ được hạch toán theo dõi riêng trong trường hợp Công ty quản lý quỹ chưa bán được cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.
- d) Việc thanh toán tiền cho các Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư quy định tại mục này phụ thuộc vào tiến độ bán thanh lý phần Chứng khoán vượt quá các tỷ lệ sở hữu tối đa hoặc tỷ lệ sở hữu phải thực hiện chào mua công khai, giao dịch ký quỹ theo quy định. Khoản thanh toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch liên quan tới việc bán phần Chứng khoán này theo quy định của pháp luật liên quan. Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện tính toán phân bổ và thông báo số tiền hoàn lại cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư theo nguyên tắc ưu tiên về thời gian (FIFO) đối với các giao dịch bán Chứng khoán các kỳ hoán đổi khác nhau và theo nguyên tắc tỷ lệ giao dịch đối với các lệnh đặt cùng một kỳ giao dịch.
- e) Trường hợp là các Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư bị hạn chế sở hữu vì các lý do khác theo quy định của pháp luật hoặc quy định tại Điều lệ của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đó, Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư có trách nhiệm bán số Chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế sở hữu trong ngày giao dịch kế tiếp sau ngày thanh toán. Trong thời gian chưa điều chỉnh tỷ lệ sở hữu về các hạn mức theo quy định của pháp luật, Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư không được thực hiện quyền biểu quyết trong đại hội cổ đông của các tổ chức phát hành đối với số Chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế sở hữu theo quy định của pháp luật.
- f) Nếu phát sinh ngày chốt danh sách nhận cổ tức, cổ phiếu thưởng hoặc quyền mua trong thời gian Công ty quản lý quỹ chưa thực hiện bán thành công các Chứng khoán cơ cấu vượt quá tỷ lệ nêu trên, Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện theo nguyên tắc sau:
 - Đối với cổ tức bằng tiền: Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ sẽ được thanh toán bằng tiền sau khi Quỹ ETF nhận được khoản tiền cổ tức này.
 - Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng thì Công ty quản lý quỹ sẽ thanh toán bằng tiền sau khi nhận số lượng cổ phiếu đó và thực hiện bán thành công.
 - Đối với quyền mua thì Công ty quản lý quỹ sẽ sử dụng khoản tiền từ việc bán số Chứng khoán đó (nếu đã bán thành công trước đó) để thực hiện quyền mua với điều kiện giá thực hiện nhỏ hơn giá thị trường tại ngày đăng ký thực hiện quyền, sau khi cổ phiếu thực hiện bằng quyền mua về tài khoản Quỹ thì Quỹ sẽ thực hiện bán số cổ phiếu này và thanh toán tiền cho Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ.
 - Những khoản thanh toán liên quan đến việc hưởng cổ tức hoặc quyền nêu trên sẽ được thực hiện sau ba (03) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ ETF nhận tiền hoặc thực hiện việc bán thành công các cổ phiếu phát sinh từ cổ tức hoặc từ việc thực hiện quyền này.

Việc phân bổ số tiền hoàn lại cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được thực hiện theo

nguyên tắc sau:

- Tính toán theo nguyên tắc ưu tiên về thời gian (FIFO) đối với các giao dịch bán Chứng khoán các kỳ hoán đổi khác nhau và theo nguyên tắc tỷ lệ giao dịch đối với các lệnh đặt cùng một kỳ giao dịch.
- Tỷ lệ phân bổ sẽ phụ thuộc vào khả năng thanh toán của Quỹ cũng như số tiền thu được từ việc bán Chứng khoán thông qua giao dịch khớp lệnh.
- Trường hợp Quỹ có các lệnh bán cùng Mã chứng khoán của danh mục trong ngày thì lệnh bán hộ cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sẽ được thực hiện trước lệnh bán cho Quỹ để hoàn tiền lại cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư trong các trường hợp nêu ở khoản này.

4.6. Sửa, hủy giao dịch hoán đổi

- Nhà đầu tư được phép sửa/hủy lệnh trước Thời điểm đóng sổ lệnh và được thực hiện tại Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối trước Thời điểm đóng sổ lệnh.
- Nhà đầu tư gửi Giấy đề nghị sửa, hủy giao dịch hoán đổi theo mẫu cho Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối.
- Thành viên lập quỹ kiểm tra các thông tin đặt lệnh ban đầu của Nhà đầu tư và thông tin đề nghị sửa, hủy trên Giấy, nếu thông tin chưa đầy đủ, Thành viên lập quỹ yêu cầu Nhà đầu tư bổ sung thông tin.
- Trường hợp Nhà đầu tư đặt lệnh qua Đại lý phân phối, Nhà đầu tư gửi Giấy đề nghị sửa, hủy giao dịch hoán đổi (theo mẫu) cho Đại lý phân phối. Đại lý phân phối kiểm tra thông tin đặt lệnh Nhà đầu tư, chuyển lệnh của Nhà đầu tư đến Thành viên lập quỹ.

4.7. Thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế...)

Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế...) Chứng chỉ quỹ ETF sẽ được thực hiện tương tự như việc chuyển quyền sở hữu Chứng khoán niêm yết ngoài hệ thống giao dịch của Sở giao dịch Chứng khoán được quy định tại Quy chế hoạt động đăng ký Chứng khoán do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ban hành.

4.8. Quy định về việc thực hiện thanh toán tiền phát sinh của giao dịch hoán đổi (sơ cấp)

- a) Nhà đầu tư là cá nhân và tổ chức trong nước hoặc người được ủy quyền, Thành viên lập quỹ thanh toán các khoản tiền phát sinh của giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của quỹ ETF trước thời điểm quy định như trên.
- b) Nhà đầu tư là cá nhân và tổ chức nước ngoài phải thực hiện chuyển khoản từ chính “tài khoản vốn đầu tư gián tiếp” (IICA) của Nhà đầu tư nước ngoài vào tài khoản của Quỹ ETF đối với việc thanh toán các khoản phát sinh của giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF. Nhà đầu tư nước ngoài phải tự chịu trách nhiệm nếu số tiền chuyển khoản này không được chuyển khoản từ “tài khoản vốn đầu tư gián tiếp” (IICA) theo quy định của pháp luật.
- c) Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ thực hiện khai báo thông tin tài khoản ngân hàng và nộp giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở “tài khoản vốn đầu tư gián tiếp” (IICA) (nếu là Nhà đầu tư nước ngoài) cho Thành viên lập quỹ tại thời điểm đăng ký giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lần đầu. Quỹ ETF sẽ thực hiện chuyển khoản các khoản tiền phát sinh liên quan đến giao dịch hoán đổi (sơ cấp) chứng chỉ quỹ ETF vào tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ đã được khai báo trước đây. Thông tin tài khoản ngân hàng sẽ không thay đổi cho đến khi Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ có những chỉ định

khác bằng văn bản. Công ty quản lý quỹ sẽ không chịu trách nhiệm nếu tài khoản ngân hàng đã khai báo không phải là “tài khoản vốn đầu tư gián tiếp” (IICA) (nếu là Nhà đầu tư nước ngoài).

5. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

5.1. Tần suất xác định Giá trị tài sản ròng

- a) Ngày định giá: Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF được xác định tại ngày cuối cùng của tháng và Ngày định giá là ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.
- b) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hàng ngày xác định Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF, Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ theo nguyên tắc được quy định tại điểm 5 mục X Bản cáo bạch này.
- c) Việc xác định Giá trị tài sản ròng do Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ được ủy quyền thực hiện và phải có xác nhận của Ngân hàng giám sát về việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng giám sát đã được Công ty quản lý quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu Công ty quản lý quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc.

5.2. Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ (iNAV)

- a) iNAV được xác định trên cơ sở giá thị trường được thực hiện gần nhất của Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi. Giá trị này được tính và cung cấp bởi Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- b) iNAV chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. iNAV được cập nhật tối thiểu mười lăm giây (15s) một lần và được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và trên hệ thống của Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

5.3. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng

- a) Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường) tại ngày liền trước ngày định giá. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước Ngày định giá.
- b) Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số Lô chứng chỉ quỹ và làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị.
- c) Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá, và làm tròn xuống lấy đến hai (02) số thập phân.
- d) Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.
- e) Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị tài sản ròng của quỹ được hạch toán vào Quỹ.
- f) Phương pháp xác định cụ thể được quy định trong “Sổ Tay Định Giá” do Công ty quản lý quỹ xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật, được Ban đại diện quỹ phê duyệt và Phụ lục 4 của Bản cáo bạch này.

5.4. Công bố Giá trị tài sản ròng

- a) Việc công bố Giá trị tài sản ròng cho Nhà đầu tư được thực hiện ngay trong ngày giao dịch hoặc tối thiểu không muộn hơn ngày giao dịch tiếp theo.
- b) Ngay sau khi Ngân hàng giám sát xác nhận, các Giá trị tài sản ròng sẽ được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Đại lý phân phối và Thành viên lập quỹ theo quy định về công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán.

6. Niêm yết, giao dịch Chứng chỉ quỹ ETF trên Sở giao dịch Chứng khoán (Giao dịch thứ cấp) và hủy niêm yết

6.1. Niêm yết Chứng chỉ quỹ

Trong thời hạn tối đa ba mươi (30) ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ sẽ hoàn tất các thủ tục niêm yết Chứng chỉ quỹ tại HOSE. Hồ sơ niêm yết Chứng chỉ quỹ thực hiện theo hướng dẫn của HOSE.

6.2. Giao dịch Chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ thực hiện giao dịch Chứng chỉ quỹ đã niêm yết thông qua hệ thống giao dịch của HOSE theo các nguyên tắc sau:

- a) Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ quỹ trên các tài khoản giao dịch Chứng khoán của mình. Hoạt động giao dịch và thanh toán giao dịch thực hiện theo quy định về giao dịch Chứng khoán của HOSE và VSDC.
- b) Đơn vị giao dịch thực hiện theo quy định của HOSE nơi chứng chỉ quỹ ETF được niêm yết.
- c) Chứng chỉ quỹ có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký quỹ và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật về Chứng khoán.
- d) Thành viên lập quỹ chỉ được bán Chứng chỉ quỹ (bán Chứng khoán cơ cấu) trên hệ thống của HOSE khi bảo đảm có đủ Chứng chỉ quỹ (Chứng khoán cơ cấu) để bán vào ngày thanh toán theo quy định của VSDC. Số Chứng chỉ quỹ (Chứng khoán cơ cấu) này bao gồm:
 - Số Chứng chỉ quỹ (số Chứng khoán cơ cấu) đã có sẵn trên tài khoản của Thành viên lập quỹ tại ngày thực hiện giao dịch.
 - Số Chứng chỉ quỹ (số Chứng khoán cơ cấu) nhận được trước hoặc vào ngày thanh toán từ giao dịch hoán đổi trên cơ sở Danh mục chứng khoán cơ cấu (số Chứng chỉ quỹ) có được trong các giao dịch mua trên thị trường hoặc giao dịch vay trên hệ thống của VSDC đã thực hiện thành công trước đó.

6.3. Hủy niêm yết Chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ bị hủy niêm yết trong các trường hợp sau:

- a) Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (Tracking Error – TE) liên tục trong ba (03) tháng gần nhất vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE (hiện tại là 10% - theo Khoản 21 Điều 3 Quy chế Niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, được ban hành theo Quyết định số 85/QĐ-SGDHCM ngày 19/03/2018), trong đó mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của tuần hiện tại (t) được xác định theo công thức sau:

$$TE_t = \sqrt{n} \sqrt{\frac{1}{n-1} \sum_{i=-n}^{-1} (R_i - \bar{R})^2}$$

Trong đó:

R_i là mức chênh lệch giữa biến động giá trị tài sản ròng của quỹ và biến động của chỉ số tham chiếu của tuần thứ i trở về trước, kể từ tuần hiện tại (t), được xác định theo công thức sau:

$$R_i = \ln \left[\frac{NAV_i}{NAV_{i-1}} \right] - \ln \left[\frac{\text{Chỉ số tham chiếu}_i}{\text{Chỉ số tham chiếu}_{i-1}} \right]$$
$$\bar{R} = \frac{1}{n} \sum_{i=-n}^{-1} R_i$$

$n = 26$; trường hợp thời gian hoạt động của quỹ chưa tới sáu (06) tháng, n là số tuần, kể từ tuần giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực.

NAV_i là Giá trị tài sản ròng của 1 chứng chỉ quỹ.

- b) Không thể xác định được chỉ số tham chiếu vì các nguyên nhân bất khả kháng đã được quy định rõ tại bộ nguyên tắc về xác định chỉ số.
- c) Quỹ giải thể theo quy định tại Điều 47 Thông tư số 98/2020/TT-BTC và Điều lệ quỹ.
- d) Trường hợp mức sai lệch của Quỹ vượt quá 80% mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm báo cáo UBCKNN, HOSE; đồng thời công bố thông tin theo quy định trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, ngay sau khi phát sinh sự việc. Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày phát sinh mức sai lệch vượt quá, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư của Quỹ, bảo đảm mức sai lệch không vượt quá 80% mức sai lệch tối đa.
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

7. Thông tin hướng dẫn tham gia đầu tư vào quỹ

Nhà đầu tư tham gia vào Quỹ thông qua một trong hai cách sau:

- a) Thực hiện đầu tư qua giao dịch sơ cấp theo quy định chi tiết tại Điểm 4 Mục X Bản cáo bạch này.
- b) Thực hiện đầu tư qua giao dịch thứ cấp theo quy định chi tiết tại Điểm 6.2 Mục X của Bản cáo bạch này.

XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán sẽ được Công ty quản lý quỹ công bố và cập nhật định kỳ theo quy định của pháp luật. Nhà đầu tư có thể tham khảo báo cáo tài chính được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ <https://www.techcomcapital.com.vn/>.

2. Tình hình phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ

Tình hình phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ được Công ty quản lý quỹ công bố và cập nhật định kỳ theo quy định pháp luật. Nhà đầu tư có thể tham khảo thông tin về phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ được công bố trong báo cáo định kỳ hoạt động của quỹ và báo cáo tài chính được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <https://www.techcomcapital.com.vn/>.

3. Giá dịch vụ và thưởng hoạt động

3.1. Các loại Giá dịch vụ do Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư trả

3.1.1. Giá dịch vụ phát hành

- a) Là Giá dịch vụ mà Nhà đầu tư/Thành viên lập quỹ phải trả khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ ETF, sau khi Quỹ ETF được thành lập. Giá dịch vụ này được thu khi thực hiện giao dịch hoán đổi, và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch Chứng chỉ quỹ ETF.
- b) Mức Giá dịch vụ phát hành: 0% trên giá trị giao dịch của Lô chứng chỉ quỹ.

3.1.2. Giá dịch vụ mua lại

- a) Là Giá dịch vụ mà Nhà đầu tư/Thành viên lập quỹ phải trả khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ lấy Chứng khoán cơ cấu, sau khi Quỹ ETF được thành lập. Giá dịch vụ này được thu khi thực hiện giao dịch hoán đổi, và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch Chứng chỉ quỹ ETF.
- b) Giá dịch vụ mua lại sẽ được trừ vào số tiền chênh lệch giữa giá trị của Lô chứng chỉ quỹ ETF và giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu, trong trường hợp Giá dịch vụ mua lại lớn hơn phần tiền chênh lệch, Nhà đầu tư phải chuyển khoản phần tiền còn thiếu này vào tài khoản của Quỹ ETF tại Ngân hàng giám sát chậm nhất vào 11h00 ngày T+1 (một ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch hoán đổi).
- c) Mức Giá dịch vụ mua lại: tối đa 0,15% trên giá trị giao dịch của lô Chứng chỉ quỹ.

3.2. Các loại Giá dịch vụ do Quỹ trả

3.2.1. Giá dịch vụ Quản lý quỹ

- a) Giá dịch vụ Quản lý quỹ được trả cho Công ty quản lý quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50. Giá dịch vụ Quản lý được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ.
- b) Giá dịch vụ Quản lý quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 là 0,5% NAV/năm.
- c) Tổng Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng Giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- d) Công thức tính Giá dịch vụ Quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
- e) Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ (%) Giá dịch vụ quản lý Quỹ tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính Giá dịch vụ x NAV tại Ngày định giá x Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ Số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366 ngày).

3.2.2. Giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký

- a) Giá dịch vụ lưu ký, Giá dịch vụ giám sát được trả cho Ngân hàng giám sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của Công ty quản lý quỹ. Giá dịch vụ lưu ký, Giá dịch vụ giám sát được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
 - Giá dịch vụ Lưu ký: 0,06% NAV/năm.
 - Giá dịch vụ Lưu ký tối thiểu (không bao gồm Giá dịch vụ giao dịch Chứng khoán và Giá dịch vụ hoán đổi danh mục): 20.000.000 VNĐ/tháng.
 - Giá dịch vụ giám sát: 0,02% NAV/năm.
 - Giá dịch vụ giám sát tối thiểu: 5.000.000 VNĐ/tháng.
 - Các mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).
- b) Tổng số Giá dịch vụ lưu ký và Giám Sát tuân thủ theo quy định của pháp luật.
- c) Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

- d) Công thức tính Giá dịch vụ lưu ký, Giá dịch vụ giám sát vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
- e) Giá dịch vụ lưu ký, Giá dịch vụ giám sát (chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch Chứng khoán) cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng" x "Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ Số ngày trong tháng"] và ["Tỷ lệ % giá dịch vụ lưu ký, giám sát (năm)" x "NAV tại Ngày định giá" x "Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / Số ngày thực tế của năm"].

3.2.3. Giá dịch vụ quản trị quỹ

- a) Giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ ETF được tính như sau:
Giá dịch vụ quản trị quỹ ETF là: 0,03% NAV/năm
Giá dịch vụ quản trị quỹ tối thiểu: 15.000.000 VNĐ/tháng
Các mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).
- b) Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- c) Công thức tính Giá dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
Giá dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng" x "Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ Số ngày trong tháng"] và ["Tỷ lệ % Giá dịch vụ quản trị quỹ (năm)" x "NAV tại Ngày định giá" x "Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / Số ngày thực tế của năm"].

3.2.4. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

- a) Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ.
- b) Mức Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng: 5.000.000 VNĐ/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)). Mức giá chi tiết được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.
- c) Số tiền cung cấp dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền cung cấp dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- d) Công thức tính Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá trong tháng được xác định như sau:
Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho kỳ định giá = "Mức giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng hàng tháng" x "Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ Số ngày thực tế của tháng".

3.2.5. Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu

- a) Giá dịch vụ sử dụng Chỉ số tham chiếu được trả cho Sở giao dịch Chứng khoán cho dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu.
- b) Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu là 0,05% NAV/năm, tối thiểu 50.000.000 VNĐ/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)). Mức giá dịch vụ, thời gian áp dụng và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu.
- c) Số tiền cung cấp dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền cung cấp dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- d) Công thức tính Giá dịch vụ sử dụng Chỉ số tham chiếu vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ sử dụng Chi số tham chiếu cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá cung cấp dịch vụ tối thiểu theo năm" x "Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ Số ngày trong năm"] và [Tỷ lệ % giá dịch vụ sử dụng Chi số tham chiếu (năm)" x "NAV tại Ngày định giá" x "Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ Số ngày thực tế của năm"].

- e) NAV dùng để tính Tiền dịch vụ là NAV được tính tại từng ngày định giá, bao gồm cả ngày nghỉ và ngày lễ. Đối với những ngày nghỉ, ngày lễ, NAV dùng để tính Tiền dịch vụ là NAV của ngày định giá liền ngay sau đó. NAV dùng để tính Tiền dịch vụ là "NAV trước phí". Tức là giá trị NAV trước khi trừ đi các loại phí được tính theo tỉ lệ % dựa trên NAV. Cụ thể:

NAV (dùng để tính Tiền dịch vụ) = Tổng tài sản – Tổng phải trả - Các chi phí cố định (không lệ thuộc vào giá trị NAV).

3.2.6. Giá dịch vụ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính Giá trị tài sản ròng tham chiếu (INAV), mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu (TE)

- a) Giá dịch vụ nêu tại khoản này là: 0,05% NAV/năm, tối thiểu 50.000.000 VNĐ/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)).
- b) Số tiền cung cấp dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền cung cấp dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- c) Công thức tính Giá dịch vụ nêu tại khoản này vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau: Giá dịch vụ nêu tại khoản này cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá dịch vụ tối thiểu theo năm" x "Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ Số ngày trong năm"] và ["Tỷ lệ % giá dịch vụ (năm)" x "NAV tại Ngày định giá" x "Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ Số ngày thực tế của năm"].

3.2.7. Các loại chi phí khác

Các chi phí khác của Quỹ bao gồm:

- a) Phí/giá dịch vụ giao dịch bao gồm phí giá dịch vụ môi giới, phí/giá dịch vụ chuyên nhượng các giao dịch tài sản của Quỹ phải trả cho Công ty Chứng khoán và các bên khác;
- b) Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
- c) Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
- d) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;
- e) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;
- f) Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
- g) Thù lao cho Ban đại diện quỹ;
- h) Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện quỹ quyết định;
- i) Chi phí bảo hiểm (nếu có);
- j) Thuế, phí, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
- k) Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định của pháp luật;
- l) Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Các chỉ tiêu hoạt động

4.1. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ

- a) Chi phí hoạt động của Quỹ bao gồm các khoản phí, chi phí sau thuế sau:
- Giá dịch vụ quản lý tài sản trả cho Công ty quản lý quỹ và giá dịch vụ thanh toán

cho các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan được Công ty quản lý quỹ ủy quyền để thực hiện các dịch vụ cho Quỹ ETF;

- Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ, Giá dịch vụ giám sát trả cho Ngân hàng giám sát;
 - Giá dịch vụ quản lý và vận hành chi số tham chiếu;
 - Giá dịch vụ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính toán các thông tin của quỹ (iNAV, TE,...);
 - Chi phí trả cho thành viên lập quỹ, tổ chức tạo lập thị trường;
 - Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
 - Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban đại diện quỹ;
 - Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch Tóm Tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;
 - Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;
- b) Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hàng năm, Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động Quỹ trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối sau khi giá trị này đã được Ngân hàng giám sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của quỹ trong 12 tháng gần nhất} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong 12 tháng gần nhất}}$$

- c) Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} \times 365 \text{ ngày} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

Trong đó, Giá trị tài sản ròng trung bình trong một kỳ của Quỹ là tổng Giá trị tài sản ròng của quỹ tính tại các Ngày định giá trong kỳ đó chia cho số Ngày định giá Chứng chỉ quỹ trong cùng kỳ.

4.2. Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ

- a) Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ ETF xác định theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 100\%}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm}}$$

- b) Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 365 \times 100\%}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

5. Phương thức tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của quỹ

5.1. Các khoản thu nhập của Quỹ

Thu nhập của Quỹ bao gồm:

- a) Cổ tức;
- b) Lãi trái phiếu;
- c) Lãi tiền gửi;
- d) Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của Quỹ;
- e) Các khoản thu nhập khác, nếu có, phát sinh từ việc đầu tư tài sản hoặc các hoạt động của Quỹ.

5.2. Phân chia lợi nhuận của Quỹ

- a) Quỹ chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:
 - Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ;
 - Thực hiện sau khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ quỹ (nếu có);
 - Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
 - Trường hợp phân phối lợi tức bằng Chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- b) Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ quỹ.
- c) Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Công ty quản lý quỹ và phải được Đại hội Nhà đầu tư hoặc Ban đại diện quỹ (nếu được ủy quyền) chấp thuận.
- d) Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.
- e) Nhà đầu tư có trong Danh sách Nhà đầu tư tại Ngày Giao dịch được công bố bởi Công ty quản lý quỹ cho việc phân chia lợi nhuận (“Ngày Chốt Danh Sách”) được coi là đủ điều kiện để nhận lợi nhuận được phân chia. Trường hợp Nhà đầu tư đã chuyển nhượng số chứng chỉ quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm ngày chốt danh sách và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.
- f) Ngân hàng giám sát có trách nhiệm chi trả ngay cho Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ và tài khoản của chính các tổ chức, cá nhân này theo chỉ thị của Công ty quản lý quỹ. Phí chuyển khoản ngân hàng cho phần cổ tức này sẽ do Nhà đầu tư chịu.
- g) Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty quản lý quỹ phải gửi cho Nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:
 - Hình thức phân chia lợi nhuận;
 - Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
 - Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng Chứng chỉ quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Chứng chỉ quỹ).

6. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ

Các dự báo, ước đoán về tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường Chứng khoán nêu trong Bản cáo bạch này không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của Quỹ.

7. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ

Báo cáo hoạt động của Quỹ sẽ được công bố định kỳ theo quy định của pháp luật. Các báo cáo được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ tại địa chỉ: <https://www.techcomcapital.com.vn/>.

XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Để hạn chế những xung đột lợi ích giữa Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 và các quỹ ủy thác đầu tư của Công ty quản lý quỹ, hạn chế xung đột lợi ích giữa Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 và Công ty quản lý quỹ, Công ty quản lý quỹ sẽ:

- a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý;
- b) Tách biệt tài sản của Công ty quản lý quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của Nhà đầu tư ủy thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý.
- c) Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Ban điều hành và nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương và pháp luật hiện hành;
- d) Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ.

XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

- a) Việc công bố thông tin của Quỹ được thực hiện qua một trong các phương tiện thông tin đại chúng dưới đây:
- Trên trang thông tin điện tử và các ấn phẩm của Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ; hoặc
 - Trên các phương tiện thông tin đại chúng khác phù hợp với quy định của pháp luật.
- b) Công ty quản lý quỹ định kỳ hàng tháng, quý, năm phải gửi Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ thông kê giao dịch và báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ. Thời hạn cung cấp thông tin không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ.
- c) Công ty quản lý quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho Nhà đầu tư:
- Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt; báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán;
 - Báo cáo tổng kết về hoạt động quản lý quỹ bán niên và năm;
 - Báo cáo thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của quỹ, bán niên và năm;
 - Báo cáo về hoạt động đầu tư của quỹ hàng tháng, quý, bán niên và năm.
- d) Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ sau khi kết thúc phiên giao dịch tại Ngày giao dịch hoán đổi, Công ty quản lý quỹ phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Sở giao dịch Chứng khoán các thông tin sau:
- Danh mục chứng khoán cơ cấu đã sử dụng để hoán đổi;
 - Số Lô chứng chỉ quỹ ETF đã phát hành, đã mua lại từ các Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư; chênh lệch so với Ngày giao dịch hoán đổi trước đó;
 - Thông tin về khối lượng Chứng chỉ quỹ ETF niêm yết, giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán; thông tin về biến động giá giao dịch Chứng chỉ quỹ ETF, giá đóng cửa cuối ngày của Chứng chỉ quỹ ETF, biến động giá so với ngày giao dịch trước đó;
 - Giá trị tài sản ròng của quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ, Giá trị tài sản ròng Trên Một Chứng chỉ quỹ và biến động các giá trị này; biến động Giá trị tài sản ròng tham chiếu trong ngày; Chỉ số tham chiếu và biến động của Chỉ số tham chiếu;
 - Việc tạm ngừng nhận và thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi (nếu có);
 - Sai lệch của cơ cấu đầu tư và việc điều chỉnh lại danh mục chứng khoán cơ cấu đầu tư (nếu có);
 - Việc định giá sai Giá trị tài sản ròng của quỹ (nếu có);
 - Giải thể Quỹ (nếu có);
 - Thay thế Ngân hàng giám sát (nếu có);
 - Việc sửa, hủy lỗi giao dịch (nếu có);
 - Các thông tin khác nếu có liên quan (nếu có).
- e) Định kỳ hàng tuần, Công ty quản lý quỹ công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu (Tracking Error - TE).
- f) Định kỳ sáu (06) tháng, cả năm, Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty các nội dung sau:
- Thông tin về hiệu quả hoạt động của Quỹ ETF so với Chỉ số tham chiếu (nếu có);

- Thông tin về các hoạt động phân phối lợi nhuận (nếu có);
 - Tỷ lệ chi phí hoạt động Quỹ ETF. Việc công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hàng năm.
- g) Trong hoạt động giao dịch chứng khoán, Quỹ ETF phải tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin về giao dịch của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ và người có liên quan theo quy định về công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán của Bộ Tài Chính, trừ các giao dịch hoán đổi với Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư.

XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

Mọi yêu cầu hỗ trợ của Nhà đầu tư sẽ được giải quyết tại văn phòng của Techcom Capital hoặc các Thành viên lập quỹ trong giờ làm việc.

Techcom Capital sẵn sàng giải đáp mọi thắc mắc của Nhà đầu tư qua số điện thoại +84 439446368 hoặc gửi email tới địa chỉ info@techcomcapital.com.vn.

XV. CAM KẾT

Công ty quản lý quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

1. Danh sách Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối
2. Thông tin hướng dẫn tham gia vào quỹ
3. Các biểu mẫu giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Phương pháp xác định giá trị tài sản
5. Dự thảo Điều lệ quỹ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phi Tuấn Thành

XVII. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Tên ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp;

Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do UBCKNN cấp;

Chúng tôi, với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 sẽ chịu trách nhiệm theo các quy định trong phạm vi Hợp Đồng Cung Cấp Dịch Vụ Lưu ký Giám sát của Quỹ được ký kết giữa Ngân hàng chúng tôi với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương, và các quy định về Ngân hàng giám sát trong Điều lệ, Bản cáo bạch của Quỹ và các quy định pháp luật liên quan.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Mạnh Cường

PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

1. Danh sách các Thành viên lập quỹ kiêm Đại lý phân phối

1.1. Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

- Trụ sở chính: Tầng 2, 5, 6, 7, 11 và 12, Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, TPHCM
- Điện thoại: (028) 38233299 Fax: (028) 38233301
- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: 11/GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 29/4/2003
- Các địa điểm nhận lệnh giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ:
Trụ sở chính: Tầng 2, 5, 6, 7, 11 và 12, Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, TPHCM
Điện thoại: (028) 38233299 Fax: (028) 38233301

1.2. Công ty cổ phần Chứng khoán Vietcap

- Trụ sở chính: Tầng 15 Tháp tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM
- Điện thoại: (+84) 28 3914 3588 Fax: (+84) 28 3914 3209
- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: 68/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày: 06/11/2007
- Các địa điểm nhận lệnh giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ:
Trụ sở chính: Tầng 15 Tháp tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM

1.3. Công ty cổ phần Chứng khoán Kỹ thương

- Trụ sở chính: Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, tòa C5 D'Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (+84) 24 3944 6368 Fax: (+84) 24 3944 6583
- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: 125/GP-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 30/05/2018 (sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm)
- Các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ:
Trụ sở chính: Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, tòa C5 D'Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

2. Danh sách các Đại lý phân phối khác

Danh sách đại lý phân phối được cập nhật thường xuyên trên trang thông tin điện tử <https://www.techcomcapital.com.vn/>

PHỤ LỤC 2

THÔNG TIN HƯỚNG DẪN THAM GIA ĐẦU TƯ VÀO QUỸ

I. GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI ĐỊNH KỲ (SƠ CẤP)

Bước 1: Nghiên cứu các tài liệu Quỹ

Trước khi tham gia đầu tư vào Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50, Nhà đầu tư cần hiểu rõ các đặc trưng của Quỹ như loại hình hoạt động, mục tiêu đầu tư, đặc tính rủi ro, phương thức giao dịch,... Nhà đầu tư có thể xem trong Bản cáo bạch, Điều lệ quỹ,...

Bước 2: Mở tài khoản chứng khoán tại Thành viên lập quỹ (AP)

Nhà đầu tư chưa có tài khoản chứng khoán tại Thành viên lập quỹ thì cần mở tài khoản chứng khoán tại 01 (một) Thành viên lập quỹ. Danh sách Thành viên lập quỹ vui lòng xem tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch.

Bước 3: Nộp lệnh giao dịch hoán đổi tại AP

Nhà đầu tư (cá nhân/tổ chức) cần có sở hữu chứng khoán và đáp ứng đầy đủ như trong Danh mục chứng khoán cơ cấu theo thông báo của Công ty quản lý quỹ tại ngày thực hiện giao dịch hoán đổi nếu muốn đổi lấy Lô ETF TECHCOM CAPITAL VNX50.

Trường hợp Nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư Mã chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu theo quy định của pháp luật thì Nhà đầu tư cần gửi thông báo cho Công ty quản lý quỹ trước 12h00 ngày liền trước ngày hoán đổi (ngày T – 1).

Trước 9h00 sáng ngày hoán đổi (ngày T), Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo trên website và các phương tiện truyền thông khác về Danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị một Lô chứng chỉ quỹ dùng để hoán đổi.

Nhà đầu tư hoàn tất hồ sơ hoán đổi và gửi đến Thành viên lập quỹ nơi mà Nhà đầu tư có tài khoản trước 14h40 ngày giao dịch hoán đổi (ngày T).

Bước 4: Xác nhận kết quả giao dịch

Sau khi nhận được các lệnh giao dịch hoán đổi từ Nhà đầu tư thông qua Thành viên lập quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng (VSDC) sẽ kiểm tra và thực hiện các giao dịch hoán đổi mà Nhà đầu tư đã đăng ký.

Vào ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày hoán đổi (ngày T+1), đại lý chuyển nhượng sẽ xác nhận hoàn tất giao dịch cho Công ty quản lý quỹ.

Chứng chỉ quỹ ETF hoặc Danh mục chứng khoán cơ cấu sẽ được ghi nhận vào tài khoản chứng khoán của Nhà đầu tư.

Tiền chênh lệch nếu có sẽ được chuyển vào tài khoản ngân hàng mà Nhà đầu tư đã đăng ký với Thành viên lập quỹ.

(*) Lưu ý những trường hợp hoán đổi bổ sung bằng tiền do:

- Phát sinh chênh lệch giữa giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị một Lô chứng chỉ quỹ.
- Những Mã chứng khoán nằm trong Danh mục chứng khoán cơ cấu mà Nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật.

Nhà đầu tư phải đảm bảo tiền được thanh toán vào tài khoản của Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 trước 14h00 ngày làm việc liền sau ngày hoán đổi (T+1).

Trong trường hợp Quỹ ETF phải thanh toán phần chênh lệch bằng tiền cho Nhà đầu tư/Thành viên lập quỹ thì ngân hàng giám sát sẽ hoàn trả vào ngày làm việc thứ ba kể từ ngày giao dịch

hoán đổi (ngày T+3).

Quy trình và thời gian thực hiện giao dịch hoán đổi được nêu chi tiết trong mục “Giao dịch hoán đổi sơ cấp” tại Bản cáo bạch của Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50.

Thông tin thanh toán

Việc thanh toán các khoản bằng tiền (nếu có) sẽ được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản phong tỏa Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 tại Ngân hàng giám sát bằng tiền Đồng Việt Nam, chi tiết như sau:

Tên người thụ hưởng:	Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50
Số tài khoản:	Sẽ thông báo trên website của Công ty quản lý quỹ
Tên ngân hàng:	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Thành
Số tiền nộp:	_____
Nội dung:	[Tên Nhà đầu tư] [Số tài khoản giao dịch chứng khoán] chuyển cho Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50

Nhà đầu tư vui lòng đọc kỹ chi tiết cách thức giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 tại Bản cáo bạch trước khi tiến hành giao dịch.

II. GIAO DỊCH THỨ CẤP THÔNG QUA HOSE

Bước 1: Nghiên cứu tài liệu và mở tài khoản chứng khoán

Trước khi tham gia đầu tư vào Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50, Nhà đầu tư nên hiểu rõ về Quỹ thông qua các tài liệu như Bản cáo bạch, Điều lệ quỹ,... có tại website: <https://www.techcomcapital.com.vn/>

Nhà đầu tư cần mở tài khoản chứng khoán tại công ty chứng khoán (nếu chưa có) để có thể đặt lệnh giao dịch.

Bước 2: Thực hiện giao dịch

Nhà đầu tư đặt lệnh giao dịch mua hoặc bán mã chứng chỉ quỹ (sẽ được cung cấp sau khi Quỹ được cấp giấy chứng nhận lập quỹ và hoàn thành thủ tục cấp Mã chứng khoán tại VSDC) qua các tài khoản chứng khoán của mình.

Nhà đầu tư sẽ giao dịch theo giá được niêm yết trên HOSE theo các quy định khớp lệnh của Sở giao dịch.

Bước 3: Xác nhận giao dịch

Nhà đầu tư sẽ nhận được thông báo kết quả giao dịch từ Công ty chứng khoán sau khi khớp lệnh.

Chu kỳ tiền và chứng chỉ quỹ về tài khoản của Nhà đầu tư sẽ tương tự với chứng khoán niêm yết thông thường và theo quy định của VSDC.

(* Lưu ý: Chứng chỉ quỹ có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký quỹ (margin) và cho các hoạt động khác phù hợp với quy định pháp luật về chứng khoán.

PHỤ LỤC 3
CÁC BIỂU MẪU GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

STT	Tên Biểu mẫu
1	Giấy đăng ký góp vốn lập Quỹ ETF trong giai đoạn IPO
2	Giấy đề nghị phong tỏa và chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu góp vốn
3	Bảng kê Chứng khoán cơ cấu góp vốn
4	Văn bản đề nghị xác nhận chứng khoán (để thực hiện góp vốn lập Quỹ ETF)
5	Giấy đề nghị điều chỉnh và hủy lệnh giao dịch hoán đổi
6	Lệnh giao dịch hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ ETF (kèm theo bảng kê chứng khoán cơ cấu và bản xác nhận số dư của Thành viên nơi Nhà đầu tư mở có tài khoản sử dụng lưu ký chứng khoán cơ cấu)
7	Văn bản xác nhận số dư chứng khoán để thực hiện giao dịch hoán đổi mua Chứng chỉ quỹ ETF
8	Lệnh giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lấy chứng khoán cơ cấu (kèm theo bảng kê chứng chỉ quỹ ETF và văn bản xác nhận số dư của Thành viên nơi Nhà đầu tư mở có tài khoản sử dụng lưu ký chứng chỉ quỹ)

ETF Code	Number of ETF Creation Units registered for creation

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện đúng quy định về việc đăng ký góp vốn và thực hiện góp vốn lập Quỹ tại Bản cáo bạch, Điều lệ quỹ và hướng dẫn của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Kỹ Thương.

I am/We are committed to comply with all the regulations of contribution registration and establishment of Fund as stipulated in the Prospectus, Fund Charter, and guidelines from TECHCOM CAPITAL.

Tôi/Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về các đề nghị nêu trên của mình.

I/We shall take full responsibility for our above request.

NHÀ ĐẦU TƯ

Investor

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp, full name)

Ngày/Date:

(dd/mm/yyyy)

III. THÔNG TIN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ/AUTHORISE PARTICIPANT DETAILS

TÊN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ

Authorised Participant's name

Nhân viên nhận lệnh

Order receiver

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign, full name)

Nhân viên kiểm soát

Supervisory officer

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign, full name)

**Đại diện có thẩm quyền của
Thành viên lập quỹ**

Authorised representative of
Authorised Participant

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp, full name)

Mẫu 07A/ETF

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ PHONG TỎA VÀ
CHUYỂN QUYỀN SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN

(Áp dụng cho Nhà đầu tư cá nhân và nhà đầu tư tổ chức)

Kính gửi: - Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

Tên Tôi/Chúng tôi là:

Số ĐKSH:

Quốc tịch:

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Căn cứ vào thông báo về việc chào bán Chứng chỉ quỹ ETF lần đầu để lập Quỹ ETF của Công ty quản lý quỹ, Tôi/Chúng tôi đã đăng ký đặt mua số lượng Chứng chỉ quỹ ETF như sau:

Stt	Mã ETF	Số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF đặt mua

Tôi/Chúng tôi đề nghị Quý Thành viên và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện phong tỏa số chứng khoán trên các tài khoản lưu ký của Tôi/Chúng tôi đã nêu tại Bảng kê chứng khoán cơ cấu góp vốn gửi đính kèm Giấy này theo đúng quy định để lập quỹ. Khi đợt phát hành thành công, đề nghị Quý Thành viên và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chủ động chuyển quyền sở hữu số chứng khoán cơ cấu góp vốn của tôi cho Quỹ ETF nêu trên và chuyển các chứng chỉ quỹ ETF mà chúng tôi đặt mua vào tài khoản lưu ký của tôi như sau:

- **Họ tên nhà đầu tư**
- **Số ĐKSH:**
- **Số tài khoản lưu ký:**
- **Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản**

Ngày cấp:

Tôi/Chúng tôi cam kết số chứng khoán cơ cấu dùng để góp vốn này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chúng tôi, là loại tự do chuyển nhượng và không thuộc diện đang bị tranh chấp (văn bản xác nhận của Thành viên nơi tôi/Chúng tôi mở tài khoản đính kèm)

Tôi/Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về các đề nghị nêu trên của mình.

..., ngày...tháng...năm....

Người đề nghị

(Họ tên, chữ ký, con dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
(Đính kèm Giấy đề nghị phong tỏa và chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu góp vốn)

Stt	Danh mục chứng khoán cơ cấu cần góp vốn tương ứng theo số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF đặt mua		Thông tin về số lượng chứng khoán và tài khoản sử dụng để góp vốn	
	Mã CK	Số lượng	Thành viên	
1	Mã CK 1	500	300	001CXXXX
2	Mã CK 2	1500		
			

Các chứng khoán cơ cấu trong danh mục được góp thay thế bằng tiền (nếu có):

Stt	Mã chứng khoán	Số lượng	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Tổng giá trị tiền góp thay thế	Lý do được góp thay thế bằng tiền

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn:

Tiền chênh lệch:

Số chứng khoán nêu trên được sử dụng để góp vốn thành lập Quỹ ETF [Tên Quỹ ETF] và được đề nghị phong tỏa trong thời gian thực hiện thủ tục phong tỏa góp vốn lập quỹ ETF cho đến khi có thông báo của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam giải tỏa hoặc chuyển quyền sở hữu số chứng khoán này. Tôi/Chúng tôi cam kết sử dụng danh mục chứng khoán được xác nhận phong tỏa này theo đúng mục đích nêu trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu sử dụng sai mục đích.

....., ngày...tháng...năm....

Chủ tài khoản

(Họ tên, chữ ký, con dấu)

XÁC NHẬN CỦA THÀNH VIÊN LƯU KÝ

Chúng tôi xác nhận chủ tài khoản có số dư chứng khoán trên tài khoản và đã phong tỏa theo yêu cầu của chủ tài khoản.

.....ngày.....tháng.....năm.....

Tổng Giám đốc

(Chữ ký, Họ tên, con dấu)

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN CHỨNG KHOÁN
(ĐỂ THỰC HIỆN GÓP VỐN LẬP QUỸ ETF)
SECURITIES CONFIRMATION REQUEST
(TO SUBSCRIBE FOR ETF CREATION UNITS)**

Kính gửi/To:

Thành viên lưu ký/Depository Member

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/INVESTOR DETAILS

Họ và tên Nhà đầu tư Full name of Investor	
Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch Business License No./Identification No./Trading Code	
Ngày cấp Issuing Date	Nơi cấp Issuing Place
Quốc tịch Nationality	Số điện thoại Phone Number
Số tài khoản lưu ký Depository account number	
Địa chỉ liên hệ Contact address	

II. THÔNG TIN XÁC NHẬN CHỨNG KHOÁN/CONFIRMATION DETAILS

Đề nghị Quý Thành viên xác nhận và phong tỏa số chứng khoán tự do chuyển nhượng trên Tài khoản lưu ký nêu trên của tôi/chúng tôi theo danh sách đính kèm.

We hereby request Depository Member to confirm and freeze the transferable securities in my/our Depository Account as attached.

Mục đích đề nghị xác nhận: Bổ túc hồ sơ phong tỏa góp vốn lập Quỹ ETF.

Purpose of request: To complete ETF IPO participation documents.

Thời gian phong tỏa: Trong thời gian thực hiện thủ tục phong tỏa góp vốn lập Quỹ ETF cho đến khi có Thông báo của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam giải tỏa hoặc chuyển quyền sở hữu số chứng khoán này.

Time of freezing: Until the time of receiving the notice of releasing or transferring the securities ownership from Viet Nam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC).

III. CAM KẾT VÀ XÁC NHẬN/DECLARATION AND CONFIRMATION

Tôi/Chúng tôi cam kết sử dụng văn bản xác nhận này để cung cấp cho bên có liên quan theo đúng mục đích nêu trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này.

I/We commit to using this certified document to provide the purpose mentioned above to related parties and shall be legally responsible for my/our request.

NHÀ ĐẦU TƯ

Investor

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp, full name)

Ngày/date.....

(dd/mm/yyyy)

**XÁC NHẬN CỦA THÀNH VIÊN LƯU KÝ
DEPOSITORY MEMBER CONFIRMATION**

Chúng tôi xác nhận chủ tài khoản đã có đủ số dư chứng khoán như đã nêu trên tài khoản và đã phong tỏa theo yêu cầu của chủ tài khoản

I/We confirm the account holder has sufficient balance of securities as described above and we have frozen the account according to the request of the account holder.

Đại diện có thẩm quyền

Authorised Representative

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp, full name)

Ngày/date.....

(dd/mm/yyyy)

STT	Mã chứng khoán	Số lượng
1	...	
2	...	

GIẤY ĐỀ NGHỊ HỦY/SỬA GIAO DỊCH
MODIFICATION/CANCELLATION REQUEST

Kính gửi: - **Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối**
 To: Authorized Participant/Distributor

- **Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam**
 Viet Nam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC)

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/INVESTOR DETAILS

Họ và tên Nhà đầu tư Full name of Investor	
Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch Business License No./Identification No./Trading Code	
Ngày cấp Issuing Date	Nơi cấp Issuing Place
Quốc tịch Nationality	Số điện thoại Phone Number
Số tài khoản lưu ký Depository account number	
Địa chỉ liên hệ Contact address	

II. THÔNG TIN HỦY/ĐIỀU CHỈNH LỆNH/CANCELLATION/MODIFICATION DETAILS

Tôi/Chúng tôi đề nghị Quý Đơn vị sửa/hủy lệnh giao dịch cho

I/We request to modify/cancel the trading order for

- **Giai đoạn IPO/IPO period**
- **Kỳ giao dịch hoán đổi ngày/...../.....**
 Trading date as of

Cụ thể như sau

Detail as

Mã ETF ETF Code	Loại lệnh Type of Request	Thông tin lệnh ban đầu Information of original request	Thông tin lệnh điều chỉnh Information of modified request	Lý do điều chỉnh Reason of modification
		Số lượng đặt lệnh Quantity	Số lượng đặt lệnh Quantity	

Tôi/Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin trên. Tôi/Chúng

tôi đề nghị Quý Đơn vị điều chỉnh lệnh đặt mua/bán theo yêu cầu của Tôi/Chúng tôi.

I/We hereby declare that all information given in this form is true and accurate. I/We propose that the Authorized Participant shall modify my/our creation/redemption request.

NHÀ ĐẦU TƯ

Investor

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp, full name)

Ngày/date.....

(dd/mm/yyyy)

III. THÔNG TIN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ/AUTHORISED PARTICIPANT DETAILS

Xác nhận của TVLQ/ĐLPP Đồng ý cho Nhà đầu tư/TVLQ điều chỉnh/hủy lệnh giao dịch:

Authorized Participant/Distributors confirm for Investors/AP to modify/cancel the request

TÊN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ

Authorised Participant's name

Nhân viên nhận lệnh

Order receiver

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign, full name)

Nhân viên kiểm soát

Supervisory officer

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign, full name)

Đại diện có thẩm quyền của

Thành viên lập quỹ

Authorised representative of

Authorised Participant

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp, full name)

**LỆNH GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU
LẤY LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
CREATION ORDER OF EXCHANGING
COMPONENT SECURITIES FOR ETF CREATION UNITS**

Kính gửi: - **Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối**
To: Authorized Participant/Distributor
 - **Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng
 khoán Việt Nam**
 Viet Nam Securities Depository and Clearing
 Corporation (VSDC)

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/INVESTOR DETAILS

Họ và tên Nhà đầu tư Full name of Investor	
Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch Business License No./Identification No./Trading Code	
Ngày cấp Issuing Date	Nơi cấp Issuing Place
Quốc tịch Nationality	Số điện thoại Phone Number
Số tài khoản lưu ký Depository account number	
Địa chỉ liên hệ Contact address	

Nhà đầu tư đăng ký tài khoản ngân hàng nhận lại các khoản tiền chênh lệch hoặc trong trường hợp số tiền Nhà đầu tư góp thay thế bằng số tiền lớn hơn số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chỉ ra để mua các Mã chứng khoán hạn chế:

In case that value of Component Securities is higher than the Net Asset Value of a Creation Unit or if the cash contribution amount is higher than the actual purchasing cost of stocks which Investor is limited to buy, the different amount shall be refunded to Investor's account as follows:

Tên chủ tài khoản Bank account name	
Số tài khoản Bank account number	Tại ngân hàng Bank name
Chi nhánh (Tỉnh/Thành phố) Branch (Province/City)	

II. THÔNG TIN HOÁN ĐỔI/EXCHANGE DETAILS

Tôi/Chúng tôi đăng ký hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ ETF như sau:

I/We register to exchange Component Securities for ETF Creation Units as follows:

Mã ETF ETF Code	Số lượng Lô chứng chỉ quỹ ETF đặt mua Number of ETF Creation Units registered for creation

Tôi/Chúng tôi đồng thời đề nghị - Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam phong tỏa số chứng khoán trên (các) tài khoản lưu ký của tôi/chúng tôi đã nêu tại “Bảng kê chứng khoán cơ cấu hoán đổi” đính kèm theo lệnh hoán đổi này.

I/We request the Viet Nam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) to freeze Component Securities in my/our depository account(s) mentioned in the “List Of Component Securities” form as attached.

Tôi/Chúng tôi cam kết số Chứng khoán cơ cấu dùng để góp vốn này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Tôi/Chúng tôi, là loại tự do chuyển nhượng, không thuộc diện đang bị tranh chấp và không bị cầm cố, thế chấp hay đảm bảo cho bất kỳ nghĩa vụ nào. Vui lòng xem đính kèm bản xác nhận của (các) Thành viên lưu ký nơi tôi/chúng tôi mở tài khoản.

I/We commit that the Component Securities which are my/our lawful ownership can be transferable, undisputed and not mortgaged, pledged or secured for any liability. Please refer to the Confirmation of Depository Member(s) form as attached.

Tôi/Chúng tôi đồng thời đề nghị - Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chuyển khoản số lượng Chứng chỉ quỹ ETF mà chúng tôi nhận được tại ngày thanh toán lệnh hoán đổi vào tài khoản lưu ký của tôi/chúng tôi như sau:

I/We request VSDC to transfer automatically the ETF Units that we are entitled to receive on settlement date to my/our securities depository account with details as below:

Họ và tên Nhà đầu tư Full name of Investor
Số tài khoản lưu ký Securities Depository Account
Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản Depository Member

III. CAM KẾT VÀ XÁC NHẬN/DECLARATION AND CONFIRMATION

Tôi/Chúng tôi xác nhận đã đọc và chấp nhận các quy định trong Bản cáo bạch liên quan đến việc nộp bổ sung cho Quỹ ETF các khoản tiền trong trường hợp chứng khoán trong Danh Mục Chứng khoán cơ cấu có sự kiện doanh nghiệp phát sinh mà Quỹ ETF không được ghi nhận do chưa thực hiện quyền sở hữu chứng khoán cho Quỹ ETF trong thời gian thực hiện giao dịch hoán đổi.

I/We confirm that we have read and accepted all the terms in the prospectus regarding the commitment to transfer additional cash to ETF in case the securities in Basket Component Securities have corporate actions but ETF can not record due to the transfer of ownership has not been completed in the exchange transaction period.

Tôi/Chúng tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm về các đề nghị nêu trên của mình.

I/We shall take full responsibility for my/our above request.

NHÀ ĐẦU TƯ

Investor

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp, full name)

Ngày/date.....

(dd/mm/yyyy)

IV. THÔNG TIN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ/AUTHORISED PARTICIPANT'S DETAILS

TÊN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ

Authorised Participant's name

Nhân viên nhận lệnh

Order receiver

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign, full name)

Nhân viên kiểm soát

Supervisory officer

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign, full name)

**Đại diện có thẩm quyền của
Thành viên lập quỹ**

Authorised representative of
Authorised Participant

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp, full name)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN XÁC NHẬN SỐ DƯ CHỨNG KHOÁN
(để thực hiện việc giao dịch hoán đổi)

Kính gửi: - Thành viên lưu ký

- Tên Tôi/Chúng tôi là:
- Số ĐKSH: Ngày cấp: Nơi cấp
- Quốc tịch:
- Địa chỉ liên hệ:
- Số điện thoại:
- Số tài khoản lưu ký :

Đề nghị Quý Thành viên xác nhận và phong tỏa số chứng khoán tự do chuyên nhượng trên tài khoản lưu ký nêu trên của Tôi/Chúng tôi theo danh mục sau:

Stt	Mã CK	Số lượng
1	Mã CK1	5000
2	Mã CK 2	1000
3	Mã CK 3
....		

- **Mục đích đề nghị xác nhận:** Phong tỏa để thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF như sau:
 - + Mã CCQ:
 - + Ngày giao dịch hoán đổi:
 - + Ngày thanh toán:
- **Thời gian phong tỏa:** Từ ngày giao dịch hoán đổi đến hết ngày thanh toán.

Tôi/Chúng tôi cam kết sử dụng văn bản xác nhận này cung cấp cho bên có liên quan theo đúng mục đích nêu trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu sử dụng sai mục đích.

....., ngày...tháng...năm....

CHỦ TÀI KHOẢN
 (Họ tên, chữ ký, con dấu)

XÁC NHẬN CỦA THÀNH VIÊN LƯU KÝ

Chúng tôi xác nhận chủ tài khoản có đủ số dư chứng khoán như đã nêu trên tài khoản và đã phong tỏa theo yêu cầu của chủ tài khoản.

.....ngày...tháng...năm....

Tổng Giám đốc
 (Chữ ký, Họ tên, con dấu)

LỆNH GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF LẤY CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU
REDEMPTION ORDER
EXCHANGING ETF CREATION UNITS

Kính gửi: - **Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối**
To: Authorized Participant/Distributor
 - **Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam**
 Viet Nam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC)

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/INVESTOR DETAILS

Họ và tên Nhà đầu tư Full name of Investor	
Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch Business License No./Identification No./Trading Code	
Ngày cấp Issuing Date	Nơi cấp Issuing Place
Quốc tịch Nationality	Số điện thoại Phone Number
Số tài khoản lưu ký Depository account number	
Địa chỉ liên hệ Contact address	

Nhà đầu tư đăng ký tài khoản ngân hàng nhận lại các khoản tiền chênh lệch hoặc tiền bán từ chứng khoán bị giữ lại do vượt hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật.

In case that the Net Asset Value of ETF Creation Units is higher than the value of Component Securities or in the case of selling securities that investor is limited to hold, the cash amount incurred shall be transferred to investor's account with details as follows:

Tên chủ tài khoản Bank account name	
Số tài khoản Bank account number	Tại ngân hàng Bank name
Chi nhánh (Tỉnh/Thành phố) Branch (Province/City)	

II. THÔNG TIN HOÁN ĐỔI/EXCHANGE DETAILS

Tôi/Chúng tôi đăng ký hoán đổi Lô chứng chỉ quỹ ETF lấy Chứng khoán cơ cấu như sau:

I/We register to exchange ETF Creation Units for Component Securities as follows

Mã CCQ ETF ETF Code	Ngày giao dịch hoán đổi Exchange Transaction Date	Ngày thanh toán Settlement Date
-------------------------------	---	---

--	--	--

Tôi/Chúng tôi đồng thời đề nghị - Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam phong tỏa số Lô chứng chỉ quỹ ETF trên (các) Tài khoản lưu ký của tôi/chúng tôi đã nêu tại “Bảng kê Chứng chỉ quỹ ETF” đính kèm lệnh hoán đổi này.

I/We request the Viet Nam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) to freeze ETF Creation Units in my/our Depository Account(s) mentioned in the “List of ETF Creation Units” form as attached.

Chúng tôi cam kết số Chứng Chỉ Quỹ dùng để hoán đổi này thuộc toàn quyền sở hữu hợp pháp của chúng tôi, là loại tự do chuyển nhượng và không thuộc diện tranh chấp, cầm cố, thế chấp hay bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ nào. Vui lòng xem đính kèm bản xác nhận của (các) Thành viên lưu ký nơi tôi/chúng tôi mở tài khoản.

I/We commit that the Component Securities which are my/our lawful ownership can be transferable, undisputed and not mortgaged, pledged or secured for any liability. Please refer to the Confirmation of Depository Member(s) form as attached.

Tôi/Chúng tôi đồng thời đề nghị Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chuyển khoản số lượng Chứng chỉ quỹ ETF mà chúng tôi nhận được tại ngày thanh toán lệnh hoán đổi vào tài khoản lưu ký của tôi/chúng tôi như sau:

I/We request VSDC to transfer automatically the ETF Units that we are entitled to receive on settlement date to my/our securities depository account with details as below:

Họ và tên Nhà đầu tư Full name of Investor
Số tài khoản lưu ký Securities Depository Account
Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản Depository Member

Tôi/Chúng tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm và các đề nghị nêu trên của mình.

I/We shall take responsibility for my/our above request.

NHÀ ĐẦU TƯ

Investor

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp, full name)

Ngày/date.....

(dd/mm/yyyy)

III. THÔNG TIN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ/AUTHORISE PARTICIPANT DETAILS

TÊN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ

Authorised Participant's name

Nhân viên nhận lệnh

Order receiver

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign, full name)

Nhân viên kiểm soát

Supervisory officer

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign, full name)

Đại diện có thẩm quyền của

Thành viên lập quỹ

Authorised representative of

Authorised Participant

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp, full name)

**VĂN BẢN XÁC NHẬN SỐ DƯ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
(ĐỂ THỰC HIỆN GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI)
ETF CREATION UNITS CONFIRMATION REQUEST
(TO EXCHANGE FOR COMPONENT SECURITIES)**

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/INVESTOR DETAILS

Họ và tên Nhà đầu tư Full name of Investor	
Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch Business License No./Identification No./Trading Code	
Ngày cấp Issuing Date	Nơi cấp Issuing Place
Quốc tịch Nationality	Số điện thoại Phone Number
Số tài khoản lưu ký Depository account number	
Địa chỉ liên hệ Contact address	

II. THÔNG TIN XÁC NHẬN CHỨNG KHOẢN/CONFIRMATION DETAILS

Đề nghị Quý Thành viên xác nhận và phong tỏa số Chứng chỉ quỹ ETF tự do chuyển nhượng trên Tài khoản lưu ký nêu trên của tôi/chúng tôi theo danh mục sau:

We hereby request Depository Member to confirm and freeze the transferable ETF Units in my/our Depository Account as follows:

Mã ETF ETF Code	Số lượng Chứng chỉ quỹ ETF tự do chuyển nhượng trên Tài khoản lưu ký Number of transferable ETF Units in Depository Account

Mục đích đề nghị xác nhận: Phong tỏa để thực hiện giao dịch hoán đổi lấy Chứng khoán cơ cấu như sau

Purpose: Freezing the ETF Units to exchange for Component Securities as follows:

Mã CCQ ETF ETF Code	Ngày giao dịch hoán đổi Exchange Transaction Date	Ngày thanh toán Settlement Date

Thời gian phong tỏa: Từ ngày giao dịch hoán đổi đến hết ngày thanh toán.

Time of freezing: From exchange transaction date to settlement date

III. CAM KẾT XÁC NHẬN/DECLARATION AND CONFIRMATION

Tôi/Chúng tôi cam kết sử dụng văn bản XÁC NHẬN CỦA THÀNH VIÊN LƯU KÝ

xác nhận này để cung cấp cho bên có liên quan theo đúng mục đích nêu trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này.

I/We commit to use this certified document to provide the purpose mentioned above to related parties and shall be legally responsible for my/our request.

NHÀ ĐẦU TƯ
Investor
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Sign, stamp, full name)

Ngày/date.....
(dd/mm/yyyy)

DEPOSITORY MEMBER CONFIRMATION
Chúng tôi tại đây xác nhận rằng Chủ tài khoản có đủ số dư chứng khoán như đã nêu trên tài khoản. Các chứng khoán này đều thuộc loại tự do chuyển nhượng, không thuộc diện bị tranh chấp hay đảm bảo bất kỳ nghĩa vụ nào và đã được phong tỏa theo yêu cầu của Chủ tài khoản.

I/We hereby confirm that the Account Holder has sufficient balance of securities as described in the attached table and such securities are transferable, undisputed and not mortgaged, pledged or secured for any liability and have been frozen according to the request of Account Holder.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN
Authorised Representative
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Sign, stamp, full name)

Ngày/date.....
(dd/mm/yyyy)

PHỤ LỤC 4
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN

A. Giá trị tài sản

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
7.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cưỡng phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> - Giá giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau; <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
10.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phần, phần vốn góp khác	<p>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
13.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
15.	Các tài sản được phép đầu tư khác	- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất - trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ thông qua.

Ghi chú:

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;
- Tại phần này của Phụ lục, ngày được hiểu là ngày theo lịch dương.

B. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

1. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
2. Khi tính giá trị cam kết, Công ty quản lý quỹ được áp dụng:
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một Chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua Chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua Chứng khoán XYZ;
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một Chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) Chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua Chứng khoán XYZ;
 - Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1.	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng x Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng x giá thị trường hiện tại của cổ phiếu x hệ số delta ²
2.	Quyền chọn trái phiếu (mua	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
	quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng x mệnh giá x giá thị trường hiện tại của trái phiếu x hệ số delta
3.	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng x giá trị tính trên một điểm chỉ số x mức chỉ số hiện tại
4.	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng x giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) x giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5.	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện quỹ chấp thuận
	<p>¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).</p> <p>² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận</p> <p>³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).</p>	

